

10 18
Tháng 12, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON RÔLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN - QUYỀN SARRAUT

Ngày 17 tháng 11 ở Sài-gòn làm lễ mừng đình-chiến, quan Toàn-quyền ALBERT SARRAUT có ra trước tượng quan GAMBETTA đọc một bài diễn-thuyết lời-lẽ rất hùng hồn, thật là một đoạn văn-chương tuyệt-bút. Bản-báo xin dịch ra sau này, in cả nguyên-văn, để công-bố cho quốc-dân biết cái văn hay ý tốt của quan Toàn-quyền ta.

Xét quan GAMBETTA là một nhà đại-chánh-trị của nước Pháp, hồi trận Pháp-Phò năm 1870 đã lấy lòng nhiệt-thành ái-quốc hết sức giúp việc quốc-phòng. sau chẳng may nước Pháp bị thua đem lời tâm-huyết khuyên nhủ quốc-dân nên nhớ cái thù chung mong có ngày rửa sạch. Nay đã đến ngày trả thù, cái nhục trước đã rửa sạch lâu lâu, cuộc vinh sau sẽ rực-rỡ biết bao, quốc-dân ai cũng nhớ đến công ngài trong buổi gian-nan và một lòng truy-cảm cái dạ cả tri-cao của người chỉ-sĩ, giữa lúc hiểm-nghèo vẫn biết tin cậy ở vận-mệnh Tờ-quốc. Bởi vậy nên được tin chiến-thắng bên Âu-châu, quan Toàn-quyền muốn nhân sự vui-mừng ngày nay ngợi-khen cái công-đức người trước, mới đặt lễ khánh-hạ trước tượng quan GAMBETTA và đọc bài diễn-thuyết dịch đây.

Voici l'heure sublime, l'heure sainte, l'heure justicière ! Voici le jour immortel que, pendant quarante-sept années, un grand peuple qui n'oubliait pas, n'a cessé d'espérer d'un inébranlable espoir ! Et parce que tu fus, pour le droit meurtri de ce peuple, la voix obstinément prophétique de sa revanche, parce que, dans le deuil de la Patrie mutilée, le cri de ton invincible foi domina le cri de sa douleur, parce que le geste puissant dont tu relevas la France blessée est resté tendu dans l'espace pour nous montrer l'étoile de l'Immanente Justice, voici, ô Gambetta,

Giờ này là cái giờ tuyệt-dịch, giờ này là cái giờ thánh-thần, giờ này là cái giờ báo-thù đây ! Ngày nay là cái ngày muôn đời còn nhớ, cái ngày mà trong bốn mươi bảy năm trời một dân lớn không biết quên việc cũ vẫn một lòng kiên như đá vững như đồng mong đợi mãi đây ! Ôi quan GAMBETTA, đương buổi cái Công-lý trong nước bị dấy-xé, vì ngài đã cất tiếng lên một lời báo trước rằng thù ấy có ngày trả được ; đương buổi Tờ-quốc bị lia-cắt như chim đắm trong cuộc tang-tóc, vì tiếng ngài đóng-dã một lòng tin cậy không đời, át được cái tiếng kêu sâu-thẳm trong nhân-dân ; vì cái câu ngài nói : « Nước Pháp như người bị

que rassemblés devant ton image, les enfants de la Patrie triomphante viennent aujourd'hui chanter que le jour de gloire est arrivé.

Jour de gloire ! Jour de délivrance et d'ineffable bonheur ! Là victoire équitable a vengé enfin la souffrance et l'outrage d'une trop longue iniquité. La France a repris ses frontières. La Mère Patrie a retrouvé les deux filles que la violence avait arrachées de ses bras. Dans la minute divine que nous vivons, le soleil qui éclaire ton front d'airain, Gambetta, fait jaillir là bas des millions d'éclairs parmi l'immense forêt des baïonnettes françaises qui accompagnent Foch sur les provinces reconquises ! Ecoute, ô toi qui n'as jamais désespéré, la clameur d'ivresse et de liberté qui monte en ce moment des côtes et des plaines de la Lorraine et de l'Alsace ! Ecoute, tout au long des vallées, dans les tours des clochers retentissants, le bruit d'allégresse des carillons de fête ; écoute, dans les cites aux balcons débordants de fleurs, le rire innombrable des enfants et la chanson vibrante des jeunes filles ; écoute et regarde, sur le seuil des maisons pavées enfin des couleurs si longtemps bannies, le sanglot de joie des vieilles et des vieux aux cheveux blanchis sous l'esclavage, et dont les mains tremblantes de gratitude et d'amour bénissent à présent le défilé

thuong, ta đã ra tay nâng cho đứng dậy », nghe đến như trông thấy cái tay hùng-cường của ngài lơ lửng trong không-gian mà chỉ cho chúng tôi cái ngôi sao Công-lý vẫn vằng-vặc trên trời ; vì vậy mà ngày nay Tổ-quốc đã đắc-thắng, các con em trong nước họp nhau lại trước hình-ảnh ngài để hoan-hô rằng cái buổi quang-vinh đã tới đây.

Buổi quang-vinh, mà là buổi giải-thoát, mà là buổi khoái-lạc vô-cùng ! Ta bị khổ bị nhục vì oan-uổng trong bấy lâu nay, tới nay cuộc chiến-thắng công-bằng mới thật báo đền được hết. Nước Đại-Pháp đã thu-phục được bờ-cõi cũ. Mẫu-quốc đã lấy lại được hai người con gái ⁽¹⁾ mà quân tàn-bạo đã cướp mất năm xưa. Trong cái giây-phút thần-tiên này, mặt trời kia ở đây đương soi sáng cái trán đồng của người, hỡi GAMBETTA, mà ở bên kia chiếu rọi vào đám giáo dục gươm trần của mấy trăm vạn quân-binh nước Pháp theo chân quan tướng Foch tiến vào đất những châu-quận mới thu-phục được. Hỡi người binh-sinh đã không hề thất-vọng lúc nào, nay hãy lắng-lặng mà nghe những tiếng kêu hoan-hỉ tự trên sườn núi dưới đồng-bằng đất Á-tân (Alsace) châu Lô-liên (Lorraine) nổi lên vang lừng trời đất ! Hãy lắng-lặng mà nghe ở suốt giốc thung kia tiếng chuông kêu rền trong gác chuông các nhà thờ để báo-tin vui vẻ ; hãy lắng-lặng mà nghe lũ con trẻ cười ầm, gái thanh-tân réo-rất trong những nơi thành-thị kia, nhà này nhà nấy chằng hoa ngấp gác ; hãy lắng-lặng mà nghe, hãy ngoảnh mặt lại nhìn ở trước cửa những nhà kia tới nay mới lại được treo cái hiệu cờ đã bị bỏ trong bấy lâu, những ông già bà lão đã bạc đầu dưới quyền áp-chế, nay quá mừng mà thành khóc, trông thấy đội quân

(1) Tức là chỉ hai châu Alsace Lorraine.

trionphal des libérateurs qui dans l'auguste splendeur des uniformes sanglants et déchirés par la bataille semblent vêtus chacun de la gloire même du drapeau.

Ah ! ces combattants, ces champions stoïques, ces soldats dont l'héroïsme méritait le victorieux génie de chefs tels que les Joffre et les Foch, ces sauveurs indomptables qui, pendant près de cinq ans, auront payé d'épreuves sans nom la rançon de notre honneur et de notre liberté, comme tu les aurais bénis toi-même, ô Patriote, et quels accents admirables ta parole aurait su trouver pour célébrer, au nom de la Patrie reconnaissante, la gloire des armées que la République a préparées !

Leurs aïeux, à l'aube de l'autre siècle avaient déjà ébloui l'Europe des rayons d'une Epopée dont l'éclat semblait ne jamais devoir être égalé. Croisés immortels du Droit Nouveau que la Révolution française apportait au monde, ils avaient jeté, dans les sillons des races humaines, les semences fécondes de justice et de liberté qu'après le soleil de Valmy faisaient germer encore les soleils d'Austerlitz et de Marengo. Et la Patrie leur devait l'orgueil impérissable d'apparaître à l'U-

đến giải-phóng cho mình khỏi qua lẫm-liệt, người nào người nấy trên quân-phục còn vết đạn vết máu nơi chiến-trường như bọc bằng cái quang-vinh tẩm quốc-kỳ, mà các già lão trong lòng cảm-kích yêu-mến quá tay run lên cảm-cập còn đơ ra để chào mừng.

Ôi ! nhà ái-quốc kia (tức chỉ quan GAMBETTA), vì người còn sống thì cảm-phục biết dường nào những bọn chiến-sĩ đó, cái chí anh-hùng thật là xứng-đáng cái tài thiện-thắng của những tướng như tướng JOFFRE tướng FOCH, những bọn chiến-sĩ đó tức là những tay cứu-thế vô-địch, trong ngót năm năm trời đã chịu lẫm-than khổ-nhục biết bao nhiêu để mua chuộc cho ta cái danh-dự, cái tư-do bây giờ ; vì người còn sống thì tất đọc nên những giọng hùng-hồn biết dường nào để thay mặt Tổ-quốc mà cảm ơn, mà khen ngợi các quân-đội của chánh-phủ Dân-quốc đã gây-dựng và tập-luyện nên !

Bạc tiền-bổi những bọn chiến-sĩ đó về đầu thế-kỷ trước kia đã làm nên những sự-nghiệp oanh-liệt rực rỡ cả Toàn-Âu, tướng cái vẻ vang ấy không bao giờ lại sánh tầy. Cuộc Đại-Cách-mệnh nước Pháp ta đã mở mang cho thế-giới một nền Công-pháp mới, thì những bạc tiền-bổi kia tức là những tay võ-sĩ để hộ-trì cho cái Công-pháp ấy, đem cái mầm công-nghĩa tự-do mà rắc vào trong những luống cấy của các dân-tộc, nhờ có mặt trời trận Valmy⁽¹⁾ (Van-mi), rồi kể đến mặt trời trận Austerlitz⁽¹⁾ (Ốt-te-lit) và trận Marengo⁽¹⁾ (Ma-lăng-gô) tưới cho nên cây

(1) Trận Valmy là trận quân Cách-mạnh nước Pháp đánh được quân Phổ (Prussiens) ở làng Valmy. — Trận Austerlitz và trận Marengo là hai trận đại-thắng của vua Napoléon. Ngày đánh trận Austerlitz mặt trời sáng sủa đẹp đẽ lắm ; về sau hồi sắp đánh trận Maskowa trông trời cũng bành bao như vậy, vua Napoléon gọi các quân-linh mà bảo : « Nay mặt trời này là mặt trời Austerlitz đấy ! » Quân lính nghe thấy phấn-khởi dũng-dược, tiến lên đánh. Từ đó câu ấy thành lời sấm-truyền chỉ cái quang-vinh trong sự chiến-thắng. Nay nói mặt trời trận Valmy là chỉ cái vẻ-vang vị Công-lý mà được thắng trận.

nivers civilisé comme la Mère illustre et tutélaire des Nations. Le Droit, par eux, avait transfiguré le visage de la terre, et depuis lors, degrés par degrés, il communiquait à l'humanité le rythme harmonieux du Progrès, dans la liberté de l'homme et l'indépendance des patries.

Mais le Destin réservait aux fils de surpasser le renom de leurs pères, en terminant la tâche qu'ils n'avaient point achevée. Un jour est venu où, jetant au monde l'infâme défi de son agression, une puissance de crime a voulu broyer sous les talons de fer de ses hordes les moissons de justice qui murissaient pour une libre humanité. La Force brutale, la Force cynique, la Force dogmatisée par un militarisme barbare a prétendu abolir, terrasser, trangler le Droit et bâtir le trône de son hégémonie sur les ruines de l'Univers asservi.

C'est cette Force, Gambetta, contre laquelle ton génie avait déjà soulevé la résistance suprême de la Défense nationale dans un sursaut qui, s'il ne put nous épargner la défaite, nous sauva du moins cet Honneur que n'emportent pas dans leur fuite les empereurs et les princes lâches qui désertent leur patrie vaincue ! Et c'est cette Force qui taillant à pleine chair dans le corps de la France abattue, mutilait en nous le Droit éternel, le Droit de tous les peuples, d'une blessure dont la plaie jamais cicatrisée devait un jour élargir et communiquer sa souffrance au cœur de toutes les Nations, conscientes enfin de leur solidarité dans la défense

thành lá. Nhờ công-lao đó mà Tổ-quốc ta đổi với thế-giới văn-minh được cái danh-dự vô-cùng làm vị thần hộ-trì cho các dân các nước. Nhờ các bậc đó mà cái Công-pháp đã biến-cải được mặt địa-cần, tự đó lần lần nhân-loại mỗi ngày một bước lên con đường tiến-bộ, cứ tuần-tự như theo cái dịp-diệu thiên-nhiên, con người ta mỗi ngày được thêm tự-do, các dân-quốc mỗi ngày được thêm độc-lập.

Nhưng cái thời-vận dành cho bọn hậu-sinh được vẻ vang hơn bậc tiền-bối, làm hoàn-toàn cái công-nghiệp mà bậc tiền-bối chưa làm xong. Một ngày kia có một nước cường-bạo ra tay thị-hùng với thế-giới, muốn đem lũ quân thiết-huyết mà dây xéo cái mầm công-nghĩa đương mọc lên, sắp đến ngày sinh hoa kết quả cho nhân-loại được thanh-thoi. Cái võ-lực tàn-bạo, cái võ-lực giống sài-lang, cái võ-lực đặt thành chủ-nghĩa của một loài dã-man, muốn ra phá đổ tiệt-diệt nền Công-pháp, bắt sinh-dân làm nô-lệ, biến thế-giới thành một đồng tro tàn để xây cái ngôi bá-quyền lên trên.

Ấy chính đối với cái Võ-lực đó, hồi GAMBETTA ! mà người đã đem cái thiên-tài ra để kích-dộng cho quốc-dân hết sức chống-cự lại, tuy đến sau không khỏi sự thất-bại, mà cũng không đến nỗi mất danh-dự, cái danh-dự ấy có phải là cái vật mà lũ vua chúa hèn mạt kia (ám-chỉ bố con vua Đức) thấy nước mình bị thua bỏ chạy trốn mà mang theo đi được đâu ? Ấy chính cái võ-lực đó thừa khi nước Pháp bị thua đã đem cái dao oan-nghiệt mà phân cắt nước ta ra, xâm-phạm cái Công-lý thiên-niên của trời đất, cái Công-lý chung của Vạn-quốc, làm cho ta phải một vết thương đau đớn không bao giờ hàn lại được mà mỗi ngày rộng mãi ra, truyền cái đau đớn vào đến quả tim các dân các nước khác, khiến cho muôn nước

de l'avenir humain. Et s'il est vrai que les mânes des morts puissent tressaillir dans leur tombe, tes mânes, ô Gambetta, ont dû frémir d'un indicible tressaillement le jour où, se faisant écho à travers le vaste océan, les grandes voix de Lloyd George et du Président Wilson, exprimant avec solennité le sentiment de leurs nobles pays, traduisant la volonté des armées héroïques qu'ils envoyaient combattre à côté de nos armées, ont déclaré qu'aucune d'elles ne pourrait déposer les armes avant que le Droit fût restauré par la restitution de l'Alsace et de la Lorraine à leur Patrie

Et grâce à cet immense élan de loyauté, de dignité suprême, de bravoure indomptable qui a groupé autour de nous les plus grandes démocraties de la terre, voici désormais assises sur des bases inébranlables la sécurité humaine, la Paix du Monde dans la Justice et la Liberté. Voici que s'accomplit le généreux dessein formé par la Révolution française pour la libération des peuples, les droits des Nations petites et grandes, l'établissement de la démocratie universelle. Et plus jamais personne ne pourra menacer cette œuvre grandiose ! La convulsion terrible qui vient de secouer ce siècle ne laisse debout, en les consolidant, que les gouvernements ou les régnes établis sur le respect du Droit : elle a renversé sans pitié les pouvoirs édités sur la base de la force despotique. Entends-tu, ô Republicain, de

bấy giờ mới hiểu rằng hết thảy đều có cái trách-nhiệm chung phải bảo-trì cho cuộc tương-lai của nhân-loại. Người ta thường nói hồn người chết dấu cách mờ cũng còn cảm-động được, nếu lời đó là phải thì hồn người, hỡi GAMBETTA, bữa trước được nghe lời quan thủ-tướng nước Anh LLOYD GEORGE và quan Giám-quốc nước Mĩ WILSON, người bên bờ bể này kẻ bên bờ bể kia hưởng-ứng nhau, mỗi người thay mặt một đại-quốc tuyên-bố cái ý chung trong nước mình, diễn-xuất cái chi-nghuyện của những quân-đội hùng-cường đã sai sang đất ta cùng với quân-đội ta sánh vai mà đánh kẻ thù chung, hai người đều trịnh-trọng nói rằng hễ cái Công-lý chưa khôi-phục được, hễ hai châu Alsace-Lorraine còn chưa được phục-hoàn về Mĩ-quốc, thì nước Anh cùng nước Mĩ không nước nào có thể thôi chiến được ; nghe lời đó hồn người tất cảm-động biết bao nhiêu !

Ấy nhờ có những nước dân-chủ lớn trong thế-giới hiệp-lực với ta, một lòng thành-thực, một dạ cần-nghiêm, một chí can-đảm như vậy, mà tự nay sự yên-ổn của loài người, cuộc hòa-bình trong thiên-hạ lấy công-nghĩa tự-do làm chủ, mới gây được cái cơ-sở vững bền vậy. Tới nay mới thực-hành được cái mưu quảng-đại của cuộc Cách-mệnh Pháp đời xưa, muốn giải-phóng cho các dân-tộc, bảo-trì cho hết thảy các nước dù lớn dù nhỏ, đặt cái chính-thể dân-chủ trong khắp thế-giới. Rồi từ nay trở đi không ai còn dám xâm-phạm đến cái công-cuộc lớn-lao ấy nữa. Sau cái cuộc kinh-thiên-động-địa mới rồi, chỉ còn những chánh-phủ nào, những nhà vua nào biết tôn-trọng cái Công-lý mới có thể đứng được và được vững vàng mà thôi ; phàm những chủ-quyền lấy cái sức áp-chế làm cốt đều bị diền-đảo cả không sai. Hỡi GAMBETTA, người binh-sinh đã tận-tụy vì cái chủ-nghĩa dân-chủ, nay có

l'autre côté du Rhin, cet effondrement prodigieux de trônes qui, l'un après l'autre, s'écroulent dans un fracas de sceptres rompus et de couronnes qui se brisent ? Le Droit des Peuples a passé, Gambetta, et voici, dans la démocratie mondiale qui s'organise, se préparer la Société des Nations pour assurer dans la paix et la liberté l'avenir de la justice sociale.

Ah ! béni soit le jour qui réalise enfin ce grand rêve et bénis soient ceux dont l'héroïsme ou la pensée auront permis ces accomplissements ! Que notre gratitude monte vers les vainqueurs, étreignant du même élan d'amour les soldats stoïques et les chefs illustres ! Qu'elle monte vers le radieux génie des Nations alliées ! Qu'elle monte vers les grandes figures des hommes d'Etat qui dans tous les pays de l'Entente ont organisé la Victoire et vers les pouvoirs publics qui sans cesse ont secondé leurs desseins ! Et si elle monte aussi vers toi, qui dans l'heure tragique du Désastre, nous enseignas de n'oublier jamais, ô Gambetta, que notre reconnaissance infinie aille aussi à travers l'espace, honorer cet autre témoin de l'Année Terrible, ce grand Français, ce patriote indompté dont la pensée et l'action tournées sans trêve vers les réparations du Droit et le relèvement national reçoivent la juste récompense d'un effort qui n'as jamais désespéré dans l'heure solennelle où le Parlement français décrète qu'à côté de Foch, Clémenceau a bien mérité de la Patrie !

nghe thấy ở bên bờ sông Rhin kia biết bao nhiêu ngôi vua liên-tiếp nhau mà đổ xuống như chút, loảng-xoảng như tiếng gươm quyền bị bẻ gãy, mũ miện bị đập tan ? Cái Công-pháp của Vạn-quốc đã qua đó, và từ nay cả thế-giới đương bước vào con đường dân-chủ, nay mai sắp dựng thành cái công-hội liệt-quốc để giữ cho thiên-hạ được hòa-bình tự-do và bảo-trì cho cuộc công-nghĩa trong xã-hội.

Ồ ! đáng phục thay là cái ngày mới thực-hành được sự mộng-tưởng lớn-lao ấy, đáng phục thay là những người đã đem cái khí anh-hùng, cái trí tu-tưởng mà giúp cho cái công thực-hành ấy thành được ! Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho những kẻ thắng-trận kia, lấy một mối cảm-tình chung mà bao gồm cả quân hùng cùng tướng giỏi. Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho cái tinh-thần rực rỡ của các nước Đồng-minh. Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho các nhà đại-chánh-trị của các nước Hiệp-thương đã biết sắp-dặt cho cuộc chiến-thắng thành được, dâng cho cả các quan-quyền đã hết sức giúp cái mưu của các nhà chánh-trị ấy ! Ta phải đem tấm lòng cảm-tạ của ta mà dâng cho người nữa, hỡi GAMBETTA, vì đương cái buổi nguy-cơ thất-bại, người đã từng dạy cho ta rằng không nên quên bao giờ ; nhưng tấm lòng cảm-bội vô-cùng của ta cũng phải vượt bề qua không mà đem cho tới một người kia cũng đã từng như người mục-kích cái cảnh khổ năm thất-bại, cho tới cái người tri cao dạ cả kia, cái người yêu nước một cách cương-cường kia, bao nhiêu tâm-trí, bao nhiêu tinh-lực đều khuy-nh-hướng cả về một đường báo-thù cho Công-lý và khôi-phục cho nước nhà, không bao giờ ngã nản công-phu, tới nay mới thật đến ngày thành-tựu và được cái thưởng

Mais aussi, oui, mais aussi, que cette gratitude s'exhale avec une émotion poignante vers le souvenir de ceux qui, ayant donné leur vie pour le triomphe de la Patrie, ont fermé les yeux à la lumière avant que les rayons de la Victoire aient éclairé leurs faces de héros. Cette fête est celle des vivants et des vainqueurs. Elle est aussi l'apothéose des Morts ! O vous tous qui depuis le jour où commença de gronder la bataille vous êtes couchés pour jamais dans la paix et la gloire de l'éternel sommeil, morts illustres ou obscurs, morts inconnus ou renommés, morts anonymes qui reposez sous l'immense floraison funèbre des croix dressées sur les charniers sublimes, morts de la Marne et de l'Yser, morts des Vosges et des Esparges, morts de l'Artois et de Verdun, vous tous qui, de la Belgique aux Dardanelles, avez trouvé votre tombeau dans le fossé de la tranchée ou le gouffre insondable des mers, soyez bénis, et que votre destin, dans nos souvenirs, s'inscrive en traits plus pathétiques encore, puisque vous n'aurez pas vu lever l'aurore splendide du triomphe. Si dans l'heure exaltée que nous vivons, il reste encore sur notre joie comme un voile de tristesse, c'est que nos cœurs fraternels souffrent la cruelle injustice qu'il nous soit, à nous, permis de voir ce que vos regards n'auront pu contempler. Et lorsque la présence de vos familles en deuil nous fait ici cette

rất xứng đáng : là cả Nghị-viện trịnh-trọng tuyên-cáo rằng quan CLÉMENCEAU cùng với tướng FOCH đều có công với Tổ-quốc ! Người ấy là ai ? người ấy tức là quan tổng-lý Nội-các CLÉMENCEAU vậy.

Nhưng ta cũng lại phải nhớ mà đem tấm lòng cảm-bội ấy cùng với cái mối cảm-tình rất náo-nùng của ta mà dâng cho hình-ảnh những kẻ chiến-sĩ kia đã đem thân bỏ nơi chiến-trường cho Tổ-quốc được thắng trận, lại phải nhắm mắt thác đi trước khi được cái ánh sáng chiến-thắng chiếu rọi vào nét mặt anh-hùng. Hội mừng này là hội của người sống, của người đã thắng trận trở về. Nhưng cũng là dịp về-vang cho người chết nữa. Nào là những người từ khi mới khởi đầu chiến-tranh tới nay đã vào nằm trong giấc mộng thiên-niên, giấc êm-dềm mà vinh-hiếu ; nào là những người chết hoặc đã trước-danh, hoặc chưa hiện-đạt, hoặc đã có tiếng, hoặc chưa ai hay, cùng là những người chết vô-danh nằm ở trên bãi chiến-trường oanh-liệt nhan-nhãn những chữ thập như dưới đất mọc lên ; nào kẻ chết trên sông Marne, người trên sông Yser, kẻ ở núi Vosges, người ở trại Esparges, kẻ ở đất Artois, người ở thành Verdun, hết thấy những người đã tử trận từ rập ranh đất Belgique cho đến eo biển Dardanelles, hoặc chết ở nơi hầm-hố, hoặc chết ở dưới đáy bể khôn dò ; ta cầu trời giáng-phúc cho các người, và ước-nguyện rằng mỗi lần nghĩ đến thân-phận các người mới sâu trong lòng lại càng nao nao những nỗi thương-tiếc, vì các người đã không được hưởng cái vinh-hoa buổi chiến-thắng. Trong cái giờ cực-lạc này, sự vui mừng của ta còn như mờ-ám một chút buồn rầu, vì trong lòng ta còn đau đớn vì nỗi cái cảnh-tượng ngày nay chỉ mắt ta được trông mà các người không kịp thấy. Lại đôi nhìn đến cửa nhà tang-tóc của các

injustice plus sensible, lorsque regardant parmi nos rangs décimés, nous comptons les vides que la mort a creusés dans notre phalange française et indigène, lorsqu'évoquant les pages du livre d'or de l'Indochine, nous nous sentons comme enveloppés des ombres des Français et des Annamites qui depuis le plus humble jusqu'au Gouverneur Général qui fut leur chef, sont tombés face à l'ennemi, voici qu'irrésistiblement le cri sublime entendu un jour sur la tranchée monte à nos lèvres, et que jaillissant de nous en une prière éperdue pour arracher aux tombes refermées l'impossible miracle des résurrections ce cri répète : « Debout les morts ! Venez, venez voir votre victoire ! »

Devant ces morts, enfants qui m'écoutez, devant ces morts comme devant les vivants, inclinez tous vos jeunes fronts et qu'à jamais le souvenir se grave en votre cœur du grand jour qui célèbre leur œuvre et leur gloire. Ce sont vos bien-faiteurs, vos libérateurs ! C'est pour vous qu'ils se sont battus ! C'est pour vous qu'ils sont tombés. C'est votre avenir qu'ils ont sauvé. Par eux, triomphe votre droit à la vie et s'écarte de vos destins le supplice des épreuves que pour vous ils ont tous sublies. Souvenez vous, hommes de demain ! Méditez la grande leçon de Droit, de Justice, de Vérité qui vient vers vous des profondeurs du tombeau comme des resplendissements de la vic-

người, lòng đau đớn kia lại càng thêm lên, ta bèn thử tính cái số người chết trong hai dân Pháp Nam ta, hình-dung cái tập sách vàng công-trạng của xứ Đông-dương này, ta thấy như quanh mình ta đầy những hình-ảnh người Tây người Nam, trên tự quan Toàn-quyền (tức ám-chỉ quan nguyên phó-toàn-quyền VAN VOLLENHOVEN bị tử-trận) dưới đến kẻ thường-dân đã bị chết trong khi chiến-đấu với quân địch, mà hốt-nhiên sự nhớ đến cái câu tuyệt-ngôn một ngày kia đã nghe thấy ở nơi chiến-hào, nay lại muốn hô-hoán lên để mà kêu mà gọi người chết ở trong mồ cải-tử hoàn-sinh lại, kêu rằng : « Người chết đâu đứng dậy ! Lại đây, lại đây mà xem cuộc thắng của các người ! » ⁽¹⁾

Hỡi các con đừng nghe ta đây (quan Toàn-Quyền chỉ những học-trò các trường đến dự hội), các con phải cúi đầu vái lạy cả những người sống cùng người chết đó, và đến muôn đời cũng phải nhớ trong lòng cái ngày hội hôm nay là ngày ngợi khen công-trạng những bậc đó ! Những bậc đó là người ân-nhân của các con, là người cứu nạn cho các con đó ! Vì các con mà những người đó mới phải ra xông-pha nơi chiến-trận. Vì các con mà những người đó mới phải chết. Những người đó cứu-vớt được, là cứu-vớt cái tương-lai của các con đó ! Nhờ những người đó mà các con mới được cái quyền sinh-hoạt thanh-thời ở đời, các con mới tránh khỏi những sự lầm-than khổ-nhục, những người đó đã chịu cả cho các con rồi. Mai đây các con sẽ thành người lớn, các con phải nhớ lấy. Các con

(1) Câu này là do một tích như sau này : Một hôm một toán quân Pháp đương tiến lên đánh, người bị chết bị thương đã nhiều, mà quân vẫn hăng-hái lắm, cứ cầm đầu mà xông vào, có một viên cai-đội trông thấy xác người ngổn ngang vừa đốc quân vừa kêu to lên : « Người chết đâu đứng dậy ! (Debout les morts !) quân lính nghe thấy cảm-kích vô cùng, cái dũng-khi ại tăng thêm lên.

foire. N'oubliez jamais ! N'oubliez jamais surtout que si votre Patrie a trouvé la force de vaincre dans la noblesse de son idéalisme, elle a trempé cette force, comme l'acier d'une invincible épée, au foyer ardent de cette union sacrée qui reste le devoir de demain comme elle fut le devoir d'hier. Cimentée dans le sang de la tranchée, la grande fraternité française a rassemblé tous ceux que séparaient jadis les barrières sociales et les différences de caste ou de naissance. Riche et pauvre, laïque et religieux, ouvrier et patron, prêtre et franc-maçon, prolétaire et gentilhomme, tous, du même cœur, se sont unis, ont combattu, souffert, saigné ensemble pour sauver une Patrie qu'ils vous rendent plus grande et plus glorieuse. Souvenez-vous, enfants, et que vos mains tendues vers l'image de celui qui incarne l'espérance immortelle de la France, fassent le serment de s'unir à jamais aussi pour garder intact l'héritage sacré que vous aurez légué les vainqueurs de la Dernière Guerre !

ngiên-ngẫm cho kỹ cái bài học lớn-lao, là bài học Công-pháp, Công-nghĩa, Chân-lý của người chết tử dưới âm-ti còn truyền lại cho các con, như cái ánh sáng rực-rỡ của cuộc chiến-thắng vậy. Các con chớ bao giờ quên ! Nhất là chớ bao giờ quên rằng Tổ-quốc các con đã lấy cái lý-trưởng cao-thượng mà đủ sức chiến-thắng được, là vì cái sức ấy tức cũng như cái thép thanh gươm vô-dịch đã đem đoàn-luyện vào trong cái lò lửa của cuộc « Đồng-tâm thánh-thần », cuộc đồng-tâm ấy người trước đã gây thành nên, người sau vẫn phải giữ gìn lấy. Cái tinh đồng-bào người nước Pháp thề-nguyền nhau bằng máu ở nơi chiến-hào, đã hòa-hợp được hết thảy những người trước kia cách-biệt nhau trong xã-hội, hoặc vì đảng-phái khác nhau, hoặc vì ngôi-vị không giống. Kẻ giàu người nghèo, kẻ theo đạo, người ngoài đạo, kẻ làm chủ, người làm thợ, kẻ đi tu bên giáo, người thuộc đảng bí-mật, kẻ giòng sang, người giòng hèn, hết thảy một lòng hòa-hiệp mà cùng nhau chịu khổ chịu cực ra chống giữ cho nước, để dành lại cho các con một cái Tổ-quốc càng ngày càng lớn-lao, càng ngày càng vinh-hiến. Các con phải nhớ lấy, đương lúc giờ tay ra vái hình-ảnh cái người khi xưa đã làm biểu-hiệu cho cái lòng hi-vọng bất-diệt của nước Đại-Pháp, phải lấy cái tay ấy mà thề-nguyền rằng từ nay về sau đời đời hòa-hiệp với nhau để bảo-tri lấy cái hương-hỏa thánh-thần của những kẻ chiến-thắng cuộc chiến-tranh cuối cùng này đã di-truyền lại cho các con !

PHẠM QUYNH dịch

TIẾNG AN-NAM CÔ CẦN PHẢI HỢP-NHẤT KHÔNG ?

ĐÃ NÊN LÀM TỰ - ĐIỀN AN - NAM CHƯA ?

Gần đây nghe nhiều người nói nên hợp-nhất ⁽¹⁾ tiếng An-nam, chưa hiểu ý hợp-nhất ấy ra làm sao. Nếu nói rằng vì tiếng Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ không giống nhau mà cần phải hợp lại làm một, thì thiết-tưởng chưa được sắc-dáng lắm. Sự không giống đó chưa chắc đã là phải, mà sự hợp-nhất kia mới lại là vô-bằng nữa. Vì nếu quả tiếng tam-kỳ không giống nhau thật mà muốn hợp-nhất thì lấy gì làm bằng-cứ, bắt tiếng nào theo tiếng nào, lấy tiếng nào làm đúng hơn tiếng nào mà đặt làm mẫu ! Khó lắm thay ! Thiết-tưởng nếu phải hợp-nhất như vậy thì không hội Hàn-lâm nào hợp-nhất cho được. Ấy một cái ý-kiến ⁽²⁾ bơ-vơ một vài người khởi-xướng ra, nhiều người phụ-họa ⁽³⁾ vào mà thành một mối dư-luận không thiết-thực. Nếu cứ nhân đó mà bàn hoài thì thành ra bàn vơ-vẩn, không có chủ-định gì. Người này nói hợp-nhất, người kia cũng nói hợp-nhất, mà để chưa ai biết hợp-nhất ra cách nào !

Kỳ-thực cái vấn-đề không phải đâu như vậy.

Tiếng Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ khác nhau là phần nhiều khác bởi cái giọng nói, chỗ này nói nặng chỗ kia nói nhẹ, chỗ này nói rõ vần này, chỗ kia nói lộn vần kia, lúc mới đầu nghe có hơi khó một chút, mà rồi quen tai cũng lấy làm

thường ; phần ít bởi ít nhiều những tiếng xứ này có mà xứ kia không có, hoặc xứ này dùng ra một nghĩa mà xứ kia dùng chạnh ra nghĩa khác, kể cả thấy không đầy vài ba trăm tiếng ; lại một phần ít nữa là bởi một vài lối đặt câu riêng của mỗi xứ, hoặc người xứ khác mới nghe có lạ tai mà nhận kỹ hiểu ngay không khó gì, phần đó kể chẳng bao nhiêu. Ấy cái khác chỉ có thế mà thôi, mà đại-dễ cũng chỉ riêng trong những bọn hạ-lưu, còn những bậc học-thức thì dù người Bắc-kỳ, người Huế, hay là người Lục-tĩnh mới gặp nhau ngồi nói truyện không bao giờ là khó hiểu cả, dù nói những sự rất cao-xa cũng vậy. Tôi còn nhớ khi đi chơi Nam-kỳ thường ngồi bàn văn-chương với mấy cụ già ở vườn, tôi nói gì các cụ cũng hiểu mà các cụ nói gì tôi cũng nghe được, lắm lúc quên hẳn cái giọng kể Bắc người Nam. Coi đó thì biết tiếng An-nam ta có cần gì phải hợp-nhất mới lưu-thông được. Còn những tiếng thông-thường có tiếng khác nhau, phần nhiều là tên các đồ vật, thì gọi cái *thìa* là cái *muỗng* hay cái *muỗng* là cái *thìa*, *hộp quẹt* là *bao diêm* hay *bao diêm* là *hộp quẹt*, *trái xoài* là *quả muôm* hay *quả muôm* là *trái xoài* thì có hề chi ? Một bài văn có những tiếng như vậy cũng không đủ làm cho người Bắc người Nam không hiểu nhau được. Nếu muốn cưỡng hợp-nhất thì

(1) Hợp-nhất, 合 — = Hợp nhiều thứ lại làm một, cho đều nhau, giống nhau. — UNIFORMISER.

(2) Ý-kiến, 意見 = Một cái ý-nghĩ về một sự gì. — OPINION ; AVIS.

(3) Phụ-họa, 附和 = Một người xướng lên, nhiều người cùng đua theo vào. — FAIRE CHORUS ; S'UNIR A D'AUTRES POUR DIRE COMME EUX.

hợp-nhất sao được những tiếng đã thông-dụng như vậy? Huống gần đây Nam Bắc giao-thông đã nhiều, những tiếng khác nhau ấy rồi dần-dần cũng giao-dịch mà thành ra lưu-thông cả. Cứ thực mà nói dân An-nam ta thật là được hơn các dân khác là chỉ có một thứ tiếng suốt trong cõi, từ rập ranh nước Tàu cho đến mồm đất Cà-mao, từ bờ bể Đông-hải cho đến bến sông Mê-kông, người An-nam đi tới đâu cũng có thể nghe hiểu nhau được không khó gì. Ấy là tiếng An-nam chưa có văn-chương sách-vở gì nhiều, nếu có nhiều sách-vở văn-chương thì tiếng còn nhất-tri⁽¹⁾ hơn nữa. Trừ ít nhiều những tiếng khác nhau như trên kia đã nói, kê ra một cái mục-lục, đối-chiếu tiếng xứ nọ với tiếng xứ kia thì những tiếng khác ấy thành ra quen ngay và thông-dụng được ngay.

Như vậy thì sự hợp-nhất ấy có khó gì mà nhiều người đua nhau bàn như một cái vấn-đề rất quan-trọng cho quốc-văn ta ngày nay.

Xét kỹ ra thì cái vấn-đề rất quan-trọng là như sau này: làm thế nào gây được một lối quốc-văn thông-dụng cho cả tam-kỳ? Lối quốc-văn ấy hiện nay chưa thành, phải nhất-thiết gây dựng ra, chớ không phải đã có sẵn rồi mà bàn hợp-nhất được.

Thuộc về cái vấn-đề đó, kê Nam người Bắc còn chưa được đồng-y nhau. Muốn bàn cho sách lý phải xét cho hết lẽ mới được. Phải biết cái lịch-sử tiếng An-nam sinh-thành thế nào, từng trải

những gì mới đến ngày nay. Lại phải xét cái tình-trạng tiếng An-nam bây giờ, muốn giữ được cốt-cách cũ mà không sai cái hình-thức mới thì phải làm thế nào. Đó là những điều phải nghiên-cứu cho tường mới bàn cho đúng được.

An-nam ta vẫn có tiếng, tiếng vẫn lưu-thông trong nước, mà xưa nay chưa thành văn. Là vì trước kia ta theo nho-học đã lâu đời, không những văn-chương chỉ chuyên-dụng chữ nho mà đến việc thư-từ biên-ký cũng không từng dùng tiếng nôm bao giờ. Văn với nôm hai tiếng vẫn hình như phản-đối nhau; đã nôm-na thì không sao văn-vẽ được, đã văn-vẽ tất không nôm-na. Cái tư-tưởng đó cũng hơi hẹp-hòi và do cái cách giáo-dục thuần bằng chữ hán của nước mình xưa nay. Bởi đó mà quốc-văn trải mấy nghìn năm không thịnh-hành được, bởi đó mà trong quốc-âm ngày nay phần nhiều là chữ hán cả. Nhưng đó là cái tình-trạng đã thành rồi⁽²⁾, duyên-do tự mấy mươi đời trước, dẫu ngày nay muốn thay đổi cũng không sao được. Muốn thay đổi phải nhân cái tình-trạng đó mà thay đổi, không thể trái-ngược lại được, cũng không thể phá-đổ đi được. Nghĩa là quốc-âm ta đã chịu ảnh-hưởng⁽³⁾ của chữ hán trong mấy mươi đời nay, nay muốn gây-dựng quốc-văn phải nhân cái ảnh-hưởng đó mà lợi-dụng ra, chớ không thể đem sớ hán đi để mong trở lại cái nguyên-âm⁽⁴⁾ cũ của nước mình được, vì cái nguyên-âm ấy phần nhiều đã mai-một⁽⁵⁾ đi từ đời

(1) **Nhất-tri**, 一致 = Cùng đều một thể, một cách, cùng gồm lại như một. — UNITÉ, UNIFORMITÉ.

(2) **Tình-trạng** đã thành rồi, là cái thể hiển-nhiên, không thể thay đổi được. Tức tiếng tây là: UNE SITUATION DE FAIT.

(3) **Ảnh-hưởng** (chịu), là chịu cái thể-lực vô-hình của cái khác. — SUBIR L'INFLUENCE.

(4) **Nguyên-âm**, 原音 = Cái tiếng cũ của mình, cái tiếng có từ trước. — LANGUE PRIMITIVE.

(5) **Mai-một**, 埋沒 = Trón lấp mất đi, dần dần mòn mỏi đi hết, tiêu mòn đi mất. — DISPARAÎTRE (peu à peu).

nào, muốn bới vết tim tâm cũng không thấy dấu được nữa.

Cho nên những người khảng-khái một cách quá-đáng muốn bảo-tồn lấy quốc-âm mà lại bỏ hết những chữ nhỏ cùng những lối văn nhỏ đã dung-hòa với quốc-âm tự bao giờ đến nay là nghĩ sai cả.

Xưa kia ta chỉ có văn-chương bằng chữ nhỏ; đôi khi cũng có một vài ông tiền-bối ⁽¹⁾ làm nôm, những văn nôm ấy không thoát-li được khuôn-phép văn chữ. Ngày nay cái tư-tưởng quốc-dân mỗi ngày một rộng ra, biết rằng mỗi nước phải có một lối văn riêng bằng quốc-âm thì sự giáo-hóa trong nước mới mau và khắp được. Cho nên khắp nước đã công-nhận chữ quốc-ngữ là quốc-văn và trong khoảng mấy năm nay văn quốc-ngữ đã thông-hành trong suốt cõi. Đó thật là một sự đáng vui mừng thay. Nhưng cái văn quốc-ngữ ấy chưa định-thể ⁽²⁾, nhiều người chưa hiểu rõ tính-cách văn quốc-ngữ thế nào. Thành ra ai muốn viết thế nào cũng được, mỗi người được tự-do tùy ý mình muốn đặt ra những lối riêng lắm khi không có bằng-cứ nào. Nói tóm lại trong văn-trường ta thật là chưa có kỷ-luật gì. Cái tình-trạng đó không thể để mãi như thế được. Phải cố định lấy một lối văn-quốc-ngữ cho từ nay những người làm văn biết cái phương-châm ⁽³⁾ nên theo, không đến nỗi phải phân-ván như trước.

Ấy cái nghĩa hợp-nhất là như thế, chứ không phải là hợp-nhất cái giọng nói hoặc một ít nhiều tiếng khác nhau trong ba xứ mà thôi đâu. Hợp-nhất đây là hợp-nhất cái văn-pháp vậy ⁽⁴⁾. Nhưng sự hợp-nhất trong văn-pháp ấy có thể do một hội-đồng hay một tòa Hàn-lâm nào định được không? Quyết rằng không. Công việc của một hội-đồng hay một tòa Hàn-lâm nào là nhân cái văn đã có rồi mà định phép-tắc, chứ không thể định phép-tắc cho cái văn chưa có được. Vậy phải đợi cho văn thành đã, rồi mới đặt ra mẹo luật nhất-định để dạy người sau. Hiện nay là phận-sự các nhà làm văn phải ra công ráng sức mà gây cho thành một lối văn thông-dụng được trong ba xứ. Sự hợp-nhất trong văn-pháp đó là do các nhà làm văn, không phải do một hội nào quyết-định được. Các nhà làm văn trong ba xứ phải tùy nghi mà chăm-chước ⁽⁵⁾ lẫn nhau, rồi tự-khắc lẫn-lần xuất-hiện ra một cái văn-pháp riêng bởi lẽ tự-nhiên mà thành, không phải bởi ý riêng của một vài người đặt ra.

Nhưng có mấy điều cốt-yếu như sau này, các nhà làm văn phải chú-ý thì sự hợp-nhất ấy mới thành được.

Thứ nhất là quốc-âm ta đối với chữ Hán có cái mối liên-lạc ⁽⁶⁾ rất mật-thiết ⁽⁷⁾, tuy ngày nay hán-học đã suy mà phải giữ lấy cái khuôn phép của hán-văn thì sau này quốc-văn mới có căn-cốt. Một nền văn-chương không thể một ngày một buổi mà thành được. Quốc-văn ta

(1) Tiên-bối, 前輩 = Người trước, bọn sinh trước mình. — NOS AINÉS, NOS PÈRES.

(2) Định-thể, 定體 = Hình-thể nhất-định. — FORME FIXE, FORME CONSACRÉE.

(3) Phương-châm, 方針 = Cái hướng phải theo. — DIRECTION A SUIVRE.

(4) Văn-pháp, 文法 = Phép làm văn, lối làm văn. — STYLE.

(5) Chăm-chước 斟酌 = Suy tính lựa chọn, thêm bên này bớt bên kia cho được vừa đúng. — SE FAIRE DES CONCESSIONS, S'INSPIRER LES UNS LES AUTRES.

(6) Liên-lạc, 連絡 = Liên buộc lại với nhau, không rời được. — UNI COMME PAR UN LIEN; RAPPORT ÉTROIT, INTIME.

(7) Mật-thiết, 密切 = Thân-thiết lắm. — ÉTROIT, INTIME.

tuy chưa có định-thể mà cái thể-thức rồi cũng không ra ngoài cái thể-thức của hán-văn được. Ta học chữ Hán trong mấy nghìn năm, cái tinh-thần của chữ Hán đã tiêm-nhiễm vào trong óc ta sâu lắm rồi, dù có muốn gột rửa đi cũng không sao được. Vậy quốc-văn sau này làm thế nào cũng có phảng-phất cái tinh-thần hình-thức của hán-văn; đó là một lẽ tất-nhiên.

Thứ nhì là quốc-văn tất phải có chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn; đó cũng lại là một lẽ tất-nhiên nữa. Người An-nam ta học chữ Pháp mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một thắm, cái tinh-thần của Pháp-văn rồi cũng dần-dần tẩm-thấm vào trong não-chất người mình như hán-văn khi xưa, và bỏ cho những điều khuyết-diểm của hán-văn. Hai cái tinh-thần ấy hòa-lộn với nhau, bỏ lẫn cho nhau, nhờ đó mà không bao lâu quốc-văn ta thành được, gồm cả cái tinh-hoa của Âu Á. Hiện nay nhận kỹ những người hoặc thuần cựu-học, hoặc thuần tân-học viết văn quốc-ngữ đều không được thanh-thoát cả. Người thuần cựu-học thì có nhiều chữ dùng mà cách sắp đặt còn lộn-xộn, thứ nhất là không biết chấm câu theo lối mới, phép chấm câu ấy tuy coi tầm-thường mà rất là quan-hệ cho văn-chương. Người thuần tân-học thì thuộc phép đặt câu mà chữ dùng thường thiếu-thốn, không đủ tiếng mà nói hết cái ý mình. Tất phải người hiểu cả hai lối văn thì viết văn quốc-ngữ mới thông được. Đó là cái chứng-rằng văn quốc-ngữ muốn cho thành-lập không thể dời hán-văn và pháp-văn được. Quốc-văn ta đương buổi phôi-thai ⁽¹⁾ này mà được hai cái văn-chương lão-thành nhất trong thế-giới làm « cha đỡ đầu » cho, chẳng phải là một sự may lắm rư?

Điều thứ ba là quốc-văn ta tuy phải tỏ-thuật văn Tàu văn Tây làm mẫu, mà không thể mất được cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam. Hóa-học dạy rằng phàm hai chất đem hóa-hợp với nhau thì thành ra một chất thứ ba, tính-cách khác hẳn hai chất kia. Văn quốc-ngữ ta rồi cũng vậy. Tuy bởi văn Tây văn Tàu điều-hòa mà thành, mà rồi tự biệt-lập ra một lối văn riêng, không giống hẳn văn Tây mà cũng không giống hẳn văn Tàu. Các nhà làm văn ta phải chú-ý lắm mới được. Trong khi bắt chước văn Tây, hay phỏng theo văn Tàu, phải cố giữ lấy cái quốc-túy của mình, nghĩa là cái phần nó đặc-biệt mình với người khác. Theo người là theo cái thể-thức hay, cái phương-phép khéo của người, không phải là bỏ cái hồn của mình đi mà chước lấy cái hồn của người đầu. Mỗi người ta có một cách tư-tưởng cảm-giác riêng, không ai giống ai. Gồm hết thấy mọi người trong một nước cũng có một cách tư-tưởng cảm-giác chung cho cả bấy nhiêu người mà riêng cho một nước ấy, không giống các nước khác. Phàm đã gọi là quốc-văn là phải vừa diễn được cái tư-tưởng cảm-giác riêng của mỗi người mà lại vừa tả được cái tư-tưởng cảm-giác chung trong một nước. Văn có thể mới gọi được là văn có tư-cách, mới là cái văn đã hoàn-toàn. Các nhà làm văn trong nước ta phải cố gắng cho văn quốc-ngữ có tư-cách như vậy, được hoàn-toàn như vậy.

Nếu hết thấy các nhà văn-sĩ trong Nam ngoài Bắc đều hiểu rõ các lẽ đó và cùng nhau theo đuổi một mục-dịch chung thì lo gì mà quốc-văn ta không thành-lập được, không hợp-nhất được? Sự thành-lập ấy, sự hợp-nhất ấy, sẽ lần-lần, nhật-tầm nguyệt-tí ⁽²⁾, không

(1) **Phôi-thai** 胚胎 = Mới có thai, có mầm, chưa sinh xuất ra hẳn. — A PEINE NÉ; ÊTRE ENCORE DANS LES LANGES; A L'ÉTAT EMBRYONNAIRE.

(2) **Nhật-tầm-nguyệt-tí**, 日浸月漬 = Ngày tằm một tí, tháng thấm một tí, dần dần mà thành. — PEU A PEU, PROGRESSIVEMENT, AVEC UNE SAGE LENTEUR.

thể một buổi mà thành được, cũng không thể do một hội-đồng hay là một tòa Hàn-lâm nào quyết-định mà xong được. Nhưng cốt nhất là các nhà văn-sĩ phải đồng-ý nhau về ba điều cốt-yếu như trên kia đã nói, nghĩa là trong khi làm văn quốc-ngữ phải tùy-nghĩ chăm-chước, lấy hán-văn pháp-văn làm mẫu, mà lại cố giữ lấy cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam minh. Ba điều đó không phải là phản-trái nhau mà thiệt là liên-lạc với nhau. Có hán-văn thì văn quốc-ngữ mới có cốt-cách, không sai lẽ-lối cũ của nước minh; có cốt-cách rồi, nhiên-hậu mới theo được cái phương-pháp mới của pháp-văn mà đem ra diễn được các tư-tưởng mới. Có cốt-cách, có phương-pháp rồi, nhiên-hậu cái tinh-thần riêng của tiếng An-nam minh mới có đường-lối mà phát-biểu ra được. Nếu khuyết một đoạn trong ba đoạn đó thì quốc-văn chưa gọi là hoàn-toàn được.

Ấy cái vấn-đề về văn quốc-ngữ đại-khải có mấy điều quan-trọng như vậy. Nay có một điều nữa cũng có thể giúp cho quốc-văn chóng thành-lập được: là sự làm một quyển tự-điển An-nam.

Việc nay cũng nhiều người bàn lắm như việc học-nhất trên kia, mà tổng-chí cũng là bàn không thiết-thực cả. Đi đến đâu cũng nghe người nói ta cần phải có một quyển tự-điển An-nam mới được, nhưng nếu thử hỏi phải làm tự-điển ấy ra làm sao thì ít người biết nên làm thế nào cho tiện-lợi.

Trước khi làm tự-điển phải giải rõ tự-điển là cái gì. Tự-điển về một thứ chữ nào là cái tổng-mục hết thấy những tiếng trong thứ chữ ấy. Như tự-điển KHANG-ĐI là cái tổng-mục hết thấy các chữ Hán. Tự-điển LABOUSSE là cái tổng-mục hết thấy các chữ Pháp.

Nghĩa là một cái sổ để ghi lấy những chữ đã có, và ghi lấy cái nghĩa thông-thường của mỗi chữ. Như thế thì trước hết phải đã có đủ chữ đủ tiếng, và mỗi chữ mỗi tiếng phải đã có nghĩa nhất-định rồi thì mới cần ghi lấy cho khỏi quên và truyền cho người khác, chớ đương khi chữ chưa đủ mà dùng, nghĩa hãy còn phảng-phất, thì đã vội ghi lấy làm gì, mà cho dầu muốn có ghi lấy nữa thì lấy gì làm bằng-cứ? Người làm tự-điển là một người « giữ sổ », tiếng nào đã thành rồi thì biến vào sổ, không phải là người đặt ra chữ được. Người đặt chữ phải là các nhà văn-sĩ, trong khi làm văn nghĩ ra những cách dùng chữ khéo, những cách đặt câu điệu, rồi dần dần lưu-truyền đi thành ra thông-dụng, bấy giờ nhà làm tự-điển mới đem mà ghi vào sổ. Tiếng An-nam ta ngày nay tuy về phần « nhật-dụng thường-dâm », về phần phương-ngôn tục-ngữ đã có nhiều chữ nhiều tiếng lắm, mà về phần học-thuật cách-tri còn thiếu-thốn nhiều. Vả xưa nay chưa có quốc-văn, không kể những chữ những tiếng còn thiếu, mà đến những tiếng những chữ vốn có cũng chưa từng đem ra dùng làm văn-liệu⁽¹⁾, cho nó mền-mại tinh-tường thêm ra. Bấy giờ quốc-văn mới thành, phải để cho các nhà làm văn tự-do mà kiếm tiếng dùng chữ, lợi-dụng cái kho quốc-âm vốn có của nước nhà, thân-nhật những danh-từ chưa có xưa nay, đến bao giờ tiếng mới tiếng cũ, nghĩa bóng nghĩa đen, đã hồn-nhiên mà lưu-hành cả, bấy giờ nhà làm tự-điển mới có thể ra tay mà cốp-nhật lấy để ghi-chép vào quyển sổ của mình. Bẵng nay quốc-văn còn sốn-đi chưa có định-thể, chưa có bằng-cứ, mà đã vội làm tự-điển ngay thì e rằng không tránh khỏi cái trách độc-đoán, nghĩa là tự mình theo ý mình

(1) Văn-liệu, 交料 — Tài-liệu để làm văn. — MATÉRIAUX LITTÉRAIRES.

quyết-định mà bắt hết thầy người ta phải theo, thật là có hại mà không có lợi cho quốc-văn vậy. Cứ xét những tự-diễn tiếng An-nam đã xuất-bản từ xưa đến nay, như bộ *Quốc-âm tự-diễn* của ông PAULUS CỦA người Nam-kỳ, tuy làm đã công-phu lắm, mà nay có mấy người dùng, thì đủ biết. Đại-đề một thứ tiếng còn đương tiến-thành, chưa có định-thể như tiếng An-nam ta ngày nay, phải để cho rộng đường tiến-hóa, không thể đem giam vào trong giới-hạn một quyển tự-diễn được. Làm tự-diễn tiếng An-nam bây giờ là sớm quá. Hoặc-giả có nhà học-văn nào chỉ chủ một cái mục-dịch khảo-cứu mà thôi, muốn ghi lấy những tiếng An-nam hiện có bây giờ mà làm quyển tự-diễn riêng cho việc khảo-cứu thì có ích-lợi gì chẳng, chớ muốn làm cái cơ-quan để giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt thì e không được thành-hiệu lắm.

Nhưng nếu thế thì bao giờ cho tiếng An-nam có tự-diễn, và hiện nay có chữ gì không biết muốn tra-cứu thì tra-cứu vào đâu. Thiết-trông có một cách bổ-cứu được sự khuyết-diểm đó, là làm một bộ « Pháp-Việt tự-diễn » dịch theo các tự-diễn tây, vừa giúp được cho quốc-văn chóng thành-lập mà lại vừa giúp được quốc-dân học chữ Pháp, có thể ích-lợi được nhiều dường. Và một bộ « Pháp-Việt tự-diễn » không phải là bộ tự-diễn tiếng An-nam, không có cái bất-liên như trên kia : chẳng qua là một bộ tự-diễn dịch tiếng Pháp ra tiếng Nam mà thôi.

Ngày nay người An-nam, nhất là những bậc thanh-niên, đua nhau học chữ Pháp cả. Những khi cần phải dịch pháp-văn ra tiếng ta thì không có sách gì mà tra-cứu. Và phẩm các khoa-học mới là học bằng chữ Pháp cả, các tư-trưởng mới là diễn bằng tiếng Pháp cả, muốn nói ra tiếng nước mình lắm khi thiếu tiếng không nói được hết. Thành

ra bao nhiêu những tay Pháp-học càng ngày càng chán quốc-văn, vì vốn mình đã ít chữ, lại không có sách mà học thêm, những khi cần-dùng không biết cầu-cứu vào đâu, chắc nhiều người nản-chí. Nay dịch được một bộ tự-diễn Pháp ra tiếng An-nam, dịch cho kỹ-lưỡng, cho hoàn-toàn, đặt những chữ gọn-ghe xinh-xắn, dễ đọc dễ nghe, cho có thể dùng làm văn quốc-ngữ được, chớ không những thích nghĩa tiếng tây mà thôi (như tự-vị Trương Vĩnh-Kỷ trong Nam-kỳ), thì giúp cho những nhà Pháp-học biết bao nhiêu. Mà giúp cho những người Pháp-học được rộng tiếng quốc-âm mà dùng, tức là giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt, vì những tay pháp-học đó tức là những tay thợ giỏi sắp ra xây cái nền quốc-văn sau này vậy.

Vả chữ Pháp là một thứ chữ hay nhất, đẹp nhất, hoàn-toàn nhất trong thế-giới, các bậc tri-thức ở các nước đã phải công-nhận cả. Chữ Pháp diễn cái gì cũng được phân-minh rõ-ràng, sáng-sủa gọn-ghe, diễn-nhã thanh-tao ; thứ nhất là chữ nào cũng sáng nghĩa lắm, không có mập-mờ, không có trùng-điệp, không có lẫn-lộn. Người nào đã từng học chữ Pháp ít nhiều cũng biết rằng tiếng Pháp thật là có nhiều cái hay hơn tiếng các nước khác. Nay ta dịch được một quyển « Pháp-Việt tự-diễn », tức là bày cho quốc-văn ta một cái mẫu tuyệt-phẩm vậy. Ai cũng biết rằng tiếng An-nam mình nhiều tiếng rất thường dùng mà nghĩa rất mập-mờ, đặt trong câu văn muốn giải ra thế nào cũng được, thành ra văn nôm nhiều khi hời nghĩa là vì thế. Nay đem ra dịch chọi với tiếng Pháp, có thể định nghĩa phân-minh được. Đó là một sự ích-lợi không gì bằng, không kể một thứ tiếng còn non-nớt mà đem khuôn vào một thứ tiếng đã lão-thành, còn được nhiều sự ích-lợi hiển-nhiên nữa, không thể nói hết cả được.

Bởi các lẽ đó nên thiết-tưởng rằng hiện nay bọn ta cần một quyền tự-diễn dịch riêng tiếng Pháp hơn là một quyền tự-diễn chung cả tiếng An-nam. Các nhà có chí nên lưu-tâm vào việc đó trước nhất. Bản-báo cũng muốn ra

công giúp một phần vào đó và định sau này sẽ khởi-thảo một bộ « Pháp-Việt tự-diễn » trong báo này. Xin đề sau sẽ bàn tưởng hơn.

PHẠM QUỲNH

TU-TƯỜNG ĐẸP, LỜI VĂN HAY

(Dịch chữ Pháp)

Le propre de l'homme, c'est ce qu'on appelle la personnalité, cet effort pour être quelqu'un, pour acquérir une certaine vertu et une certaine valeur, pour apporter à l'œuvre universelle de l'humanité quelque chose de nouveau, de distinct, qui constitue, pour cette œuvre, un enrichissement.

E. BOUTROUX

Cái đặc-sắc của người ta là cái nhân-cách, nghĩa là người ta phải ràng sức cho ra tư-cách một con người, cho có cái tài-dức gì, cho nên cái giá-trị gì, cho giúp vào cái công tiến-hóa của nhân-loại được một chút gì mới lạ, đặc-biệt, làm cho cái công ấy được thêm hay thêm tốt hơn lên.

Il fut un temps où je croyais que la quantité des connaissances était la vraie mesure de la valeur d'un homme, et je méprisais la foule qui n'est pas savante. Rousseau a redressé mon jugement. Le prestige s'évanouit, et j'apprends à honorer l'homme. Je me jugerais cent fois plus inutile que le plus humble travailleur, si je ne pensais que grâce à ces réflexions mêmes, je suis désormais en mesure d'employer mes connaissances à rétablir les droits de l'humanité.

KANT

Đã có một độ tôi tin rằng cứ lấy sự học-thức ít nhiều mà đo lường được cái giá-trị người ta, bấy giờ tôi khinh-bĩ kẻ phàm-thường, vì kẻ phàm-thường không có học. Nhờ đọc sách ông Rousseau nước Pháp mà tôi sửa lại được sự xét-đoán sai-lầm ấy. Tôi không tin cái oai-quyền của sự học nữa, vì tôi hiểu rằng phàm làm người ai cũng đáng tôn-trọng. Tôi tưởng cứ như tôi đã biết suy-nghĩ như vậy mà lại không biết đem cái học-thức của mình mà bảo-trì cho cái công-quyền của loài người, thì sánh với người làm công rất đê-tiên một trăm phần không bằng một phần vậy.

Tòa báo Nam-phong có lời công-cáo các ngài đọc báo biết rằng : bản-báo định mỗi số in một vài tấm ảnh những người có danh tiếng trong nước, những nơi đền đài công-sở đẹp của An-nam ta, những nhà trường, nhà hội công-ích, v. v., xin ngài nào có những ảnh như vậy gởi lại cho bản-báo, và biện rõ ràng là nơi nào, xứ nào, có gì lạ, nếu là người thì kể qua cái lý-lịch, sự-trạng để chừa ở dưới. Ngài nào có bụng tốt gởi cho, nếu in được sẽ ghi tên bên cạnh để cảm ơn.

GIẢI NGHĨA VỀ SỰ LẬP HỘI-ĐẢNG

Người sinh ở đời, bay không bằng các giống chim, chạy không bằng các giống thú, nhưng mà có cái tư-cách đứng đầu muôn vật, vận-dụng tâm-tư lực-lượng của mình mà sai khiến được muôn vật và xây dựng nên thế-giới. Cái năng-lực của loài người nếu không liên-lạc cùng nhau, ai phận nấy thì không những không gây-dựng nên sự công-ích được, cũng khó lòng mà ở với loài mãnh-cầm ác-thú. Bởi vậy, người các nước văn-minh, ai cũng lấy nghĩa hợp-quần làm trọng, có nghĩa hợp-quần thì loài người mới có đoàn-thể mà làm nên công-kia việc nọ. Chúng ta thử xem cuộc đời bây giờ, nào là đoàn-thể quốc-tế của các nước trong bầu trời, nào là đoàn-thể quốc-gia, đoàn-thể chánh-trị ở trong một nước; đến như nghề buôn cũng có hội, nghề thợ cũng có đảng, nghề học thì có phái, nghề nông thì có đoàn. Vui vẻ thay ! Cái thời-dại này là cái thời-dại đương thịnh-hành về cái nghĩa « hợp-quần » vậy. Nghĩa hợp-quần như thế nào ? Là hợp mọi người lại thành một hội một đảng, theo một cái mục-đích mà làm về sự ích-lợi chung vậy.

Tuy rằng dân ở trong nước nương tựa dưới quyền quốc-gia, thì quốc-gia là một cái đoàn-thể của dân đấy, nhưng mà cái đoàn-thể quốc-gia đã đứng cao trên hết thành ra cái hình-thức thuộc về bề chánh-trị, còn như sự liên-lạc nhau trong xã-hội để giúp cho cái đoàn-thể quốc-gia ấy được tiến-bộ, thì cốt ở dân. Chánh-phủ vẫn thường cho nhân-dân được chiếu theo phép luật mà lập hội. Huống chi dân trong một nước đã kết hợp cùng nhau đứng dưới quyền chánh-phủ thì chánh-phủ cai-trị những dân có các đoàn-thể ấy há chẳng dễ lắm ru !

Người nước ta đối với cái nghĩa hợp-quần hãy còn mờ-mờ lắm, thời-dại nho-học ngày trước, cái nghĩa ấy tuy có nảy ra trong xã-hội một đôi chút, như là hội « tư-văn », hội « đồng-môn », hội « đồng-châu-kinh-hoạn », vân vân..., nhưng xét ra thì hội « tư-văn » và hội « đồng-môn » của bọn nhà nho chẳng qua là thuộc về nghĩa tôn-giáo, nhóm những phái nho-học trong một tỉnh, một huyện, một làng, hay là trong một trường học để mà lo tế lễ Thánh và phụng-sự ông thầy dạy; còn như hội « đồng-châu-kinh-hoạn » thì chẳng qua là các quan ở cùng một xứ, chung hợp lại lấy danh-nghĩa hội để cho tiện sự thù-tạc khánh-điều mà thôi, ngoài ra không có cái ý-vị gì quan-thiệp đến sự lợi-ích cho xã-hội. Nhưng mà từ khi nước nhà nhiều việc, chữ « hội » nó thành ra một thứ quái-vật, làm cho người ta phải kiêng phải dè, phải từ-chối mà không dám nói đến, như hội « tư-văn » thì đổi là « tư-văn phổ », hội « kinh-hoạn » thì đổi là « kinh-hoạn phổ », vân vân.... Vì sao mà thay hình đổi lối như vậy ? Có lẽ vì trong khi Nhà-nước Đại-Pháp mới đến nước ta, dân-gian cũng nhiều nơi lập ra hội bí-mật mà phản-đối với Nhà-nước, cho nên chữ « hội » không cấm mà thành ra cấm. Và chẳng *hội* với *phổ* hai chữ ấy có khác gì nhau ? Chúng ta tưởng nên giải nghĩa thế nào cho rõ ràng, không nên theo những cách kiêng-cữ giả-dối, nghi-ngờ sai-lầm như trước nữa. Hội có nhiều thứ : có thứ hội hại cho Chánh-phủ, mà cũng có thứ hội lợi cho Chánh-phủ. Hội thế nào là hại cho Chánh-phủ ? Là lập hội bí-mật, không tuân theo pháp-luật, làm những sự bần-nghịch, ấy là hại cho Chánh-phủ. Hội thế nào là lợi cho Chánh-phủ ? Là lập hội minh-bạch, tuân theo pháp-

luật, làm những sự lợi-ích vậy. Nếu không xét cái tinh-chất lập hội thế nào, chỉ thấy danh-nghĩa hội thì nhất-thiết cho là một thứ tai-va, một thứ lấy giấy buộc mình, mang gông vào cổ, mà không dám ừ-hữ đến, thế thì có khác nào như thấy người ta cầm đồ kim-thiết đi giết người bị phải tội, mà nói rằng những loài kim-thiết toàn là thứ làm cho người ta phải tội cả, ta không nên mó đến hay sao? Hội cũng như là loài kim-thiết; kim-thiết cũng có thứ đúc ra gươm súng mà cũng có thứ rèn ra đồ nông-khi, không nên thấy gươm súng là cấm-vật, mà đến nỗi đồ nông-khi, là đồ thiết-dụng, cũng vứt bỏ mà không dùng.

Muốn sự lập hội của dân không hại đến sự trị-an trong nước, thì Chánh-phủ đã có cách hạn-chế. Cách hạn-chế thế nào? Là phạm lập hội phải trình Chánh-phủ, có Chánh-phủ công-nhận thì hội mới thành-lập được, còn những hội bí-mật không trình với Chánh-phủ, thì phải bị cấm. Xem như bộ luật mới thi-hành ở Bắc-kỳ (*Hình-luật*, chương thứ 15 điều thứ 101, 102, 103, 104, 105) nói về sự lập đảng hội trái phép Nhà-nước, thì trong luật đã định ra rõ ràng vậy. Nhưng thuộc về lẽ cấm những hội bí-mật, ấy là lẽ chánh-đáng của Chánh-phủ giữ-gìn sự trị-an trong nước, không những pháp-luật nước ta như thế mà thôi đâu, pháp-luật của Nhà-nước Đại-Pháp cũng có đặt ra các điều-lệ ấy, xem như luật hình nước Đại-pháp có mấy khoản như sau này :

« Điều thứ 291. — Từ hai mươi « người trở lên, lấy sự tôn-giáo, văn-« học, chánh-trị hay là sự gì khác làm « mục-đích, mà ngày nào cũng tập hội, « hay là định ngày mà tập hội, nếu « không xin phép với Chánh-phủ và

« không tuân theo qui-tắc của Chánh-
« phủ đã định, thì sự tập hội ấy phải
« bị cấm. . . .

« Điều thứ 292. — Không được phép
« của Chánh-phủ cho, mà tập hội như
« điều trên đã nói, hay là hội đã được
« phép của Chánh-phủ cho, mà khi tập-
« hội lại không tuân theo qui-tắc của
« quan trên đã định, thì hội ấy phải
« bị giải-tán.

« Người hội-trưởng hay là người
« sáng-lập, v.v. phải bị phạt từ 16 quan
« cho đến 200 quan tiền tây.

« Điều thứ 293. — Không cứ là khi
« bàn bạc việc hội, dùng theo tiếng
« nước nào mà khuyến dụ người ta
« theo sự quỷ-thần, . . . không cứ dùng
« cách thức nào mà ban-bố những sách
« vở tờ bồi, xét ra có ý khêu cho người
« ta làm tội nặng hay là tội nhẹ, thì
« người hội-trưởng, người sáng-lập hội,
« v. v. phải bị phạt từ 100 quan đến
« 300 quan tiền tây, và bị ở tù trong
« hạn từ 3 tháng đến 2 năm. . . . »

Xem như thế thì luật Đại-Pháp vẫn không cấm dân lập hội, nhưng cốt là lập hội phải xin phép với Chánh-phủ vậy. Nay chúng ta hãy dẫn-chứng trong bộ luật cũ nước ta mà xem, những điều-lệ trong bộ *Hoàng-Việt-luật-lệ* chưa hề có định rõ ràng ra cái thế-lệ lập hội nên thế nào, chỉ thấy trong quyền thứ 12, điều 224, thuộc về luật « mưu-bạ » có điều-lệ như sau này :

« ĐOẠN THỨ 2. — Phạm người khác
« họ, cùng nhau uống máu ăn thề, phần-
« biểu kết-bái làm anh em, thì chiếu
« theo luật « mưu-bạ-vị-hành » ⁽¹⁾ mà
« trị tội. Người đầu đảng thì « giáo,
« giam-hậu ⁽²⁾, người vi-tòng thì giam

(1) Nghĩa là định là phản-nghịch mà chưa kịp làm.

(2) Giáo là thắt cổ, « giáo, giam-hậu » nghĩa là xử tội giáo nhưng mà còn giam lại để chờ mệnh-lệnh cho nên tội ấy không đến chết.

« một bực. Nếu tụ hội đến 20 người
 « trở lên, thì người đầu đảng bị tội
 « chém, người vi-tòng bị đày đi xa. —
 « Không có những sự uống máu ăn thề,
 « phân-biểu, v. v..., chỉ chiếu theo tuổi
 « lớn nhỏ mà kết-bái làm anh em, nếu
 « tụ hợp đến 40 người trở lên, thì
 « người đầu đảng bị tội « giao, giam-
 « hậu », người vi-tòng bị đày xa. Nếu
 « tụ hợp chỉ số dưới 40 trên 20 người,
 « thì người đầu đảng bị « trượng (1) »
 « một trăm, đày 3000 dặm. Nếu tụ hợp
 « chỉ số dưới 20 người, thì người đầu
 « đảng bị trượng một trăm, « già-hiệu (2) »
 « hai tháng. Còn những người vi-tòng
 « thì đều được dảm một bực. Nếu từ
 « 40 người trở lên tụ hội lại làm những
 « sự như trên đã nói, nhưng mà bầu
 « người trẻ tuổi làm đầu, không chiếu
 « theo niên-xì lớn nhỏ, thế cho là phi-
 « đảng, người thủ-phạm phải bị chém,
 « người vi-tòng bị đày xa.

« ĐOẠN THỨ 3. — Phạm những phường
 « vô-lại, uống máu ăn thề cùng nhau,
 « rồi lại kết-liên những bọn thổ-hào, thị-
 « côn, nha-dịch, binh-lính, người này
 « xướng, kẻ nó ứng, làm hại cho lương-
 « dân, đã có người hương-chức đến
 « trình quan, mà quan địa-phương
 « không chấp-lý và không tập-nã, có ý
 « che chở cho nó, nếu nhân đây mà nó
 « làm những sự trộm cướp hoành-hành,
 « thì quan địa-phương phải bị cách
 « chức và bị trọng-trị. Còn như quan
 « địa-phương nào ngày thường tuy
 « không kiểm-xát đến, nhưng khi nghe
 « tin thì bắt ngay được, thì được miễn-
 « nghị. Người hương-chức biết mà
 « không thú-cáo, thì có tội. Người láng
 « giềng biết mà thú-cáo thì được thưởng.
 « Nếu thú-cáo bậy, thì chiếu theo luật
 « vu-cáo mà trị tội ».

Xem trong điều-lệ ấy thì luật ta ngày
 trước chánh vì cấm dân không được

lập hội bí-mật mà mưu-bạn, không phải
 là nhất-thiết cấm dân trong nước không
 ai được lập hội, không ai được vào hội,
 và không phải là nhất-thiết cho những
 hội gì trong nước cũng là mưu-bạn cả
 mà trị tội đầu. Nhưng chúng ta chỉ tiếc
 rằng ngày trước nhân-dân hiền lành,
 nghề làm ăn cũng dễ dãi, cái nghĩa
 hợp-quần không lấy gì làm cần-thiết
 trong xã-hội cho lắm, cho nên trong luật
 lập ra không nghĩ-tưởng đến sự đoàn-
 thể của dân là sự tất-nhiên phải có, mà
 định rõ cái giới-hạn cho người lập hội
 được biết mà tuân theo pháp-luật. Vì
 thế, những kẻ háo-sự nhân đó mà xoi
 bó ra lắm điều, làm cho dân trong
 nước ai nấy cũng đem lòng sợ hãi, đành
 rằng thân ai nấy lo, việc ai nấy tính,
 chẳng đại gì mà hợp đoàn kết bạn, rồi
 mang lấy cái vạ phi-thường. Thương
 hại thay! Dân ở chung trong một nước
 mà như cát rã, như giá tan, không có
 một cái đoàn-thể gì để liên-lạc tấm
 lòng thương yêu, mở mang những sự
 công-ích, thế thì tài nào mà trong nước
 cho giàu, nghề cho hay, học-hành cho
 giỏi được.

Từ khi có Nhà-nước Đại-Pháp đến
 bảo-hộ nước Nam ta thì Nhà-nước đã
 dần-dần vì dân ta mà dề-xướng ra cái
 nghĩa « hợp-quần ». Kia như các nghị-
 hội của Nhà-nước lập cho dân ta, ấy
 thuộc về cơ-quan chánh-trị, không cần
 phải nói. Còn ngoài ra như là hội « Nông-
 nghiệp tương-tế », hội « Khuyến-học »
 ở Nam-kỳ, hội « Chi-trị », hội « Pháp-
 học bảo-trợ » ở Bắc-kỳ, hội « Quảng-
 tri » ở các tỉnh Trung-kỳ, cùng là các
 hội-xã doanh-nghiệp khác, cũng đều
 được Nhà-nước chuẩn-nhận mà giúp
 đỡ cả. Xem như thế thì sự lập hội là
 sự chánh-đáng của dân nên làm, nếu
 lập hội mà đúng vào pháp-luật thì
 không những là Nhà-nước đã không

(1) Trượng là đánh đòn.

(2) Già-hiệu là đóng gông vào cổ mà dân ra ngoài cho người ta xem.

cấm mà lại sẵn lòng giúp đỡ cho. Nước nào cũng thế, mà hiện nước Nam ta bây giờ cũng vẫn được như thế, thế thì chữ *hội* lại có ngại gì, sự lập hội lại có ngại gì.

Hưởng chi, Nhà-nước Đại-Pháp là giàu mạnh vì nghĩa hợp-quần; dân Đại-Pháp là dân có đoàn-thể; chúng ta thử xem như trận đánh long trời lở đất vừa rồi, thì Nhà-nước Đại-Pháp cũng vì có cái nghĩa hợp-quần, cái cách đoàn-thể mà được thắng trận, Thế thì cái nghĩa hợp-quần, cái cách đoàn-thể của người Đại-Pháp, là cái gương rất quý báu của chúng ta vậy. Nay chúng ta đã được soi cái gương rất quý báu ấy mà lại không biết liên hợp kẻ Nam người Bắc kết thành đoàn-thể để lo toan sự công-ích trong xã-hội, chẳng hóa ra chúng ta là một bọn người rất lười biếng lắm ru?

Cái cuộc toàn-thắng bên Âu-châu ngày nay, danh-dự của Nhà-nước Đại-Pháp đã lừng lẫy trên thế-giới, phạm những dân các nước hậu-tiến đều hâm-mộ cái học-thuật văn-hóa của nước Đại-Pháp. Như gần đây nước Tàu có lập hội «*Trung-Pháp hiệp-tiến*» ở Bắc-kinh, trong hội ấy người Đại-Pháp và người Tàu đứng sáng-lập để nghiên-cứu về sự giáo-dục và thiết-nghiệp của hai nước. Và chẳng nước Tàu là nước độc-lập; dân-tộc Tàu là dân-tộc có văn-minh cũ, mà bây giờ thấy nước Đại-Pháp thành công, hãy còn muốn kết đoàn hợp sức để học đòi theo Đại-Pháp, lo về đường tiến-bộ, hưởng chi nước ta là một nước của Đại-Pháp Bảo-hộ, dân-tộc ta là một dân-tộc của Đại-Pháp Bảo-hộ, lẽ nào ta không chịu học theo thầy Đại-Pháp; ta không biết theo đòi những công-nghiệp của người Đại-Pháp đã đứng

trước mà làm gương cho chúng ta. Chúng ta sinh trong thời-dại này, gặp quốc-vận Nhà-nước Đại-Pháp đương lúc cường-thạnh, ngọn cờ ba sắc phất phơ trước mắt chúng ta, hình như đã báo tin cho chúng ta rằng Nhà-nước Đại-Pháp sắp đem nhân-đạo công-lý mà ân-tử cho chúng ta đấy, cái ân-huệ ấy không phải là cái ân-huệ Nhà-nước có thể cho riêng một đôi người được, cái ân-huệ ấy cũng không phải là cái ân-huệ chúng ta chỉ lấy tư-cách từng người đứng hưởng-thụ lấy mà làm ích lợi riêng cho một mình được; chúng ta muốn nương tựa dưới bóng cờ ba sắc mà tiếp-thụ lấy ân-huệ của một nước lớn trong thế-giới, thì phải liên-hợp kẻ Nam người Bắc kết thành đoàn-thể cho chánh-dáng. Nếu không có đoàn-thể thì không những chúng ta tự-vấn đã không ra gì, mà lại đắc-tội với ân-quốc của chúng ta nữa. Gần đây quan Toàn-quyền SARRAUT có xướng ra cái chủ-nghĩa «*Đông-dương thống-nhất*», thống-nhất nghĩa là liên-lạc xứ Đông-dương thành một cái đoàn-thể lớn vậy. Quan Toàn-quyền muốn liên-lạc xứ Đông-dương thành một cái đoàn-thể lớn, thì dân ta phải nên lấy một cái mục-dich chung mà liên-lạc cùng nhau thành cái đoàn-thể nhỏ trong nước, ấy là chúng ta biết thể theo ý quan Toàn-quyền; biết học tập theo thầy Đại-Pháp đấy. Chúng ta muốn giải cho rõ nghĩa hội-dãng, thì nên giải như thế này: Nếu lập hội bí-mật, làm việc trái phép, thì có tội với Nhà-nước, cho nên pháp-luật phải cấm; còn như lấy sự lợi-ích chung, xin phép với Nhà-nước mà lập hội, thì sự lập hội ấy đúng vào pháp-luật, Nhà-nước sẽ chuẩn nhận cho.

NGUYỄN BÁ-TRÁC



NAME, 1^{er} TONKINOISE

QUAN-BA GUYNEMER

MỘT BẬC THIẾU-NIÊN-ANH-HÙNG

Truyện ông phi-tướng Guynemer (1)

« Héros légendaire tombé en plein ciel de gloire, après trois ans
« de lutte ardente ; restera le plus pur symbole des qualités de la
« race : ténacité indomptable, énergie farouche, courage sublime.
« Animé de la foi la plus inébranlable dans la Victoire, il lègue au
« soldat français un souvenir impérissable qui exaltera l'esprit de sa-
« crifice et les nobles émulations »

(26^e Citation à l'Ordre de l'Armée du Capitaine Georges Guynemer).

*
*
*

« Tướng anh-hùng như trong truyện thần-tiên, trong ba năm
« chiến-dấu rất oanh-liệt, hốt-nhiên bị chết lừng-chừng trời, giữa
« cuộc công-danh đương hiển-hách ; sau này sẽ thành cái gương rất
« sáng-suốt để chiếu rọi đời đời những tình-chất tốt của giống Pháp
« ta : kiên-nhẫn vô-dịch, cương-ngộ phi-thường, can-dảm tuyệt-
« địch. Một lòng tin ở cuộc chiến-thắng, kiên như đá, vững như
« đồng, còn lưu lại cho nhà binh Pháp sau này một cái kỷ-niệm
« không bao giờ quên, ai nhớ đến như giục tấm lòng vị-nghĩa.
« xui cái chí công-danh. »

(Lời tuyên-công lần thứ 26 cho toàn-quân của quan-ba Georges Guynemer được) (2).

Trong cuộc chiến-tranh có một trong lịch-sử này đã xuất-hiện biết bao nhiêu những bậc-tướng giỏi quân hùng, sánh với những mặt đại-anh-hùng trong truyện cũ không kém gì. Nhưng hiển-hách nhất, oanh-liệt nhất, duy có ông tướng tàu bay GUYNERER (đọc là Ghi-ne-me). Người tuổi trẻ mà cái khi-diêm như lửa cháy, cái nghị-lực như đá kiên, trong ba năm trời làm cái nêu anh-hùng cho mấy trăm vạn con người, lập nên những công-trạng đời xưa đời nay không bao giờ có, những nghe thấy cũng đủ khiến cho thiên-hạ phải qui gối mà vái tay. Ôi! một người như vậy thật là cái khi thiêng của trời đất trong mấy nghìn năm chung-đức mới nên. Mà nước Đại-Pháp sản được cái của báu ấy cũng thật là một sự vẻ-vang danh-tiếng muôn đời vậy.

Truyện tướng GUYNERER là truyện ai ai cũng phải biết, người lớn phải tường-từng việc, trẻ con phải thuộc làm lòng. Đọc truyện ấy mà đủ hưng-khởi trong lòng. Đọc truyện ấy mới biết rằng cái chí người anh-hùng là cái sức mạnh đệ-nhất trong trời đất, không.

(1) **Phi-tướng** 飛將 — Ông tướng coi tàu bay. — OFFICIER AVIATEUR. (Chữ GUYNERER đọc năm là Ghi-ne-me).

(2) **Tuyên-công** 宣功 — Những quân lính ở trận-tiền lập nên công-trạng được lời khen thông-lục cho trong quân biết. Lời khen đó gọi là lời « tuyên-công » (citation à l'ordre). Hoặc tuyên-công trong hàng đội (citation à l'ordre du régiment), hoặc trong lữ-đoàn (à l'ordre de la brigade), hoặc trong sư-đoàn (à l'ordre de la division), hoặc trong quân-đoàn (à l'ordre du corps d'armée), hoặc trong toàn-quân (à l'ordre de l'armée). Tuyên-công cho toàn-quân thì do quan Thống-tướng (généralissime) ban, còn các hạng khác thì do quan chủ-tướng mỗi hạng ban

gi không làm nôi mà không gì là địch nôi, dù bay rọt trong đám mây mưa hay liệng qua trên vòng đạn lửa, vào sinh ra tử, bách-triết thiên-ma (1), tám thân ngoài hai mươi tuổi, xông-pha biết bao nỗi hiểm nghèo, mà không hề đốn-tỏa (2), lại như mảnh sắt kia lửa càng nung mà chất càng rắn vậy. Cho đến lúc bị hại cũng là đương cuộc chiến-dấu, giữa khoảng không-gian, gió rập mây vùi, mưa than sấm khốc, không phải cái chết bi-thương ảo-nảo như người thường. Ôi! Kiệt vậy thay! Mà con người ấy chưa đầy hai mươi ba tuổi! Mà sự-nghiệp ấy chỉ vừa trong khoảng ba năm!

Nay muốn ngợi khen bậc thiếu-niên đại-anh-hùng ấy, không gì bằng giới-thiệu (3) truyện người cho quốc-dân ta biết, để lưu làm cái kỷ-niệm muôn năm

Sau này lược-dịch sự-trạng tướng GUYNEMER theo sách tây. Tuy toàn là sự thực mà đọc tưởng không khác gì một bộ tiểu-thuyết li-kỳ vậy.

PH. Q.

Ngày mồng 8 tháng 6 năm 1915, có một người cầm máy tàu bay mới, vừa ở nhà trường ra, đến Vauciennes (Vô-xi-ên) (4), vào hạm-đội (5) số M. S. 2., tức là hạm-đội hiệu « Con Hạc » (*Escadrille des Cigognes*) đã có danh tiếng lừng-lẫy. Giữa ngày đó quan coi hạm-đội là quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) phải đi ra Bourget (Bua-giê) có việc quan, ngài có cử thầy VÉDRINES (Vê-dô-lin) là người tông-sự dưới quyền ngài tiếp người mới đến ấy. Ngài bảo thầy rằng: « Thằng bé mới có hai mươi tuổi, bầy còn như đứa con gái, nhưng người ta nói với tôi rằng cũng nhanh-nhau ». Quả thầy VÉDRINES (Vê-dô-lin) trông thấy người mới đến bầy còn trẻ bé quá, thiệt cũng lấy làm lạ. Người có tên trong tuổi thành-dồng (6) mà cao lớn, mặt còn như mặt trẻ con mà nước da sẫm-sẫm, hình-thể thật cao thật mảnh, mặc bộ quân-phục gọn-ghe vừa-vặn như in, coi người lại

mảnh-khảnh hơn nữa. Song tuy hình-thể còn trẻ bé, coi rất là mĩ-miêu đáng yêu, mà cái thái-độ đã chín-chắn nghiêm-trang lắm, lại con mắt quả-quyết trái hẳn với cái nét mặt trẻ-măng. Ôi! cái con mắt đen lay-láy, vững chùng-chùng, sao mà nó sáng quắc như lửa vậy, lắm lúc nhác trông như trời-lội!

Người mới tới đó tức là thầy cai Georges GUYNEMER (Ghi-nơ-me), thầy mới có hai mươi tuổi, sinh ở Paris ngày 24 tháng 12 năm 1894. Một năm trước thầy bầy còn là cậu học-trò trường Trung-học. Năm 1912 đỗ tú-tài về văn-khoa và cách-tri-khoa (*bachelier ès-lettres-sciences*), còn theo học ở trường Trung-học Stanislas (Sơ-ta-ni-la) để sửa soạn vào thi trường « Công-nghệ Đại-học-hiệu » (*Ecole Polytechnique*). Trong năm 1914, quan đốc trường Trung-học xét thầy không đủ sức khỏe mà ra thi cái khoa thi có tiếng là rất

(1) Bách triết thiên ma 百折千磨一。Trăm lần bẻ, nghìn lần mài; nghĩa bóng là phải chịu nhiều nỗi cực-khổ, nhiều đường nguy-hiêm. — S'EXPOSER A TOUS LES DANGERS, TOUS LES PERILS.

(2) Đốn-tỏa 頓挫 — Cúi óp, nhụt chí, ngã lòng, — ABATTEMENT, PROSTRATION, DÉCOURAGEMENT.

(3) Giới-thiệu 介紹 — Người đứng giữa đem người này trình mặt cho người kia biết, đem truyện người ta không biết trình bày cho mà biết, vân vân. — SERVIR D'INTERMÉDIAIRE POUR PRÉSENTER, INTRODUIRE une personne, un ouvrage, etc...)

(4) Vauciennes (Vô-xi-ên) là tên nơi sở tàu bay. Bourget (Bua giê) cũng là một sở tàu bay khác gần đây.

(5) Hạm-đội 艦隊 — Một đội những tàu chiến; nói rộng ra tàu bay cũng được. — ESCADRE (de navires de guerre); ESCADRILLE (d'aéroplanes).

(6) Thành-dồng 成童 — Tuổi không còn nhỏ nữa mà chưa lớn hẳn, từ 15 đến ngoài hai mươi. — ADOLESCENCE.

khó ấy, khuyên thầy nên nghỉ học để dưỡng sức, nên giữa lúc khai-chiến thì thầy đương cùng cha mẹ nghỉ mát ở Biarritz (Bi-a-li-xơ). Được tin, lập-tức thầy muốn xin tinh-nguyện theo quân, muốn ra lập công-danh trong cái nghề binh kia là nghề tổ-tiên ngày trước đã bao nhiêu người nổi tiếng. Họ thầy là một cựu-lốc, vốn ở đất Boulonnais (Bu-lô-nê), rồi dời sang đất Bretagne (Bờ-rơ-tan) về đời «Thập-tự-chiến-tranh» (*Croisades*), là đời nghề võ rất thịnh-hành; họ Guynemer (Ghi-nơ-me) lịch-đại⁽¹⁾ vẫn sinh được nhiều tay chiến-sĩ giỏi. Trong bài «Lô-lăng anh-hùng-ca» (*Chanson de Roland*) đã từng có một tên GUYNER. Lại hồi «Thập-tự-chiến-tranh» lần thứ nhất, năm 1097, có một nhà võ-sĩ GUYNER (Ghi-nơ-me) theo quân ông BAUDOIN DE FLANDRE (Bô-doan đờ Phô-lân) sang đánh bên «Đất-thánh»⁽²⁾ (*Terre sainte*). Lại có một nhà võ-sĩ GUYNER (Ghi-nơ-me) nửa năm 1365 có đứng tên ký tờ điều-trước thành Guérande (Ghê-lan) là điều-trước đình sự chiến-tranh về việc tranh ngôi vua đất Bretagne (Bờ-rơ-tan). Về đời Đế-chính thứ nhất (*Premier Empire*)⁽³⁾, có ba ông GUYNER (Ghi-nơ-me) là ba anh em cùng theo quân: một người làm quan thủy nhân bị thương ở Trafalgar (Tờ-la-phan-ga) mà chết; người thứ hai bị giết ở Vilna (Vin-na); người thứ ba nhập-ngũ tự mười sáu tuổi, có theo đánh các trận Tây-ban-nha (*guerres d'Espagne*), hai mươi một tuổi được thưởng-thụ Bắc-đầu-bội-tinh

vi đã có chiến-công hồi chầy quân qua sông Bidassoa (Bi-da-soa). Đến ông thân-sinh ra thầy GEORGES GUYNER (Ghi-nơ-me) ngày nay thì nguyên xuất-thân ở trường Saint-Cyr (Sanh-xia), đã từng làm quan bộ-binh trong mười năm.

Đã ba lần thầy xin tinh-nguyện đầu-binh — một lần ở Compiègne (Công-biên) là nơi họ GUYNER có nhà ở, hai lần ở Bayonne (Bay-ôn), — ba lần các quan tuyển linh và các quan thầy thuốc trông thấy dáng thầy yếu-ớt quá đều hoãn lại không nhận. Lại cố xin một lần nữa ở Bayonne (Bay-ôn): lần này thì đi cùng với ông thân-sinh, thầy năn-ni xin ông cố nói đề người ta nhận cho. Ông vào nói; viên quan binh chỉ vào thầy mà bảo ông rằng: «Ngài đã tòng-sự nghề binh thì ngài biết; một cậu tí-hon như thế này mà bảo đem ra làm linh kỵ-binh hay bộ-binh thì thế sao được?» Ông biết con lần này lại chượt nữa thì buồn-bực không biết đường nào, nghĩ cũng phiền lòng, nhưng sự hiển-nhiên như thế không biết làm sao được.

Thầy vốn người chi-khi mạnh lắm, ông thân lại khéo dạy-đỗ, từ thừa mới khôn lớn đã dãi ra cách người trượng-phu, nên tuy vậy mà thầy không hề ngã lòng.

Thầy lại xin được một cái thư giới-thiệu cho quan Ba Bernard-Thierry (Bê-na Ti-ê-li), coi trường máy bay ở thành Pau (Bô), bèn đến tiếp mặt ngài,

(1) Lịch-đại 歷代 — Qua đời nọ sang đời kia, từng trải nhiều đời. — AU COURS DES AGES.

(2) Đất-thánh là ở đất Tiểu-Á-tê-á (Asie mineure) có thành Jérusalem ở đây có mộ đức Gia-tô. Đất ấy bị giông Thổ-nhi-kỳ (Tures) theo đạo Hồi vào khoảng thế-kỷ thứ 10 đến xâm-chiếm. Các dân theo đạo Thiên-chúa ở Âu-châu cất quân sang đánh để thu-phục lấy thánh-mộ. Mấy trận ấy gọi là «Thập-tự-chiến-tranh» (*les Croisades*).

(3) Tức là đời vua Napoléon thứ I; Đế-chính thứ nhì (*Second Empire*) là đời vua Napoléon thứ III.

kêu với ngài rằng : « Xin đại-úy ⁽¹⁾ cứ nhận con, dùng cho con làm được việc gì có ích ». Quan ba đáp rằng : « Ta khuyết một chân học-trò cầm máy, anh có thuận không ? Nhưng anh đã nhập-ngũ chưa ? » Thầy nói : « Bẩm chưa, con chủ ý đến xin ngài giúp cho con được nhập-ngũ. Ngài làm ơn cho con mấy chữ cho quan tuyền linh ở Bayonne (Bay-ôn) ».

Sau đến ngày 23 tháng 11 năm 1914, thầy mới được phép ký giấy tình-nguyện đầu-binh cho đến mãn-hạn chiến-tranh. Thế là cái lòng sớ-nguyện đã thành vậy. Thầy được làm linh từ đây : khoái-lạc thay !

Trong khi đóng ở thành Pau (Bô), phải làm-lụng khó-nhọc, ngày làm việc « cô-vê » (*corvées*), tối nằm ngủ trên đất, dù nhọc-nhân đê-tiện đến thế nào cũng vui lòng mà làm, không có nề-hà, không mấy lâu được làm phụ máy (*élève mécanicien*), đã tỏ ngay là người chăm làm và khéo tay. Tự thừa nhỏ thầy vẫn hay chơi đùa làm máy móc ; có cái tài biến-báo chế-tạo, như ai cho cái đồ chơi làm theo kiểu máy hơi nước hay là máy điện-khí thì biết đem dùng ra nhiều cách lắm. Đã lâu nay thầy vẫn chủ-y về nghề tàu bay, và cái thuật bay bằng trên không thầy vẫn lấy làm một điều khoái-trí lắm. Tự khi còn ở trường trung-học Stanislas (Sơ-ta-ni-la) hồi

nước Pháp thì tàu bay chạy vòng-quanh Âu-châu (*le Circuit Européen*), một hôm có cái tàu bay bay sát ngay vào mái nhà trường. Từ đó thầy đã nghiệm-nhiên mê về nghề bay rồi.

Đến ngày vào làm việc ở trong trường máy bay thành Pau (Bô), thì cầm cái khí-vị chồn ấy, mà cái lòng hăm-hở cũ lại dấy lên bồi-bồi, như khi còn nhỏ nghe những công-truyện tài của các nhà máy bay giỏi vậy. Tự nghĩ trong bụng rằng Có lẽ đầu mình lại suốt đời làm anh phụ-máy như thế này ? Có lẽ đầu mình lại không được cá ivê-vang cưỡi những con chim lớn cánh trắng kia mà ra xông-pha nơi chiến-trận ? Bèn cố nài ông thân vận-động ⁽¹⁾ trong bọn anh em bạn học cũ của ông ở trường Saint-Cyr (Xanh-xiá), ngày nay đã lên hàng tướng cả, đề cố xin cho được một chân tập cầm máy (*élève-pilote*). Ngày 25 tháng giêng năm 1915, được y sớ-nguyện, mới bắt đầu tập-luyện. Tháng ba đi ra trại Avord (A-vo), có ông quân DEROZE (Đờ-lô) dạy, thầy coi ông như bậc sư-phạm, nhờ ông mà sau này thầy mới nổi tài như vậy. Thầy học tốt-nghiệp ở đây, tháng tư được bằng cầm máy, mồng 8 tháng năm được thăng cai. Qua ít lâu ở trại Bourget (Bua-giê), ở « Xưởng Chánh tàu bay » (*Réserve générale d'aviation*), rồi ngày 8 tháng sáu được sung-bổ vào đội « Con-Hạc »

(1) Ta gọi các quan binh cứ theo số khoan mà gọi : quan một, quan hai, v. v. Trong khi nói thường thì tiện, nhưng muốn xưng-hô cho tôn-trọng thì nôm-na quá, như nói : « Thừa quan ba... bầm quan tư... », nghe sao được ? Vậy các chức quan binh phải có tên chữ mà gọi mới được. Nay cứ theo quân-chế của Nhật-bản và của Tàu thì đại-khái có những chức như sau này, các tên xét ra cũng giản-dị, ta có thể mượn mà dùng được : 1. Đại-tướng 大將 = GÉNÉRAL COMMANDANT DE CORPS D'ARMÉE ; 2. Trung-tướng 中將 = GÉNÉRAL DE DIVISION ; 3. Thiếu-tướng 少將 = GÉNÉRAL DE BRIGADE ; 4. Đại-tá 大佐 = COLONEL ; 5. Trung-tá 中佐 = LIEUTENANT-COLONEL ; 6. Thiếu-tá 少佐 = COMMANDANT ; 7. Đại-úy 大尉 = CAPITAINE ; 8. Trung-úy 中尉 = LIEUTENANT ; 9. Thiếu-úy 少尉 = SOUS-LIEUTENANT.

(2) Vận-động 運動 — Chữ này dùng đây là lấy nghĩa bóng, chỉ cái việc chạy chọt, cầu-cạnh, nhờ người nọ nói người kia cho được một việc gì. — FAIRE DES DÉMARCHES, FAIRE AGIR LES INFLUENCES.

(*escadrille des Cigognes*). Vào đó thì không phải cái lối tập-luyện theo phép-tắc như ở nhà trường nữa; từ nay sẽ ra xung mura vượt gió, bay-bồng trên hàng quân địch, giao-chiến trong giữa từng mây, liều mình trong sự bất-kỳ, sự may rủi. Nào là trời u-âm, nào là gió thổi ngược, nào là giông-tò, nào là bão-táp, người cầm máy phải có sức mao-hiêm trong những lúc không-khi bất-thường ấy mới được. VÉDRINES (Vê-dờ-lin) xét thấy tuy còn trẻ bé như vậy, mà đã đoán biết cái khi-diểm hăng-hái, cái nghị-lực cương-cường là đường nào, muốn dạy cho máy tập quen cái tính mao-hiêm, vì muốn ra chiến-đấu trên không phải không sợ gì gió bão mới được.

Một hôm về chiều trời gió con, bắt thầy phải lên máy: cái máy bay bị đánh bẹt xuống đất. Tuy gió bão mặc lòng, mà làm đi làm lại đến năm lần, mỗi lần rơi xuống VÉDRINES (Vê-dờ-lin) lại chỉ dẫn cho mà biết.

Trong đội thường gọi đùa thầy là « anh nhỏ ». Vậy dần-dần mà « anh nhỏ » ta thành ra bạo-gian lạ thường, gan-góc có một. Sau khi vào đội « Con Hạc » được ít lâu, thầy được lệnh đưa quan ba COLCOMB (Côn-công) đi tàu bay lên trên đường pháo-bình của quân Đức để trình-sát và chụp ảnh. Từ đầu chỉ cuối thầy cứ bay dung-dị như thường, không phải quật vào đầu, không phải quay lên lượn xuống như các nhà cầm máy khác để tránh quân địch bắn. Trong một giờ rưỡi đồng-hồ, thầy liệng ngay trên đầu pháo-đội Đức, bị đến hơn một nghìn phát đại-bác bắn, nhiều mảnh trúng vào máy bay. Quan ba COLCOMB (Côn-

công) về sau thuật lại truyện hôm ấy cho ông thân thầy nghe có nói rằng: « Bấy giờ tôi đã thấy mỗi gân, tôi bảo cậu con ngài rằng: « Thôi xong rồi, ta về đi. » Nhưng cậu ta cứ điềm-nhiên như không mà đáp: « Xin đại-úy làm ơn chụp ảnh lấy cả những mảnh đạn họ bắn mình đây ».

Khi trở về trại, quan ba COLCOMB (Côn-công) nói với quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) rằng:

— Ngài có anh cầm máy cứng tuyệt-phẩm.

Quan ba BROCARD (Bờ-rô-ca) đáp:
— Tôi vẫn biết!

Song những thủ-đoạn như vậy thầy chưa lấy làm mãn-nguyện. Thầy chỉ mộng-tưởng một sự, hết sức mong-mỏi, là được giao-chiến với quân địch ở trên cao kia, trong khoảng không vô-hạn. Thầy thường nói: « Tôi muốn nắm được thẳng « Bác-thỉ » ⁽¹⁾ (*Boche*) mới nghe ». Đêm đêm dậy từ hai giờ sáng, lại gần cái xưởng đề máy, rồi nhìn lên trên trời, xem xét kỹ lắm. Anh em trông cái bộ dạng chăm-chút, người trẻ như thế mà có ý nghiêm-cẩn như vậy, có người cũng hơi buồn cười, nhưng gọi là cười đùa một chút mà thôi, chớ tính thầy không có chịu để cho người ngoài nhạo-báng mình. Người ta thường hỏi đùa thầy rằng: « Thế nào, « anh nhỏ » làm chi đấy? Anh đứng đợi thẳng Bác-thỉ, đấy à? — Thầy đáp: Phải, tôi đợi đây, quyết phải được mới nghe ».

Sớm ngày 19 tháng 7, thầy nhìn trên không có một nét chấm đen đương chuyển-động: Chính là một chiếc tàu

(1) **Bác-thỉ** 博家 — Con lợn hay chừ. Chừ này tiếng Tàu đọc là *p'ouo-che* (giọng quan-hoại) người Tàu dịch âm tiếng *Boche* là tiếng người Pháp gọi khinh-bí người Đức. Tuy là dịch âm mà cũng hợp nghĩa, vì người Pháp thường chê người Đức là có học mà thô-bỉ, tức như con lợn hay chừ vậy.

bay của địch. Thầy bèn bảo người vận máy của thầy bấy giờ tên là GUERDER (Ghê-de): « Anh Ghê-de, anh nhảy mau vào máy, có thắng Bác-thĩ kia ». GUERDER (Ghê-de) lúc ấy hãy còn bận quần áo buổi sớm, quần bằng sợi với áo cánh ngổ khuy, vội vàng theo lời, nhảy vào một cái máy có hai chỗ ngồi, hình cái lọng (*biplace parasol*). Hai người bay thẳng về hướng cái tàu bay Đức. Nhưng cái tàu Đức quay bánh lại chạy trốn. Chán thay, thầy đã sắp sửa bắt máy về, chợt lại thấy xuất-hiện một cái chấm đen nữa đang chuyển-dộng: tức là một thắng « Bác-thĩ » khác đang tiến gần lại hàng quân Pháp. Thầy vận máy đuổi theo, gặp nhau ở trên thành Soissons (Soa-sông), hai cái đứng cách xa mười lăm thước, bắt đầu giao-chiến. Đánh nhau trong mười phút đồng-hồ. GUERDER (Ghê-de) đang vận cái súng cối-xay (*mitrailleuse*), bị một viên đạn vào tay, lại một viên nữa lướt qua đầu đứt cái mũ đang đội. Súng cối-xay vẫn cứ bắn luôn, cho đến viên đạn thứ một trăm mười lăm thì trúng vào người cầm máy bên Đức chết. Người trinh-sát ⁽¹⁾ (*observateur*) Đức thì đứng dựng lên, dơ cánh tay xin hàng, coi bộ thảm lắm; cái máy Đức bị đâm nhào xuống, lửa cháy ngùn-ngụt.

Hai thầy thắng trận khải-hoàn, về đỗ ở sau hàng quân Pháp, giữa nơi có một đội binh địa-phương (*territorial*) canh giữ. Quân lính vẫn đã nhìn hai bên giao chiến từ đầu, được tiếp hai người, vui mừng khôn xiết kể. Ai nấy nhảy ra ngoài hầm-hố, dơ súng lên chào: thậm-chí các quan phải cầm vật

áo kéo mới chịu về chỗ nấp. Ngày mai thầy cai GUYNEMER (Ghi-ne-me) được thăng đội, được tuyên-công (*citation*) lần thứ nhất và thưởng-thụ quân-công-bội-tinh (*médaille militaire*). Trận đó là trận thứ nhất của thầy, thầy viết thơ thuật về cho ông thân biết, lời văn-tắt như lời điện-báo, cứ từng câu nhỏ-nhỏ chằm dờn nhau, đó tức là cái lối văn riêng của thầy. Cả cái thơ tóm-tắt trong một câu rằng: « Buổi đó con không có cái cảm-giác ⁽²⁾ gì cả, duy chỉ thấy trong mình như người muốn ham biết cái gì mà đã được biết lấy làm thỏa bụng vậy ».

Trong mùa hạ năm 1915, thầy được đặc-phái ⁽³⁾ hai việc rất khó-khăn và rất nguy-hiêm. Mỗi lần quan trên cho hỏi ai muốn tình-nguyện đi, thì lần nào cũng thấy một « anh nhò » đó ra xin đi, càng nhìn lại càng thấy nhỏ lạ, mà quả-quyết biết bao. Ai trông thấy cũng phải nói: « Lại anh ư! — Thầy điềm-nhiên đáp: Phải, lại tôi đây. »

Lần thứ nhất về, ông thân hỏi thầy có phải định chuyên riêng về những việc như vậy không, thì thầy đáp: « Thừa cha không, con cũng không lấy làm thích lắm, nhưng muốn cho thạo nghề thì phải mạo-hiêm đủ đường mới được ».

Ấy cả cái tâm-lý của GUYNEMER (Ghi-ne-me) là ở trong một câu trả lời đó, coi đó thì đủ biết tình người hiểu-thắng, ham sự danh-dự, có cái chí cứng như sắt đá, muốn tìm sự trở-ngại mà phá cho được mới nghe.

(1) **Trinh-sát** 偵察 — Người do xét. Trong một cái tàu bay ít ra cũng phải có một người cầm máy và một người « trinh-sát » (*observateur*), để khi bay tới hàng quân địch dò xét cái trận-thế của địch mà về báo cho quân mình.

(2) **Cảm-giác** 感覺 — Cảm biết, nhận việc gì ở ngoài mà cảm vào trong mình; việc ngoài cảm vào trong ý-tưởng mình thế nào. — *RESSENTIR UNE IMPRESSION; IMPRESSION RESSENTIE.*

(3) **Đặc-phái** 特派 — Sai riêng, ủy riêng cho việc gì quan-trọng hay là bí-mật. — *CHARGER D'UNE MISSION SPÉCIALE.*

Lần đặc-phái thứ hai quan-trọng lắm mà lại nguy-hiểm hơn lần thứ nhất nhiều. Đi mà không chắc có thể đổ tàu vào chỗ nào được. Nên khi đi quan trên đã dặn rằng: « Hễ thấy xem chừng không thể làm được thì về, chớ đừng dè cho nó bắt mất, nhé ! » Tuy vậy mà cứ vững lòng đi, mà bữa đó trời lại gió bão ! Cất cánh bay chưa đầy năm phút đồng-hồ thì có « phản-lệnh » ⁽¹⁾ (*contre-ordre*) bằng máy nói đến bảo thôi đừng đi nữa. Chắc quan trên nghĩ lại việc nguy-hiểm quá mới truyền như vậy. Nhưng cái máy bay của thầy GUYNEMER (Ghi-ne-me) bấy giờ đã lên tít trên mây từng mây rồi, trông chỉ còn thấy một cái vết nhỏ đen đen mà thôi.

Tuy khó-khăn như vậy, tưởng sức người không tài nào làm nổi, mà anh « thần-dồng » đó làm được. Khó nhất là tìm được nơi nào để đổ tàu, thì nhờ có con mắt tinh, nhờ có cái trí quả-quyết mau, chọn ngay được chỗ tốt mà đổ, bánh máy bay dừng giữa bên bờ con đường xẻ lũng, thành ra khi bay lên cứ đầy xô cái máy xuống dưới lũng là tự khắc bỗng lên ⁽²⁾.

Rồi tự đó hết trận ấy sang trận khác, lữ-chiến lữ-thắng. ⁽³⁾ Cái máy bay của thầy, thầy đặt tên là « Vieux Charles » (Lão Sá-lị), trên ván có vẽ hình con hạc dương cánh bay, tức là cái biểu-hiệu của hạm-đội. Ngày mồng 5 tháng 12, cưỡi máy đó bay trên rừng Ours-camps (Ua-sơ-căng), đánh đổ được một cái máy bay Đức; lại ngày mồng 8 tháng 12, bay cao 1.500 thước, đánh đổ

được cái máy Đức nữa. tức cả thầy là ba cái từ đầu tới đó.

Ngày 14 tháng 12 dương khi phóng-pháo ⁽⁴⁾ vào xưởng tàu bay Hervilly (E-vi-li) phải giao-chiến với một cái máy Đức kiểu *Fokker* (Phốc-cơ); hai bên áp-đảo bắn nhau bằng súng cối-xay, xuyết nữa thì đâm lũng cái máy nọ vào cái kia, hai cái cứ quay lộn xung-quanh nhau. Lại ngày mồng 3 tháng 2 năm 1916, một mình xông vào đánh ba cái máy Đức một lúc, đánh đổ được hai chiếc, còn một chiếc đuôi chạy.

Một hôm chiến-thắng về, đổ tàu ở gần một pháo-đội Pháp. Linh pháo-binh trông thấy mừng quá, ai nấy bỏ súng chạy ò lại để hoan-ngheñh và khiêng về ⁽⁵⁾. Quan coi pháo-đội bên hạp cả quân-linh đứng trước mặt bảo đặt thầy bên cạnh mình, rồi bóc khoanh trên mũ đưa cho thầy mà nói rằng: « Thầy đội, mai thầy sắp được thăng quan, tôi tặng thầy mấy cái khoanh này, xin thầy hứa với tôi thầy sẽ dùng để làm khoanh mũ thầy. » Nói rồi truyền cho pháo-binh nôi một hồi súng mừng GUYNEMER (Ghi-ne-me), ai nấy vui lòng tuân lệnh ngay.

Ngày 14 tháng 12 năm 1915 — chính là ngày thầy vừa đúng hai mươi một tuổi — GUYNEMER (Ghi-ne-me) được thưởng-thụ Bắc-đẩu-bội-tinh hạng năm, ngày mồng 4 tháng 3, được tạm lĩnh khoanh quan một.

Tự ngày đầu mới ra hàng trận, đã tỏ ra là người can-đảm, nhưng rồi

(1) **Phản-lệnh** 反令 — Lệnh sau phản lời lệnh trước, như trước có lệnh truyền làm việc gì, sau lệnh đến bảo thôi. — *CONTRE-ORDRE*.

(2) Lệ tàu bay đứng chỗ đất bằng không thể bay lên được, phải có một chỗ bờ cao, khi ra bay phải tự trên cao xô xuống dưới thấp, rồi cái máy mới bỗng lên được. Cho nên trong các xưởng tàu bay phải bắc những gác sán cao làm bến tàu.

(3) Chữ này đã thích-nghĩa trong số 17, trang 249.

(4) **Phóng-pháo** 放砲 — Bắn đạn lớn vào một tỉnh-thành hay một nơi sở nào. — *BOMBARDER, BOMBARDEMENT*.

(5) Lệ đời xưa các tướng đánh giặc giỏi nhân dân khi đón về đặt lên vai khiêng.

càng đi trận cái can-dâm, cái mạo-hiêm ấy lại thêm có lịch-luyện, có khôn-khéo, có thông-thạo hơn mãi lên. Trong khoảng tám tháng, từ tháng 6 năm 1915 đến cuối tháng 8 năm 1916 đánh hai mươi một trận trên không, đánh đổ được tám cái máy của quân địch. Từ đó rồi cái điệu chiến-thắng càng ngày càng mau mãi lên; hết trận nọ đến trận kia, liên-tiếp nhau luôn, như xô nhau mà xua đẩy người anh-hùng vào cõi quang-vinh.

Tháng 5 năm 1916, GUYNER (Ghi-ne-me) chuyển sang quân-đoàn thành Verdun (Ve-don); rồi đến tháng 6 ra đánh ở hàng trận sông Somme (Som), vẫn thuộc về đội « Con Hạc », từ đó đổi tên là hạm-đội số N. 3.

Đến tháng chín thì đã đứng bậc toàn-tài rồi. Ngày 22 tháng chín, bay cao 3000 thước, đánh ba cái máy bay của quân địch: 11 giờ 22 phút đánh đổ cái thứ nhất; 11 giờ 22 phút 30 giây đánh đổ cái thứ nhì; 11 giờ 25 phút đánh đuổi chạy cái thứ ba. Ở dưới thì pháo-binh của quân địch bắn lên, bị một viên đạn lớn sượt qua mình. Cái máy thiên-văn trong tàu vỡ tan ra, mảnh bắn vào đầu gối bị thương, máy bay thì nhào xuống đất.

Ngày 31 tháng chạp năm 1916, được thăng thực-thụ quan hai. Kịp đến năm 1917, tềo-quản ở sông Somme (Som) và ở đất Lorraine (Lô-liên), lại lữ-chiến lữ-thắng một hồi nữa. Trong ba ngày, từ ngày 23 đến ngày 26 tháng giêng, đánh được năm trận. Ngày mồng 6 tháng hai đánh nhau với một cái máy địch có ba chỗ ngồi (*triplance*) và

ba chiếc súng cối xay, bắt quân địch phải đổ ngay trong hàng trận quân ta. Nhân cái chiến-tích đó mà được thăng thưởng chức quan ba giữa ngày mồng 8 tháng hai, hấy giờ mới có hai-mươi-hai tuổi.

Tự đó về sau hậu một ít lâu dễ sửa-soạn một thứ máy mới sáng-nghĩ ra, rồi lại ra tiền-quân để theo đánh trận công-thế (*offensive*) mùa xuân. Ngày 25 tháng năm, thu được cái chiến-tích hiển-hách hơn cả từ trước: trong một ngày đánh đổ được bốn cái tàu bay Đức. Cái chiến-tích đó thật trong lịch-sử nghề tàu bay dùng về việc binh mới có một, không có hai; nhân đó được thưởng-thụ Bắc-dầu-bội-tinh hạng tư.

Kể đến ngày 30 tháng tám năm 1917, trong hành-trạng quan ba GUYNER (Ghi-ne-me) biên đánh đổ được cả thảy 53 chiếc tàu bay Đức, được 25 lần tuyên-công cho toàn-quân và phải hai lần bị thương. Cứ thực thì cái số chiến-thắng còn nhiều hơn cái số trong hành-trạng nhiều, và chắc được đến ngót một trăm vậy. Đối với quân-lính quan ba GUYNER (Ghi-ne-me) có cái oai lạ. Cứ cái gương công-trạng của ông, có khi ông cứ xuất-hiện ra thôi, cũng đủ làm cho quân-lính phải phục-tòng. Hễ trông thấy mặt ông là quân-lính dưng-dược⁽¹⁾ cờ-võ⁽²⁾ vô-cùng. Hồi những trận công-kích⁽³⁾ lớn, ông cuỡi lên máy, bay thâm-thấp tiến vào hàng trận Đức, đi tiên-phong cho các lớp bộ-binh (*vagues d'infanterie*) tràn theo sau.

(1) **Dưng-dược**, 踴躍 — Nhảy-nhét, vui mừng, sướng lắm. — TRANSPORTÉ D'ENTHOUSIASME.

(2) **Cờ-võ** 鼓舞 — Đánh trống và múa, vui mừng quá. — MANIFESTER SA JOIE, SON ENTHOUSIASME, ÉLAN D'ENTHOUSIASME.

(3) **Công-kích** 攻擊 — Xông vào đánh tiến lên đánh. — ATTAQUER; ATTAQUE.

Tuy cái sức sinh-hoạt của ông mạnh mẽ lạ lùng, cái sức nhẫn-nại⁽¹⁾ cường-cường có một, trông hình-dạng bề ngoài yếu ớt tưởng không được đâu như thế, mà hơn hai năm ở trận-tiền, hằng ngày bay trên không đến bảy giờ mười giờ đồng-hồ, sức mạnh đến đâu mà lại được. Dầu cái phách-lực⁽²⁾ vẫn nguyên- vẹn mà cái thể-lực⁽³⁾ đã suy-mòn. Người nhà có xin với quan tư BROCARD (Bờ-rô-ca) nên để ông nghỉ ít lâu dưỡng sức, quan tư trả lời: « Không thể sao được ! Trong quân phải cần đến ông lắm, ông khuyến-kích quân lính giỏi quá ! »

Mỗi một cái chiến-tích của ông, tức là một sự kinh-mạo cái chết. Tám lần ông bị quay lông-lổc dơi tự trên không xuống đất, vào sau hàng trận Pháp. Ngày 13 tháng 3 năm 1916, bị quân địch bắn như mưa, phải hai viên đạn vào cánh tay trái, còn cái máy của ông thì tan-tành ra từng mảnh, đập từ tung vào mặt.

Ông kinh-mạo sự nguy-hiêm đã lắm, người ngoài tưởng ông không khi nào bị hại được. Tự hạ-tuần tháng bảy năm 1917, ông tòng-quân ở đất Flandres (Phờ-lăng) để theo đánh công-thể với quân Pháp-Anh (*offensive franco-britannique*). Ngày mồng 6 tháng chín, đánh đổ được cái tàu bay Đức thứ 54, tức là cái chiến-tích⁽⁴⁾ sau cùng của ông. Ngày 11 tháng chín, buổi sớm, ông đi tuần-sát. Cứ như lời quan hai BOZON-VERDURAZ (Bô-dông-Ve-đu-lát) bữa đó cùng đi tuần với ông, thì ước vào khoảng 9 giờ 35 phút, ông

trông thấy một cái máy bay của quân địch, bèn dám thẳng vào đánh, hằng-hai như thường. Vụt chốc thấy trong đám sương mù có mấy cái máy bay Đức khác dám xô ra chạy lại cứu cái máy của anh em bạn bị đánh. Quan hai BOZON-VERDURAZ (Bô-dông-Ve-đu-lát) biết sự nguy-hiêm cho GUYNEMER (Ghi-nơ-me) dám thẳng vào công-kích mấy quân địch mới ấy, đuổi được tan. Xong rồi quay về đi tìm bạn mình, chạy ngược chạy xuôi trong cái bề mây vô-hạn, nhìn đằng trước nhận đằng sau, không thấy đâu cả, thì ra GUYNEMER (Ghi-nơ-me) cả người cả máy đã biến đi đâu mất rồi. Một người bạn võ-sĩ với ông là ông REAUD DE LA FRÉGEOLIERE (Rơ-nô-dờ-la-Phờ-lê-giô-li-e) tả cái chết li-ký ấy đã có câu rằng: « Bình-sinh ông đã được cái thần Vinh-dự chiều-chuống tới thế, đến lúc cùng-tận chết một cách u-âm huyền-bí như vậy, cái thần Vinh-dự cũng không bỏ và muốn cắp vào cánh mang đi cho xa. Trời kia mệnh-mông như mặt bẻ, có cái thú lạ thường, làm cho ông bênh-hồng trong bấy nhiêu lâu, nay lại đem cái sóng sương-mù mà cuốn ông lại, trôi chầy đi đâu, hình như không muốn trả lại cái đất kia đứa con yêu quý của mình... »

Ấy sự-nghiệp ông GUYNEMER (Ghi-nơ-me) cùng-tận như vậy, như rực-rỡ những vẻ thanh-xuân, thơm-tho những mùi chính-khi, một đời kết-cục trong một cuộc chiến-đấu trên không. Oanh-liệt thay !

PHẠM QUỲNH dịch sách tày

(1) Nhẫn-nại 忍耐 — Kiên nhẫn chịu được lao khổ. — ENDURANCE.

(2) Phách-lực 魄力 — Sức mạnh vô-hình, sức mạnh của tâm-hồn. — ENERGIE, VIGUEUR MORALE.

(3) Thể-lực 體力 — Sức mạnh của thân-thể. — FORCES PHYSIQUES, VIGUEUR DU CORPS.

(4) Chiến-tích 戰績 — Công đánh trận giỏi, đánh trận được thành công. — EXPLOIT, SUCCÈS GUERRIER.

NAM-ÂM THI-VĂN KHẢO-BIỆN

Văn-chương quốc-âm nước ta, tuy bắt chước Tàu mà làm ra cũng nhiều lỗi, nhưng có lỗi riêng hẳn của ta là lỗi *thượng lục hạ bát* ⁽¹⁾, đó mới thực là thơ quốc-phong ⁽²⁾ của tổ-quốc ta truyền lại đã từ mấy ngàn năm nay.

Hoặc có kẻ bảo là bắt chước những câu trong kinh truyện sử Tàu mà đặt ra, như kinh Dịch : « Lục tam hàm chương khả trình 六三含章可貞, hoặc tòng vương sự vô thành hữu chung 或從王事無成有終 »; Truyện Trung dung : « Phù thủy nhất thực chi đa 夫水一勺之多, cập kỳ bất trắc ngoan đã giao long 及其不測豈盪蛟龍 »; Tống-sử : « Đế dĩ Sái-Sác hữu công 帝以蔡確有功, Sử chi tòng tự Thần-tôn miếu đình 使之從祀神尊廟庭. »

Người ta viện-dẫn ⁽³⁾ những câu đó bảo là lỗi *lục-bát* bắt chước từ đó mà làm ra. Nhưng cũng là viện-dẫn vơ-váo, chớ không dám chắc.

Lỗi *lục-bát* này hiệp theo văn bằng, có *giao-vận* là vần ở lưng chừng câu dưới chữ thứ sáu; có *cước-vận* là vần ở chân hai câu, âm-hưởng ⁽⁴⁾ cực kỳ tự-nhiên, không thể đặt ép được. xem như các câu ca-dao thì biết.

I

Ca-dao có câu :

Nhiều điều bực lấy giá gương,
Người trong một nước ⁽⁵⁾ phải thương
[nhau cùng.

Tương-truyền câu này xuất-hiện từ đời bà Trưng-vương tuyên-bá ⁽⁶⁾ ra đề khuyến bảo người trong một nước. Tuy không lấy gì làm chắc, nhưng xem như hai bà Trưng-vương mà đánh đuổi được Tô Định là quan Tàu tàn-bạo, đối địch được với Mã Viện là tướng Tàu quốc-thước ⁽⁷⁾; thế thì biết cái dải nhiều điều của núi Hồng-Lạc ta, thực là dải đồng-tâm tương-thần trọng-ái mà lại là một cái gương để một nước soi chung. Vậy thì cho câu ấy xuất-hiện ra từ thời ấy cũng là phải.

II

Tay cầm bán-nguyệt xênh-xang,

Muôn nghìn cây cỏ lai hàng làm tôi.

Câu này tương-truyền là của bà Lê-hoàng-hậu vợ vua Lý Thánh-tôn. Bà người làng Thổ-lôi ⁽⁸⁾, huyện Văn-giang, khi còn hàn-vi ⁽⁹⁾ đi sang thành Thăng-long cất cỏ, gặp khi vua Thánh-tôn vi-hành ⁽¹⁰⁾ nghe

(1) Thượng lục hạ bát 上六下八, là đặt câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ.

(2) Quốc-phong 國風, là thơ ca trong nước, mà tổ bày được phong-tục trong một nước.

(3) Viện dẫn 援引, nghĩa là vịn lấy những câu văn cũ, điển-tích cũ, mà dẫn làm chứng cứ.

(4) Âm hưởng 音響, là tiếng vang, tiếng ngấm đọc vang lên, không có chúch chắc.

(5) Có người đọc là « một họ ».

(6) Tuyên bố 宣布, nghĩa là đem bá-cáo cho rõ rệt, cho ai cũng được biết.

(7) Quốc-thước 嬰鏢, là khỏe mạnh, vua Quang-Vũ khen Mã-Viện là : Quốc-thước tai thi ông 嬰鏢哉是翁, nghĩa là ông già mà còn khỏe.

(8) Bấy giờ là làng Thổ-khối 土塊 thuộc Bắc-ninh.

(9) Hàn vi 寒微, là khi còn hàn hạ nhỏ mọn.

(10) Vi-hành 微行, là đi kết lên, bận quần áo thường mà đi không cho ai biết là vua.

tiếng bà hát câu ấy lấy làm lạ, bèn vờ vào cung gọi là « Ý-lan phu-nhân » 倚蘭夫人 (1) sau lập làm Hoàng-hậu. Thế thì bà hát câu ấy thực là khâu-khí (2) lạ thường, Người xinh thì tiếng cũng thanh, chuông kêu đánh ở góc thành cũng kêu, ai bảo không phải khí-tượng bà mẫu-hậu.

Nhưng lại có người truyền câu ấy là của bà chúa người Xuân-tảo phủ Hoài-Đức 懷德 hoặc bảo là của bà chúa Mía người Sơn-tây. Song xét trong tập Hải-dương-địa-chí 海陽地志, từ khi nhà Kinh-lược sức cho các phủ huyện kê-khai, thì truyền là của bà Nguyễn-Dung, người làng An-đêm huyện Cẩm-giang, sau lấy chúa Trịnh, hơn 10 năm, không có sinh-dục gì, được tứ-hiệu (3) là Xuân-dung, tặng cho 200 mẫu lộc-diên (4) và chuẩn cho hồi-quán Trong Địa-chí lại chép đủ cả câu hát ấy như sau này :

Ta cầm bán nguyệt xénh xang,
Muôn cây nghìn cổ lai hàng tận tay.
Giang sơn một gánh chắt đầy,
Đường-Ngu thảo mộc tới ngay đến nhà.

Xem thế thì các câu ca giao truyền tụng, mỗi người truyền một khác ; muốn xét cho biết đích-sắc thuộc về đời nào, vì làm sao mà có câu ấy, thì cũng chưa có thể biết hết cho đích-sắc được.

Nay tôi xin xét từ đời Trần trở xuống, đại khái trình-độ văn quốc-âm khá lược chia làm ba thời-đại :

- 1° Phôi-thai thời-đại (5),
- 2° Phát-đạt thời-đại (6),
- 3° Toàn-thịnh thời-đại (7).

sẽ lần lượt kê ra sau này.

Ông HÂN THUYỀN 韓詮 ở về đời Trần Nhân-tôn (1255) có làm bài văn tế cá-sấu ở sông Phú-lương (8) thì lối văn Hàn-luật (9) mới khởi-điêm ra từ đó, mà lối thơ phú sau ông Hàn lại có ông NGUYỄN SĨ-CỐ 阮士固 (10) lại càng xướng-phát thêm cho lối quốc-âm ta.

Vậy thì trước khi chưa có Hàn-luật chỉ có những câu ca-dao, mới thật là tiếng hoàng-chung đại-lã riêng một giọng thơ thiên-nhiên của nước Nam ta. Sau khi đã đã có Hàn-luật thì mới có những luật ngũ ngôn thất ngôn, câu thơ câu phú là lối bắt chước tự văn Tàu.

(1) Xét trong sử thì nói bà hái dâu, đứng trong bụi cỏ lan, nên mới gọi là « Ý-lan phu-nhân ». Trong truyền bà chính là cô Tấm, tương ở truyện Tấm Cám.

(2) Khâu-khí 口氣 là khí phách nói ra miệng.

(3) Tứ-hiệu 賜號 là vua đặt tên hiệu ban cho.

(4) Lộc-diên 祿田 là ruộng vua ban cho để làm bổng lộc riêng của mình.

(5) Phôi thai thời đại 胚胎辰代 là lúc mới phôi phác thành thai chưa được phát-đạt lắm.

(6) Phát đạt thời đại 發達辰代 là lúc mở mang rộng thêm ra.

(7) Toàn thịnh thời đại 全盛辰代 là lúc đã thịnh vượng toàn vẹn.

(8) Tức là sông Nhị-hà.

(9) Hàn-luật 韓律 là luật văn thơ của họ Hàn. Vì ông Nguyễn-Thuyền 阮詮 làm văn nôm đề tế cá sấu, cũng giống như truyện ông Hàn-Dũ ở đời Đường, vua Nhân-tôn mới cho đổi theo họ Hàn. Nước ta làm văn nôm từ ông Hàn-Thuyền trước nhất, nên sau này ai làm văn nôm cũng gọi là Hàn luật.

(10) Ông ở về đời Trần Anh-tôn 陳英尊, tài làm văn thơ nôm.

(11) Hoàng-chung đại là 黃鐘大呂 là tên hai ống luật là, phát ra thanh-âm bởi hai ống ấy trước.

Nhưng tiếc thay văn-chương quốc-âm các đời truyền lại rất là mờ hồ (1), hoặc có câu mới nghe thấy đồ hàng Gai ngâm lời mà đã truyền là của cụ Thượng Trứ; hoặc có câu vừa thấy chỉ ở hàng Thao bốn cột mà đã bảo là của cô Hồ Xuân-Hương; sự vừa mới đây còn như thế, huống chỉ những câu văn tự mấy trăm năm về trước, còn biết đâu mà xét ro là Trần-văn, Lý-văn hay là Lê-văn.

III

Xét trong Trần-sử, ông TRẦN KHÁNH-DU 陳慶餘 là tôn-thất nhà Trần, phong trước Nhân-huệ-vương, vì phải cách chức, ra ở Trí-linh (2) đốt củi bán than, thường ngâm câu rằng :

*Một gánh kiền khôn quây xuống ngàn,
Hỏi chi bán đấy gửi rằng than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem đá sắt có bền gan.
Nghĩ mình diên đảo toan nghề khác,
Nhưng lạ trời kia lắm kẻ hàn.*

Khi ấy có giặc Nguyên sang xâm, các vương-hầu hội cả ở Lục-dầu-giang (3) bàn định việc binh, ông nhân chở thuyền than qua dưới bến sông, vua Nhân-tôn cho gọi lại dự bàn việc binh, bèn phục chức cho ra giữ Văn-đồn (4). Ông phục binh đánh cướp được thuyền lương của Trương Văn-Hỗ, quân Nguyên hết lương, vì thế Hưng-đạo-vương mới đánh tan được.

Xem thể thi ông không những là một tay tướng giỏi, mà lại là một tay văn hay, có khí-phách, có can-đảm.

Nhưng vị-tất bài thơ trên này đã hẳn là khởi-xương ra trước khi chưa có Hàn-luật, nếu vậy thì thực là một bài thơ tối-cổ tự đời Trần. Nếu mới phụ-họa (5) ra sau khi đã có Hàn-luật rồi, thì phải nhường cụ Hàn-Thuyên là tị-tổ (6) văn quốc-âm; mà đời Trần Nhân-tôn chính là lúc thơ phú bằng quốc âm thuộc về phối-thai thời-dại vậy.

IV

Trần-Lý trở về trước ta không thể xét cho rõ được, nhưng về phần văn Lê truyền lại thì còn có thể xét mà biết được. Như những câu ca-đạo nói về việc khuyên chông học-hành thi-cử tương-truyền là tự Lê.

*Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dặt cửu canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm,
Trình anh giấy học chờ nằm làm chi!
Nửa mai chưa mở khoa thi,
Bằng vàng rờ rở kia dề tên anh.
Bỏ công cha mẹ sắm sanh,
Tiền lưng gạo túi cho anh vào trường.
Nghỉ-vệ (7) đóng hải bên đàng,
Võng anh đi trước võng nàng đi sau.
Kẻ chiêng người trống đua nhau,
Tiếng khoan rộn rịp tiếng mau rập rình.
Rước vinh-quí về bãi-tổ (8),
Ngã trâu bò làm lễ tế thần.
Đề cho bảy huyện nhơn dân,
No say được đội hoàng-ân từ rầy.*

(1) Mờ hồ 模糊 là hàm hồ mờ phỏng không biết đích xác.

(2) Tên huyện, thuộc Hải-dương.

(3) Thuộc Phá-lại tỉnh Hải-dương.

(4) Bây giờ sáp nhập vào huyện Hoành-bồ, thuộc Quảng-yên.

(5) Phụ họa 附和 là xưng họa phụ thêm vào.

(6) Tị tổ 鼻祖 là ông tổ đầu, người xưng ra đầu tiên.

(7) Nghỉ vệ 儀衛 là uy nghi hộ vệ đi theo hầu.

(8) Vinh qui 榮歸 là khi đỗ được đón rước về quê nhà về vang lẫm. Bãi tổ 拜祖 là làm lễ cúng tế tổ tiên.

Xem những câu ấy thì biết đích rằng văn về thời Lê đương khi sùng-bái (1) sự học khoa cử rất thịnh.

Lại như câu nói về việc canh-nông :

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai giồng đậu giồng khoai giồng
[cá.

Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ra hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi tậu trâu bò,
Đề cho ta lại làm mùa tháng năm.
Sớm ngày đem lúa ra ngâm.
Bao giờ mọc mầm ta sẽ nhổ ra.

Gánh đi ra ném ruộng ta,
Đến khi nên mạ thì ta rồ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới gởi về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa làm đã sạch rồi,
Nước ruộng với mười còn độ một hai.
Cao thời đóng một gầu giai,
Lúa thấp thời lại đóng hai gầu sòng.
Đề cho lúa có dòng dòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười,
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.

Xem đó thì biết nước ta là một nước canh-nông, xưa nay chỉ chăm chú về việc nông-gia cần-khố, lời văn rất là thật thà hồn hậu, rõ tả ra tư-cách nhà nông-dân.

Những câu ca-dao ấy mới thực là tự ông thiên-lai-phát-thanh (2), mà thành ra một giọng thanh-âm Nam-Việt.

V

Sau đời Trần-mạt sang đời Lê-sơ, thì có cụ NGUYỄN TRÃI 阮鵬, hiệu là Ước-trai-

tiên-sinh theo vua Lê Thái-tổ giúp việc quân-trung từ-mệnh (3) rất có công to. Cụ có theo lối ca-dao lục bát mà đặt ra nhiều bài ca rất là có ích, như bài cha dạy con :

Ở cho phải có nhân-nghì,
Thơ danh vả lại làm bia miệng người.

Bài vợ khuyên chồng :
Thiếp xin chàng chớ đam dâm,
Những nơi cờ bạc chớ lăm lăm gì.

Bài thầy khuyên trò :
Học cho hi thành hi hiền (4),
Việc gì thông biết phải phiên luy ai.

Đó là lược-trích những câu ở trong tập Nguyễn-Trãi gia-huấn, thì biết rằng cụ thực lưu-tâm về việc diễn ca quốc-âm để khuyên bảo đàn bà trẻ con cho ai nấy cũng dễ hiểu. Tập Gia-huấn ca ấy lời rất bình-dị, thật là có bổ-ích về đường phong-hóa nước ta.

Còn như tục truyền khi cụ đi châu về gặp nàng Thị-Lộ, cụ đọc câu thơ mà hỏi rằng :

Á ở đâu nay bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn ?
Xuân thu nay độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ?

Thị-Lộ đáp rằng :
Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân-thu nay mới trăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa có, hỏi chi con.

(1) Sùng bái 崇拜 là tôn trọng qui hóa.

(2) Thiên-lai-phát-thanh 天籟發聲; là cái ống sáo trời khi gió thổi phát tiếng ra, đó là tiếng tự nhiên.

(3) Quân-trung từ-mệnh 軍中詞命 là những tờ bồi mệnh lệnh về việc quân.

(4) Hi thành hi hiền 希聖希賢 là học bắt chước mong bằng ông thánh ông hiền.

Thiệt-tưởng những sự huyền-hoặc (1), những câu thơ du-hí (2) ấy, chẳng qua là những nhà hiểu-sự phụ-họa bịa đặt thêm ra, chớ không nên chấp chệnh những câu ấy mà vu cho các bậc tiền-bối (3).

VI

Sự văn-chương nước ta đến đời vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) là thời văn-chương cực thịnh, nào là lập ra « tao-đàn-nguyên-sứ » (4), nào là chế ra « quỳnh-uyên-cửu-ca » (5), lúc rồi ngài lại thường ngâm-vịnh văn thơ, có chép thành ra tập *Thiếu-nam dư-hạ* (6), nay xin trích một vài bài truyền tụng như sau này :

1^o Tiên sứ-thần

*Danh thơm lương-sứ (7) nẻo xưa còn,
Cửu-dải (8) nay nên tạc tức son.
Khiên-quyền (9) tư-án lòng thể-thái,
Ấn-cần công-nghĩa đạo tôi con.
Phượng-tiên (10) năm năm niếm khuya
[sớm,
Long-tiết (11) chăm chăm trái nước non.
Tế-sự một mai ca Tứ-mẫu (12),
Công-danh hai chữ vẹn vương tròn.*

Bài này lời lẽ trang-nghiêm, rõ ra văn-cầm-tú (13), giọng ti-luân (14); lại hay thề-

tất (15) bụng kẻ sứ-thần, khác nào ngâm câu Hoàng-hoa (16) mà tiền đưa người muôn dặm.

2 Dệt vải

*Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vải phải lên ngôi gỡ mỗi giường.
Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt,
Gót vàng giậm đạp máy âm dương.*

Bài này thật tả ra một vị quân-vương có lòng đại-độ thương dân.

3 Con cóc

*Bác mẹ sanh ra vốn áo chồi,
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.
Tép miêng năm ba con kiến gió,
Nghiến răng chuyền động bốn phương
[trời.*

Thử đọc bốn câu thơ này thì rõ ra khi-trọng một vị thái-bình-thiên-tử, ngồi rủ áo xiêm ở chốn thâm-cung mà uy-quyền lừng lẫy cả bốn bề.

Thi ca quốc-âm ta, đến đời vua Lê Thánh-tôn xem thể thì tưởng đã phát-đạt nhiều lắm, tuy từ lúc Lê mới khai-sáng, mở ra nên Lê-văn đã có cụ NGUYỄN-TRẦN, rồi lại có vua Thánh-tôn, trong bốn mươi

(1) Huyền-hoặc 玄惑 là mờ mịt nghi hoặc không chắc tin.

(2) Du-hí 遊戲 là chơi bời nhảm nhí.

(3) Tiền-bối 前輩 là lũ trước, các bậc hiền-giả đời trước.

(4) Tao-đàn nguyên sứ 騷壇元帥 là một ông chủ tọa ở trong đám làm văn thơ; tức là vua Thánh-tôn.

(5) Quỳnh-uyên cửu ca 瓊苑九歌 là chín bài ca ở chốn Quỳnh-uyên.

(6) Thiên-nam dư hạ 天南餘暇 là tên một quyển sách chép văn thơ của vua Thánh-tôn.

(7) Lương-sứ 良使 là một người đi sứ giỏi.

(8) Cửu-dải 裘帶 là áo cừu và đai măng. Ông Công-Tây-Xích khi xưa mặc áo khinh-cửu đeo măng đi xứ nước Tề.

(9) Khiên-quyền 鞬鞞 nghĩa là quấu quit, văn vương.

(10) Phượng-tiên 鳳箋 là tờ chiếu vẽ con phượng.

(11) Long-tiết 龍節 là cờ tiết-mao của vua ban cho sứ-thần.

(12) Tế-sự 濟事 là giúp nên việc. Tứ mẫu 四牡 là thơ ở kinh Thi, lời vua ủy-lạo kẻ sứ-thần.

(13) Cầm-tú 錦繡 là gấm vóc.

(14) Ti-luân 絲綸 là tơ sợi, vì lời chiếu dụ của vua, nói nhỏ như tơ, rồi to ra như sợi.

(15) Thề-át 體悉 là thề biết cái tình riêng của sứ-thần, mà xử thật chu-tất.

(16) Hoàng-hoa 皇華 là thơ ở kinh Thi, lời vua tiễn kẻ sứ-thần.

năm trời (1428-1470), nào là câu ngâm-vịnh chốn nho-lâm (1), nào là câu ca-đạo ngoài thảo-dã (2), không thể nào khảo-cứu cho hết được, nhưng từ lúc ấy đã đắp thành cái nền ca-đàn thi-xã (3) văn quốc-âm.

VII

Kể sau vua Lê Thánh-tôn, thì có cụ Trạng Trình là NGUYỄN BÌNH - KHIÊM 阮秉謙 tiên-sinh xuất-thế. Cụ sinh năm Lê Hồng-đức (1492), đỗ năm Mạc Đại-chính (1536), hiệu là Bạch-vân-cư-sĩ, tinh thông lý-học (4), thường hay đi du-lâm (5), ngâm vịnh rất nhiều, phàm những câu sấm câu thơ nhiều câu toàn dụng quốc-âm cả, nay hãy còn truyền lại bộ *Bạch-vân thi-tập* (6).

Khi cụ về trí-sĩ ở Bạch-vân-am (7), thường hay ngâm vịnh cảnh nhân, nay hãy lục ra một vài bài như sau này :

1

*Lần lữa ngày qua lại tháng qua,
Một phen xuân tới một phen già,
Ai-ừ vắng vạc trắng in nước,
Danh-lợi láng láng gió thổi hoa.
Ấn sách vẫn còn ấn sách cũ,
Nước non ban với nước non nhà.*

2

*Được thua thấy đã rất nhiều phen,
Đề xẻ công danh đổi lấy nhân.*

*Am Bạch-vân rồi nhàn-hững,
Dặm hồng-trần vắng ngai chen.
Ngày chầy hợp mặt hoa là khách,
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.
Chờ chờ thờ ơ nhìn mới biết,
Đỗ thời sơn đỗ mực thời đen.*

3

*Chừa để ai là but Thích-ca,
Mọi niềm nhơn ngã (8) nhẩn thời qua.
Lòng vô-sự trắng in nước,
Cửa thảng-lai (9) gió thổi hoa.
Kìa khách xuân xanh khi trẻ,
Mấy người đầu bạc tuổi già.
Thanh-nhàn ấy ắt là tiên-khách,
Được thú ta đà có thú ta.*

Những bài thơ trên này có bài chỉ có sáu câu, có câu theo lối lục-ngôn chỉ đặt có sáu chữ, mà từ-điệu bình-dị (10), phong-thú cao-thượng (11), không khác gì giọng thơ cụ Đào-Tiêm, câu ngâm ông Thiệu-tử. Thế thì cụ không những là một nhà lý-học, mà lại là một cái nêu xích-xi (12) chốn văn-đàn (13), để làm tiêu-biểu (14) cho văn Lê thời cực-thịnh.

VIII

Kể đến thời nhà Mạc trong năm Quang-bảo (1554) có ông Trạng-nguyên PHẠM-TRẦN 范鎮, BẮNG-nhân ĐỖ-ÔNG, hai ông cùng đỗ một khoa. khi về vinh-qui, Trạng Bàng cùng về một đường, đi qua cầu

(1) Nho-lâm 儒林, là chỗ nhiều người văn nho đông như rừng.

(2) Thảo-dã 草野, là chốn đồng cỏ, chốn nhà quê.

(3) Ca-đàn thi-xã 歌壇詩社, là chốn đàn vịnh ca, chốn họp nhau lại để làm thi ca.

(4) Lý-học 理學, là học về lý số.

(5) Du-lâm 遊覽, là đi chơi xem các nơi danh thắng.

(6) Bạch-vân thi-tập 白雲詩集, là một bộ thơ quốc-âm của cụ thường ngâm vịnh cảnh nhân, ước độ 100 bài, đã sao lục ra rồi, nhưng nguyên bản chữ nôm còn sai lầm chưa hiểu hết, sẽ khảo cứu in lần theo sau.

(7) Bạch-vân-am 白雲庵, là nơi nhà riêng của cụ ở quê nhà.

(8) Nhơn-ngã 人我, là người với ta, là lòng tư túi phân biệt người với ta.

(9) Thảng-lai 倘來, là lại thoảng một lát rồi lại như không, là không phải của của mình.

(10) Từ-điệu bình-dị 辭調平易, là lời thơ điệu thơ dễ dàng.

(11) Phong-thú cao-thượng 風趣高尚, là lý thú trong bài thơ, có ý cao xa hơn người.

(12) Xích-xi 赤幟, là ngọn cờ đỏ.

(13) Văn-đàn 文壇, là đám họp nhau làm văn thơ.

(14) Tiêu-biểu 標表, là cái nêu dựng cao.

Cốc, làng Đoàn-lâm (1), trong cầu có cô con gái tên là Loan ngồi bán hàng. Trạng Bàng mới đỗ nhau làm bài thơ : « *Cô Loan bán hàng cầu Cốc* », hạn mỗi câu phải hai tiếng thuộc về giống cầm ; hễ ai qua cầu đọc xong trước, thì nhường đi trước. PHẠM TRẦN ngâm xong trước, thơ rằng :

*Quai vạc đôi bên cánh phụng phong,
Giở giảng bán chác tựa đồ công
Xanh le mở khép nem hồng mới,
Bạc ác phô phang rượu vệt nồng.
vân vân... (2)*

Xem đó thì văn-chương thời bấy giờ đã điêu-luyện tinh-sảo (3) lắm, nào le nào vệt, nào phụng nào hồng, chọi chát nhau từng chữ, thực đã đưa lối quốc-văn vào đường vẽ rồng chạm phụng, chẳng khác gì lối Hán-văn khắc-trịện điêu-trung (4).

IX

Nói về ông Lê QUI-ĐƠN 黎貴敦, quê ở làng Diên-hà, phủ Thái-bình (bây giờ đặt thành tỉnh). Khi nhỏ thông minh khác thường, mới sáu bảy tuổi đã biết làm thơ làm văn. Một hôm có một ông quan đến chơi nhà ông Trung-hiếu-công là ông thân-sinh ra Qui-Đôn, thấy Qui Đôn nghịch ngợm, bèn quở mắng rằng : « *Mày là thằng rắn đầu rắn cồ, phải làm bài thơ tự trách mình, nếu không làm được thì phải đòn* ».

Qui-Đôn vâng lời làm một bài rằng :
*Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà,
Rắn mà chẳng học chẳng ai tha.*

*Thẹn dèn hồ lừa đau lòng mẹ,
Nay thét mai găm rít cồ cha.
Chém mép chỉ quen tưởng nói dối,
Lần lưng cam chịu tiếng roi tra.
Tự rầy Châu Lỗ (5) chăm nghề học,
Chớ dè người ta (6) tiếng thê-gia.*

Ông quan thấy Qui-Đôn còn ít tuổi mà văn chương tài-hoa, khen nức nở mãi. Sau Qui-Đôn 18 tuổi thi đỗ Thủ-khoa, rồi thi đình đỗ Bàng-nhân trong năm Cảnh-hưng thứ mười ba (1752). Ông có làm ra nhiều sách, như là : *Thánh-mô-hiến-phạm-lục, Kim-kinh-lục-chủ, Hoàng-Việt-văn-hải, Văn-dài-loại-ngữ, Kiến-văn-tiên-lục, Thái-ất-quái-vận, Lục-nhâm-hội-thông, Kim-cương-kinh-chủ-giải, Quản-thư-khảo-biên, vân vân...* Còn về phần văn quốc-âm thì tương-truyền ông có soạn ra bài tinh nghĩa : « *Tất kinh tất giới, vô vi phu tử (7)* », bài văn sách hỏi về mục : « *Lấy chông cho đáng tằm chông, bô công trang diêm má hồng răng đen* ». Những bài này tôi đã biên tập ra quyển *Cổ-xúy-nguyên-âm* (8) thứ hai, xem ra lời lẽ rất hay, tuy theo thể cách văn Tàu, mà dùng toàn câu phương-ngôn tục-ngữ, đặt ra thành văn, cũng chẳng kém gì văn Hán tự, xem thể thì biết rằng tiếng quốc-âm ta muốn làm theo lối văn nào cũng được mà cũng hay ; lại đủ chứng rằng văn thời Lê đến đây chính là lúc *văn quốc-âm phát đạt thời đại*.

X

Đến đời cuối Lê, Tây-sơn ra tàn phá thành Thăng-long, vua Lê không có quyền-

(1) Bây giờ thuộc huyện Thanh-miền tỉnh Hải-dương.

(2) Bài thơ đủ 8 câu, nhưng còn truyền lại 4 câu.

(3) Điêu-luyện tinh-sảo 雕鍊精巧 là chạm kẻ, rèn đúc, thật tinh thật khéo.

(4) Khắc trịện điêu trung 刻篆雕虫, nghĩa là khắc ra hàng chữ trịện, chạm ra hình con sâu, là nói làm văn dụng công tỉ mỉ.

(5) Châu Lỗ là chỗ ông Mạnh-Tử ở ; Lỗ 魯 là nước quê hương ông Khổng-Tử.

(6) Chữ *ta* hoặc là *chê*.

(7) Là lời mẹ răn con gái : phải nên kính rắn, không nên trái ý chông.

(8) Quyển này đã in ra bản chữ Quốc-ngữ, bán tại hiệu Đông kinh ấn-quản số 16 hàng Bông Hà-nội.

bính gì nữa. Nên ông PHẠM-THẤU 范湊 đi qua cửa Ngũ-môn (1), trông thấy con rồng đá, cảm-hứng mà ngâm rằng :

*Chợt qua năm cửa động lòng thơ,
Rồng đá sao rày gọi tiếng thưa ?
Nền-nếp vẫn còn nền nếp-cũ,
Lê-văn sao khác Lê-văn xưa ?
Ý nhân thiên-lử thời châu sớm,
Hay bởi đĩnh-thần mời thức trưa ?
Nào kể mây mưa duyên khế trước,
Tôn Chu (2) nghĩa cả khéo thờ ơ.*

Đó là bài thơ hoài-cổ (3), lời lẽ mát mẻ, ý tứ âu sầu, xem đó thì biết vận nhà Lê đã gần ngày kết-cục. Vậy xem giọng văn khi buồn, khi tẻ, khi vui, khi cười, cũng đủ biết được vận nước suy hay là thịnh, ai bảo rằng nôm na mách qué, không có quan-hệ gì hay sao ?

Nói tóm lại thì ở về đời Lê-quí (4) cũng nhiều người văn-nhan học-sĩ tài văn quốc-âm, như về đời Vinh-khánh (1731) có ông NGUYỄN BÁ-LÂN 阮伯璘 người Cổ-đó Sơn-tây làm ra bài phú *Trương-lưu-hầu*; ở về đời Long-đức (1732), thì có ông Thái-học-sinh ĐẶNG TRẦN-CÓN 鄧陳琨 người Nhân-mục Hà-nội, làm ra bài *Chinh-phụ-ngâm*, mà bà NGUYỄN THỊ-ĐIỀM 阮氏點 thì diễn thành ca quốc-âm; ở về đời Cảnh-hưng 景興 (1769) thì có ông NGUYỄN ĐÌNH-TỔ 阮廷儻 người Bình-dầu Hải-dương, làm ra bài tán ông Tiên-sĩ, cũng là ông NGUYỄN HỮU-CHÍNH 阮有整 làm ra thơ *Cung-oản*, phú *Quách-tử-Nghi*, Trương-vinh-Hầu làm ra phú *Tây-hồ*. Kể biết bao nhiêu người tài giỏi văn quốc-âm, mà biết bao bài văn quốc-âm truyền tụng, không thể sao kể cho xiết được.

Nhưng sau này hãy kể lược một vài bài có thể giúp về đường khảo-cứu (5) được thì cũng hay.

XI

Nay xin lược-trích bài văn tán ông Tiên-sĩ rằng :

*Khi ra đường thì : Lọng rập-rình
đổi, võng đan-diu bầy.*

*Gậy xừng hươu vác trước nghênh-
ngang, giáo cõ ngỗng xua nhau lập-lẫy.
Trống tiêu-cổ tung-tung lừng giọng
hát, trời nghiêng một góc tung-bừng.*

*Quán tiền-hồ chánh-chánh thét ra
oai, người đẹp đôi bên thây thây.*

*Kể đi đường phải nghiêng nón đạo
quanh, người ngồi quán phải nếp lưng
đứng dậy.*

*Khi vào châu thì : Nghiêm-trang
mời dâm, uy-vệ càng gia.*

*Đai mắt ngọc sáng lừng đĩnh-đĩnh,
ủng mũi ngạo cong vát nhọn-nhơn.*

*Đầu đội mũ đồng-cán, phẳng phất
ngắm hình khác nào bụt hiện.*

*Lưng đeo tấm bố-tử, thướt-tha xem
nhường quá ngữ tiên sa.*

*Khi ra, vàng chịu mệnh vua, sửa
sang việc nước.*

*Kinh luân mặc sức dâm đang, khôn
khéo ra tay mực thước.*

*Thét một tiếng gian tà co cõ, ai nào
dám he.*

*Quát một điều nha-dịch cau mây,
người nào dám lược.*

Bài này của ông Nguyễn Đình-Tổ rõ tả ra cái tư-cách cái uy-vọng (6) các cụ nghệ đời Cổ-Lê, cũng đủ làm một bài kê-cứu lịch-sử tiên-sĩ về triều Lê-quí.

(1) Ngũ-môn 五門 là năm cửa ở trước nhà Kinh-thiên kinh thành Thăng-long, chỗ các quan vào châu vua khi xưa.

(2) Tôn-Chu 尊周 là tôn phủ nhà Chu, tí như là tôn nhà Lê.

(3) Hoài-cổ 懷古 là ý nhớ đời xưa, thương cảnh cũ.

(4) Lê-quí 黎季 là cuối đời Lê.

(5) Khảo-cứu 攷究 là tra xét, kê-cứu sự tích cũ.

(6) Uy-vọng 威望 là uy nghi trông rất trọng vọng.

XII

Tây-hồ là nơi thắng-cảnh thành Thăng-long, xưa nay văn-nhân tài-tử đề vịnh biết bao nhiêu là văn thơ tức cảnh, nay xin lược trích bài phú tả cảnh Tây-hồ như sau này :

Xinh thay cảnh Tây-hồ, lạ thay cảnh Tây-hồ ! Dám nhớ thửa đất chia chín cõi, nghe rằng đây đã mọc một khu.

Trước bạch-hồ (1) ở đây làm hang, Long-quân (2) gáy nên vùng đại-trạch (3).

Sau kim-ngưu (4) chạy về đây hóa vực, Cao-vương (5) dầm thắm mạch hoàng-dô (6),

Tên nghe gọi rằng dầm Lãng-bạc (7) cảnh ngắm in tinh-chử băng-hồ (8)

Sắc rờn rờn nhuộm thức lam xanh, nghệ động bích chầy lên dòng leo-lẻo.

Hình rợn rợn uốn vòng cầu bạc, tuồng-viền ngân rơi xuống mảnh từ-từ

Hơn nghìn mẫu nước trời lẫn sắc, trải bốn bên hoa cỏ quen mùa.

Vùng đất giỗ mổ phương còn in, kể rằng đài « Thượng-nguyệt » (9)

Bóng nước vắt hàm rồng chẳng cạn người gọi chén « trung-tố » (10).

Tòa thạch-tháp (11) nọ, nơi tiên đề bán, chốn thờ-dôi (12) kia lỗ khách chôn bùa

Đền Mục-lang (13) hương khói chẳng đời, tay lưới phép hãy ghi công bắt hồ.

Quán Trấn-vô (14) nâng sừng nào chuyền, lưới gươm thần còn đề dấu chêm rùa.

Kìa quán Thiên-niên dầm-dập, kia ghềnh Vạn-bảo nhấp-nhó.

Trông mơ-màng nương lỉnh Thừa (15) nơi kia, ba lỗ thước (16) cuối làng kêu chip-chip.

Nghe phảng-phất nghệ động hoa mai nọ, mấy tiếng gà trong trại gáy o-o.

Bài này là của ông Trương-vinh-hầu 張永侯 làm ra từ đời Tây-sơn Bảo-hưng (1801), đến bây giờ xem đi xem lại,

chẳng khác gì một bức tranh thủy-mạc họa cảnh Tây-hồ, trăm năm nét mực như in, dấu trải qua mấy cuộc tang-thương, mà cảnh-tượng cựu-thời, dấu hồ-sơn vẫn còn in trên nền trắng.

(1) Bạch-hồ 白狐 là con cáo trắng. Tục truyền trước là một cái núi đá, có con cáo trắng ở.

(2) Long-quân 龍君 là vua thủy tề, dâng nước lên bắt cáo, thì núi đá ấy sụp xuống thành đầm.

(3) Đại trạch 大澤 là đầm lớn.

(4) Kim ngưu 金牛 là trâu vàng. Tục truyền có con trâu vàng tự bên Tàu chạy sang ẩn dưới vực sâu.

(5) Cao-Vương 高王 là Cao-Biên, khen Tây-hồ có kiều đất.

(6) Hoàng-dô 皇都 là chôn kinh-đô nhà vua.

(7) Lãng-bạc 浪泊 là một tên cũ Tây-hồ.

(8) Tinh-chử băng-hồ 星渚冰壺 là bến sao hồ băng ; là nơi cảnh đẹp nước trong.

(9) Một chỗ đất giỗ ra như mổ phương, ở đây gọi là cái đài đề lên trông trăng.

(10) Nước hồ không bao giờ cạn, người ta gọi kiều đất ấy tí như là cái chén đựng rượu.

(11) Thạch-tháp 石塔 là cây tháp bằng đá.

(12) Thờ-dôi 土堆 là cái gò đất.

(13) Mục-lang là Mục-Thận 穆慎, khi xưa tung lưới bắt được Lê Văn-Thịnh hoá hồ đề dọa vua ; sau được lập đền thờ ở đây.

(14) Quán Trấn-vô thờ đức thánh Huyền-thiên-chấn-vô đại-đế 玄天眞武大帝, có tượng đồng cầm gươm đề trấn Yêu tinh là loài rắn.

(15) Thừa 鸞 là tên núi chỗ Phật ở, nghĩa bóng là trở cái chùa.

(16) Thước 鵲 là chim bồ câu.

Nói tóm lại thì văn-chương thời Lê-quí tuy đã phát đạt nhiều lắm, nhưng kể về đường hùng-văn kiệt-tác (1) còn phải đợi đến Nguyễn-triều ta.

Trời mở vận trung-hưng, đến quốc-triều ta văn-vận (2) lại càng thịnh-vượng. Khi đức Cao-hoàng ta mới ra khai sáng, hề gặp thời-tiết nam-phong, ngài liền đem thủy-quân ra cửa bể Thi-nại đánh giết quân Tây-sơn, khi trở gió lại trở về. Vậy lúc ấy có câu rằng :

*Lạy trời cho cả gió nổi,
Đề cho chúa Nguyễn thẳng buồm giông ra.*

Xem câu ca ấy thì biết nhân-tâm tư Nguyễn (3) dẫu đương lúc đức Cao-hoàng bốn-ba phiêu-lãng (4), mà dân chỉ ngóng trông chiều gió, mong ngài ra thì dân mới được gọi nuần ơn mưa móc. Khát khao thay Nam-phong ! Mong mỗi thay Nam-phong ! Nghe câu ca giọng hát chốn dân-gian, mà biết lòng dân mong cứu-chúa.

Đương lúc ấy có ông Hoàng-Quang 黃光, người làng Thai - dương, huyện Hương-trà, phủ Thừa-thiên hiệu là Thai-dương-xử-sĩ, thông-minh hay chữ, có lòng trung-nghĩa, thấy khi ấy nhân-dân cực khổ, mới làm bài « Hoài-nam-ê », kể công-nghiệp liệt-thánh triều Nguyễn ta, trước từ đời đức Gia-giữ đến đức Hiếu-vô, trải tám đời khai-thác gian-nan, (1)

(5) nhân ơn thiệp-hợp ; (6) sau đến đức Hiếu-dịnh nổi ngôi, Trương Phúc-Loan chuyên quyền, nên đến nổi Tây-sơn dấy loạn, Bắc-hà cấu binh (7), dân-tinh thời ấy rất là thảm-trạng ; lúc thì kẻ tội kẻ quyền-thần, lúc thì thống-hận (8 ; kẻ ngụy-tặc. Lời ca rất bi-ai hùng-tráng (9). Khi ấy có bà Ngọc-huyền công-chúa 玉璵公主 là con đức Hiếu-vô sao được bài ca ấy gửi về cho đức Cao-hoàng ở trong Gia-dịnh. Ngài tuyên-bá (10) cho chư quân nghe, thì nhiều người rơi lụy. Đức Cao-hoàng có nói rằng : « Xưa kia nhân-tâm nhớ nhà Hán, Quang-vũ mới trung-hưng lên được ; nhân-tâm nhớ nhà Đường, Túc-tôn mới tái-tạo (11) lại được, nay xem nhân-tinh nghe bài ca mà cảm-dộng như thế thì quân nghịch-tặc kia, chẳng bao lâu cùng giết được hết. »

Ấy đấy ! Một bài ca quốc-âm, mà biểu-dương (12) được công-nghiệp Hoàng-triều như thế đấy, mà kể hết được dân-tinh quốc-biến (13) như thế đấy, mà cảm-dộng được lòng hoài-nam như thế đấy. « Ân còm mới, nhắc truyện cũ » đến bây giờ ngâm đi ngâm lại, còn khiến cho ta « thương Nguyễn-chúa, nhớ Tiên-vương, » dẫu trăm nghìn năm, vẫn một niềm tôn Chu, phủ Hán (14). Văn chương như thế, mới thực là một thiên đại-trước-tác (15), sau này sẽ lục đăng toàn-thiên,

(1) Hùng văn kiệt tác 雄文傑作, là lời văn hùng-dũng, bài văn hay hơn cả.

(2) Văn vận 文運 là vận-hội văn-chương.

(3) Nhân tâm tư nguyện 人心思阮, là lòng người nhớ Triều Nguyễn.

(4) Bốn ba phiêu lãng 奔波颺浪 là chạy chọt xiêu rạt trong cơn sóng gió.

(5) Khai-thác gian nan 開拓艱難 là mở mang khó nhọc.

(6) Nhân ơn thiệp hợp 仁恩浹洽 là ơn đức thấm thía.

(7) Bắc hà cấu binh 北河構兵 là ngoài Bắc-kỳ có họ Triệu lại gây việc binh đao đem quân vào đánh trong nam.

(8) Thống hận 痛恨 là căm giận.

(9) Bi ai hùng tráng 悲哀雄壯 là lời bi thảm, lời hùng dũng, mạnh mẽ.

(10) Tuyên bá 宣播 là làm cho rõ rệt khắp ra mọi nơi.

(11) Tái-tạo 再造 là lại gây dựng lên được.

(12) Biểu-dương 表揚 là làm cho tiêu biểu-rõ rệt ra.

(13) Dân tình quốc biến 民情國變 là tình trong dân, việc biến cố trong nước.

(14) Tôn Chu phủ Hán 尊周扶漢 là tôn nhà Chu, giúp nhà Hán, ví như tôn triều Nguyễn ta.

(15) Đại trước tác 大著作 là một bài văn ý tứ làm rộng rãi lớn lao rất hay.

không những đề ghi được tên ông Hoàng-Quang mà lại in vào trong óc người ta được hai chữ «Hoài-Nam» thiên-vạn-cổ.

Đương lúc Quốc-triều ta trung-hưng là về cuối đời thập-bát và đầu đời thập-cửu thế-kỷ, lúc ấy càng ngày càng xuất-hiện nhiều người hay nôm. Xem như bài ca Hoài-Nam trên này đã cảm-động như thế, mà sau lại có bài văn của quan Tiên-quân Nguyễn Văn-Thành 前軍阮文誠 tế trận-vong tướng-sĩ, lời rất ai-cảm (1). «*Dẫu biết rằng anh-hùng thời chẳng quản, trăm trận một trường oanh-liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không! Nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô-linh, nghìn năm một hội tao-phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có?*» Nén mới tả hết cảm-tình ra bài văn này (2), đọc lên ai cũng phải cảm-động. Thế mới biết văn-chương quốc-âm ta như bài đó, có thể sánh được với văn Tây văn Tàu cũng không kém, mà lại có thể làm được một bài giảng-nghĩa về khoa quốc-văn.

Tuy thời ấy còn nhiều bậc hay nôm, như: ông Đào Duy-Từ 陶惟慈 diễn bài ca «*Ngoa-long-cương*» (3), ông Nguyễn Cư-Trình 阮居貞 làm ra bài thơ «*Sãi-vãi*» (4); quan Lê-bộ Thượng-thư Đặng Đức-Siêu 鄧德超 làm bài văn tế ông Võ-Tĩnh ông Ngô Tùng-Chu và bài «*Hồi-loan khải-ca*» đề tán-dương khi đức Cao-hoàng bình định Bắc-hà rồi hồi-loan về Kinh; ông Lê-bộ Tham-tri Nguyễn-Du 阮攸 làm ra

truyện «*Kim Vân-Kiều*»; ông Nguyễn Huy-Tự 阮輝似 làm ra truyện «*Hoa-tiên*» mà nhuận-sắc (5) lại là ông Nguyễn-Thiện 阮僊; đó đều là những văn-truyện-tụng thời Nguyễn-sơ. Nhưng rút lại thì đời bấy giờ có bài «*Hoài-Nam-ca*» và bài tế «*trận-vong-tướng-sĩ*» thực là văn-chương đại-bút (6); mà truyện *Kiều* là khúc đoạn-trường tân-thanh (7) trong nhạc-phủ, cũng xuất-hiện ra lúc bấy giờ. Thế thì đương lúc Nguyễn-sơ chính là lúc quốc-văn toàn-thịnh thời-dại.

XIV

Lại xét văn-chương quốc-âm ta phần nhiều là dùng tiếng Bắc-kỳ mà xướng-phát (8) ra lại phần nhiều là người Trung-kỳ như ông Nguyễn-Du là người Tiên-diễn làm ra truyện *Kiều*, mà ông Nguyễn Huy-Tự người La-sơn, ông Nguyễn-Thiện người Tiên-diễn thì làm ra truyện *Hoa-tiên*; còn các ông khác nữa cũng phần nhiều ở về Trung-kỳ dĩ nam (9) cả.

Xem thế thì thanh-âm ngoài Bắc, chính là một thứ tiếng phổ-thông (10) hơn; mà các cụ trong Nam lại hay luyện-tập đường thanh-âm đủ giọng.

Nhưng còn lịch-sử cụ Nguyễn Huy-Tự tiên-sinh, và Nguyễn-Thiện tiên-sinh chúng tôi chưa xét được rõ, mà cũng không biết rõ truyện *Hoa-tiên* xuất-hiện ra trước truyện *Kiều* hay là sau? Đến năm Minh-mệnh kỷ-sửu (1823) lại có cụ Võ Đai-Văn

(1) Ai-cảm 哀感 là cảm động thương xót.

(2) Bài văn tế tướng sĩ trận vong này đã in ra mục Văn-uyên kỳ báo số 13.

(3) Bài ca «*Ngoa-long-cương*» nguyên chữ nho của ông Gia-cát-Lượng, ông Đào Duy-Từ diễn ca nôm đề tự tử vào mình. Nhưng chưa lục thấy, xin các ngài biết thì bảo cho.

(4) Bài thơ «*Sãi vãi*» này cũng chưa lục thấy, xin các ngài biết thì bảo cho.

(5) Nhuận sắc 潤色, là sửa lại cho nhuần nhã tốt đẹp.

(6) Đại bút 大筆, là bài văn hay, của tay bút người giỏi viết ra.

(7) Đoạn trường tân thanh 斷腸新聲, là khúc hát mới nào nùng làm cho đứt từng khúc ruột.

(8) Xướng-phát 唱發, là xướng lên, khai phát lên trước.

(9) Trung-kỳ dĩ Nam 中圻以南 là từ Trung-cỷ trở vào trong Nam.

(10) Phổ-thông 普通, là thông suốt rộng khắp cả.

武待問 người Đường-hào (1), sửa lại truyện *Hoa-tiên* từ hồi thứ 24 trở xuống. Năm Thiệu-trị quý-mão (1843) ông Cao Chu-Thần 高周臣 có phê-bình truyện ấy và đề tựa nói rằng: «Truyện *Hoa-tiên* là «cảnh-thế-ngữ» nghĩa là lời nói khuyên răn thói đời; truyện *Kiều* là «thiếp-thế-ngữ» nghĩa là «lời nói lịch-thiếp đã trải hết thói đời.» Lời phê bình ấy rất là sắc đáng (2).

Nay xét trong truyện *Kiều*, lúc Kim-Trọng từ biệt Thủy-Kiều có dặn rằng:

*Gin vàng giữ ngọc cho hay,
Cho dành lòng kẻ chân mây cuối trời,*

Lời nói ấy rõ ra một chàng thám-ư-tinh (3), mà lại còn có ý nghi-tinh, e có khi làm cho kẻ má đào cũng ngậm ngùi; mà ân hận. So với câu trong *Hoa-tiên* lúc Lương-Sinh từ biệt nàng Dương-Đao-Tiên có câu rằng:

*Sớm khuya gác gấm buồng thêu,
Ngọc vàng mình phải nung-niu lấy mình.*

Câu này lời tuy thực-thà, nhưng rõ ra một người trung-hậu-quân-tử. Tiếc thay chưa biết đích hai câu trên này lời nào là cổ hơn.

Xét trong truyện *Kiều* lại có câu:

*Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống làm ma không chồng.*

Câu này là đặt theo ý câu thơ chữ nho: «Sinh vi vạn nhân thê, tử tác vô phu qui».

Truyền rằng đức Dực-Tôn có đôi là:

*Sống thời tình chẳng riêng ai,
Khéo thay thác xuống là người tình không.*

Đôi lại như thế cũng thanh-tao, nhưng đặt như trên mới thực là đúng nghĩa.

Xem thế thì truyện *Kiều* thật hay dù giọng, giá người ta muốn tả sự gì, vịnh vật gì, có thể mượn câu trong truyện *Kiều* mà tập thành ngay được. Như vịnh hoa thủy-tiên thì tập rằng:

*Than ôi sắc nước hương trời,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây.*

Truyện *Kiều* thực là tả hết được nhân-tình vật-lý (4) trong thế-gian, tuy đặt câu có dùng điển-tích mà hóa hết cả điển-tích, chẳng khác gì câu ca-đao âm-hưởng tự-nhiên. Ông Dương-Quy-Sơn 楊龜山 có câu rằng: «Tự tùng san hậu cảnh vô thi». Nghĩa là từ khi đức Không-tử sửa lại kiuh Thi rồi, thì không còn có thơ nào nữa. Vậy ta cũng nói rằng từ khi ông Nguyễn-Du 阮攸 làm ra truyện *Kiều* rồi, chưa thấy có ai đặt ra truyện gì hay hơn nữa.

XV

Kể về đời Minh-mệnh, Tự-đức cùng nhiều cụ hay nôm như cụ Lý Văn-Phức 李文腹 Nguyễn-công-Chữ, 阮公著 Đặng-Huy-Trứ 鄧輝著 (5) Cao-Bá-Quát 高伯适 vân vân, không thể sao kể xiết được. Khi ấy các quan Sử-quán có phụng-chỉ soạn ra bộ *Nam-sử-diễn-ca*, kể từ đời Hồng-bàng cho đến đời Lê-mạt Nguyễn-Sơ, lời lẽ bình-dị, mà mạch-lạc cũng phân-minh. Truyền rằng nguyên-bản trước của ông cử-nhân Ngô-Cát 吳吉 người huyện Chương-đức, diễn đoạn lịch-sử bà Triệu-Âu có mấy câu rằng:

(1) Đường-hào thuộc Hải-đương, nhưng còn lịch-sử cụ Võ-Đãi-Văn cũng chưa xét rõ.

(2) Sắc-dáng 確當 là đích-sắc chính-dáng.

(3) Thâm-ư-tình 深於情 là người trung-tình đắm-thắm.

(4) Nhân-tình vật-lý 人情物理 là tả được hết tình mọi người; lẽ muôn vật.

(5) Ông người Thừa-thiên, con quan Thượng-thư Đặng-Văn-Hòa 鄧文和 thi đỗ Cử-nhân, thi hội được trúng cách, phải bài văn thi đình có một câu phạm trường-quí, bị cách tuột. Sau lại thi đỗ Giải-nguyên, làm đến chức Bình-chuẩn, đi buôn các nước, có qua Tân qua Nhật, lại có lấy vợ ở ngoại-quốc. Ông có tập văn Hoàng-Trung 黃中.

Và dài ba thước giắt lưng,
Cưỡi voi đánh trống trong rừng kéo ra.
Cũng toan gánh vác sơn hà,
Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam.

Bức Dục-tôn có phê rằng : « Đặt như thế thì ra nước Nam không còn có đàn ông nữa hay sao ? » Nhưng ngài cũng dụ khen là « có tài », thường cho ông hai đồng kim tiền và một tấm lụa. Ông Ngô-Cát 吳吉 có vịnh câu :

Vua khen thẳng Cát có tài,
Thường cho tấm lụa với hai đồng tiền.

Thế thì ông Ngô-Cát cũng là một tay tài nôm ở thời ấy.

Đoạn diễn-ca trên này, sau ông Đặng-huy-Trứ có sửa lại như sau này :

Cửu-chân có ở Triệu-kiều, (1)
Và dài ba thước tài kiều muốn người.
Gặp cơn thảo-muội (2) cơ trời,
Đem thân bỏ-liễu thay loài bông-tang.
Đầu voi phất ngọn cờ vàng,
Sơn-thôn mấy cõi chiến-tràng xông pha.
Chông gai một cuộc quan-hà,
Đến khi chiến-lử còn là hiền-linh.
vân vân...

Vậy thì cái bản « Quốc-sử diễn-ca » mà phường-bản (3) bây giờ đã in ra đó, là bản của ông Đặng Huy-Trứ đã hiệu-chỉnh (4) lại rồi.

Vả lại lối văn sử-bút rất là khó, mà bà Trưng và bà Triệu là hai bà nữ anh-hùng (5) nước Nam ta, vậy hoặc diễn ca, hoặc vịnh thơ, đều phải chằm-chước (6) từng chữ, phải có lời phán-đoán (7) cho chính-đại-quang-minh (8), mới là vịnh-sử (9), mới là thơ văn vịnh-sử ; để cho ai đọc đến cũng phải khởi kính, khởi trọng (10), mà ghi nhớ lấy huân-nghiệp (11) các bậc nữ-anh-hùng ; chớ không phải chỉ đặt nhằm những câu : « má hồng má phấn, một có hai cô » mà cũng gọi là vịnh-sử được. Đó chẳng qua là thói đòi-bại (12) trong văn-giới (13), làm cho mất cả giá-trị các nhà đại-thi-gia (14), thành ra đem lối vịnh-sử mà làm một lối thơ nhằm-nhĩ, khá chẳng nên tuyền-trạch (15) lắm ru ?

XVI

Nói tóm lại thì văn-chương quốc-âm ta phôi-thai tự đời Trần, phát-đạt từ đời Lê, mà đến triều Nguyễn ta mới thực là toàn-thịnh. Nhưng kể về đường vận-văn, (16) biên-ngẫu-văn (17) thì hay thực, toàn-thịnh thực, còn như tản-văn (18) thì chưa thấy có mấy bài. Vì khi trước chỉ chuyên học Hán-văn nên lối tản-văn quốc-ngữ không mấy khi dùng đến. Nhưng đến bây giờ chính là thời phải nên luyện-tập

(1) Cửu-chân 九真 là Thanh-hóa, là nơi bà Triệu-âu ở.

(2) Thảo-muội 草昧 là mờ tối rậm rạp, là nói lúc loạn lạc.

(3) Phường-bản 坊本 là bản khắc bằng ván in bán tại các phố.

(4) Hiệu chỉnh 校正 là sửa lại cho đúng.

(5) Nữ-anh-hùng 女英雄 là người đàn bà anh hùng.

(6) Chằm-chước 斟酌 là san sẻ, so sánh cho phải.

(7) Phán đoán 判斷 là phán-quyết mà đoán-định ngay một lời.

(8) Chính đại quang minh 正大光明 là ngay thẳng, lớn lao, rành mạch rõ ràng.

(9) Vịnh-sử 詠史 là vịnh những sự tích và các người danh nhơn trong lịch-sử, làm thành ra thơ.

(10) Khởi kính khởi trọng 起敬起重 là làm cho nức lòng kính trọng.

(11) Huân nghiệp 勳業 là công nghiệp đã lập thành.

(12) Đòi-bại 頹敗 là đổ nát hư hỏng.

(13) Văn-giới 文界 là trong nghề làm văn, trong một đám văn-chương.

(14) Đại-thi-gia 大詩家 là nhà làm thơ hay hơn cả, nhiều hơn cả.

(15) Tuyền-trạch 選擇 là kén chọn, so sánh.

(16) Vận văn 韻文 là lối văn có vần, như lối thơ ca lục bát

(17) Biên-ngẫu-văn 駢偶文 là lối văn đối nhau từng câu, như lối phú.

(18) Tản-văn 散文 là văn xuôi, khác lối vận văn.

quốc-văn, phải nên trác-trọng⁽¹⁾ quốc-văn, phải làm thế nào cho lối tân-văn càng ngày càng phát-đạt lên mới thực là thiết-yếu; chứ không phải chỉ ngâm nga câu cụ-sáo⁽²⁾ nữ-nát⁽³⁾, giọng tân-thanh, hết giờ ngón lẳng lơ gheo khách, lại pha câu ai-oán trên người, không những là làm cho người ta gợn sóng tình trong *bê thảm*, mà lại làm cho người ta thêm nổi *thảm* về *khôi tình*, sợ rồi thành ra một thói lưu-dãng⁽⁴⁾ trong văn-giới, thành ra một thói khinh-bạc trong văn-giới. Than ôi thương thay! than-ôi thương thay! Câu ca câu lý giọng Chiêm-thành thì khác gì khúc « Hậu-đình-hoa » của Trần hậu-chúa⁽⁵⁾, câu hát trống quân trống quýt trong trại lính Tây-sơn khi ở Bắc-bá, thì khác gì thơ Trịnh Vệ⁽⁶⁾. Thế mà còn dặt nhau lên rùng mà xướng họa, xuống bề mà ngâm-nga, thế mà còn góp truyện mua vui ở trong đám ca-lâu tửu-quán⁽⁷⁾, lên câu văn-chương mãi như thế, sợ rằng làm cho xã-hội chỉ say mê về câu tình giọng lẳng, khác gì một cái

tệ chỉ mê xem những truyện « Đại-thánh, Phong-thần ».

Than ôi! Mầm quốc-văn đã nảy-nở từ bao giờ, mà đến giờ lại suy đi ư? Nguồn quốc-văn đã lai-láng tự bao giờ, mà đến giờ lại cạn đi ư? Nhưng có lẽ nào lại suy lại cạn đi được, chỉ vì những thói văn-lưu-dãng, chưa có người kiêu-chính⁽⁸⁾ đó mà thôi; thế tất cũng có người ra đứng làm chỉ-trụ⁽⁹⁾ cho quốc-văn, ở trong buổi đời-ba⁽¹⁰⁾ này, gia công mà vun trồng cho cõi rể quốc-văn, hết sức mà mở mang cho nguồn biển quốc-văn, phàm những câu văn bã-mĩa, giọng hát hoa-tình, đều đem cái ngọn bút phàm-bình mà gia công phủ-chính⁽¹¹⁾, trước là chỉnh lại những lối từ phú thi ca, cho khỏi lưu về đường dâm-dãng⁽¹²⁾ rồi lại cô lệ⁽¹³⁾ cho lối tân-văn như lối minh-ký luận-thuyết⁽¹⁴⁾, làm sao cho mở mang phát-đạt thêm ra. Hoặc theo lối Tây-văn, thì phải luyện lấy tính-chất⁽¹⁵⁾ Tây-văn, hoặc theo lối Hán-văn thì phải in lấy chế độ⁽¹⁶⁾ Hán-văn, làm sao cho khởi-suy tế-nịch⁽¹⁷⁾ được như văn ông Hàn,

(1) Trác trọng 側重 là trọng lệch về một bên.

(2) Cụ-sáo 舊套 là lối cũ đã có thành sáo.

(3) Nữ-nát 扭捏 là bịa đặt, nắn nót, ỉa tốt từng tí.

(4) Lưu dãng 流蕩 là trôi rạt phóng dãng không có giới hạn gì cả.

(5) Hậu đình hoa 後庭花 là tên khúc nhạc-phủ của Trần Hậu-chúa 陳後主. Hậu chúa mê chơi, khi quân Tùy đến vây, hãy còn mê hát khúc Hậu-đình-hoa, có câu rằng: « Yêu người má phấn trong cung, như hoa sập nở màu hồng ngậm hương. Hậu-đình đồn kiệu quân-vương, trông ra lá ngọc cành vàng sáng trưng ».

(6) Thơ Trịnh Vệ 鄭衛 kinh Thi, nhiều thơ dâm phong.

(7) Ca-lâu tửu-quán 歌樓酒館 là nhà lầu hát xướng hàng quán bán rượu.

(8) Kiêu chính 矯正 là uốn cho ngay, sửa lại cho chính đáng.

(9) Chỉ trụ 砥柱 là cột đá, nghĩa bóng là để làm cái cột chống vững lại.

(10) Đời ba 三波 là chỗ đầu ngọn sóng vỡ lở.

(11) Phủ chính 斧正 là sửa đẽo cho ngay.

(12) Dâm dãng 淫蕩 là hoang dâm, phóng dãng.

(13) Cô lệ 鼓勵 là gióng-giã khuyến gắng.

(14) Minh 銘 là bài văn khắc vào bia, hay là vào cái đồ vật gì có ý khuyến răn; Ký 記 là bài văn ký-sự. Luận thuyết 論說 là bài văn nghị luận tràng thiên.

(15) Tính chất 性質 là cái tính tự-nhiên, cái chất sẵn có.

(16) Chế độ 制度 là khuôn phép.

(17) Khởi suy tế nịch 起衰濟溺 là làm hưng khởi được văn lúc đời suy, cứu vớt được buổi lòng người đắm đuối. Người ta khen ông Hàn-Dũ đời Đường, có câu: « Văn khởi bát đại chi suy 文起八代之衰 đạo tế thiên-hạ chi nịch 道濟天下之溺 » vân vân.

hành-vân lưu-thủy (1) được như văn ông Tô, thì mới khỏi thẹn với các nhà Hán-văn đại-bút. Lại làm sao cho biểu-dương được sự nghiệp anh-hùng như văn ông Hà-mã (Homère); lịch-tự (2) được tình trạng nông-công (3) như văn ông Hi-tiết-Đức (Hésiode); thì mới không thẹn với các nhà Tây-học văn-hào. (4) Trong một bài văn hoặc lúc thì đường-đột như núi như non, lúc thì bát-ngát như mây như gió, hoặc nói cho linh-động như chớp giật, như sấm vang, lời lẽ cho thâm-trầm hùng-tráng, như tràng-giang đại-hải (5), mông mông mênh mênh không biết đâu là bờ là bến; như thế mới gọi là văn có hồn, như thế mới gọi là văn có khí. Chớ không phải chỉ chấp-chánh đầu Ngô mình Sở, râu ông nọ cắm cằm bà kia; chỉ vợ vét những câu bè ngỗ bè rêu, lại pha thêm giọng phò giọng phỉnh, giọng tán-tình như đàn ngọt hát hay, mà cũng gọi là văn dẫu. Như thế gọi là văn vô-hồn, gọi là văn vô-khí, có khác gì những bức tranh tổ-nữ

tay thợ vẽ hàng Trống, những câu đối tết của các thầy khóa viết bán tại hàng Bờ, xem đến cũng không ai buồn đọc. Thế cũng gọi là văn! Thế cũng gọi là tranh với đối!

Tôi vốn vụng văn nôm, mà lại thích văn nôm, muốn học làm văn nôm mà không được, tôi mới kê-cứu lịch-sử quốc-văn, để xét xem trình-độ quốc-văn, cũng gọi là gắng cái tài học thô-thiền của mình, gặp đâu nói đấy, biết đâu sao ra đấy, chớ chắc đâu đã tường-tận dich-đáng, mà dám phâm-bình nghị nghị (6) điều gì. Những điều nói trên này là chúng tôi chỉ theo lời dạy bảo của các bậc tiền-bối, mà ghi chép lại đây để tự mình noi theo mà học tập, may mà dò biết được bờ bến quốc-văn chăng? Ngóng trông tiền-đồ (7) quốc-văn, tôi càng mong cho hậu-vận quốc-văn lắm.

(Còn nữa).

Tù-tài NGUYỄN HỮU-TIẾN.

- (1) Hành vân lưu thủy 行雲流水, là văn ông Tô-Thức như mây đi nước chảy.
- (2) Lịch tự 歷敘 là giải bày.
- (3) Nông công 農功 là công việc nhà làm ruộng.
- (4) Tây học văn hào 西學文豪 là người tài giỏi văn tây.
- (5) Tràng giang đại hải 長江大海 là sông dài biển lớn.
- (6) Phâm bình nghị nghị 品評擬議 là bàn luận so sánh.
- (7) Tiền đồ 前途 là con đường trước mặt sắp đi đến, là trở sự về sau.

Tư-tưởng đẹp, lời văn hay

La culture n'est pas et ne peut jamais être une qualité inhérente particulière à une nation ou à une langue déterminée. C'est l'héritage de toute la race humaine, l'héritage chéri, accru et transmis d'une génération à l'autre, d'un coin de la terre à l'autre. Les langages humains sont les vaisseaux qui renferment la culture. Aucun langage n'a été des son origine un langage de culture et aucun n'est incapable de le devenir à la fin.

DAVID JAYNE HILL.

Cái văn-hóa không phải là cái của riêng của một dân một nước nào, hay là của một thứ tiếng nào. Nó là cái hương-hòa chung của cả loài người, cái hương-hòa qui-bán, mỗi đời lại tăng thêm lên mà đời nọ truyền cho đời kia, xứ nọ truyền sang xứ kia mãi mãi. Các tiếng nói của người ta là những cái thuyền để chở cái văn-hóa, không có tiếng nào ngay từ đầu đã là tiếng riêng của văn-hóa, mà không có tiếng nào đến sau lại không trở nên một cái tiếng của văn-hóa được.

MỘT LỜI VĂN MỚI

SÔNG CHẾT MẶC BAY !

Trong học-giới báo-giới ta, chắc ai cũng đã biết tên ông PHẠM DUY-TỐN. Ông là một người rất nhiệt-thành với văn quốc-ngữ, và đã biệt-lập ra một lối văn riêng lấy sự tả-chân làm cốt. Mỗi bài văn của ông như một tấm ảnh phản-chiếu cái chân-tướng như hệt.

Ông tin rằng phạm văn-chương đã tả được hết cái cảnh thực, là tự-khắc có cái sức cảm-động vô-cùng, không cần phải nghị-luận xa-xôi:

Văn-chương ta xưa nay thường lấy sự mập-mờ phảng-phất làm hay, càng phiêu-diêu bao nhiêu càng huyền-diệu bấy nhiêu, nên ít dụng lối tả-thực, coi là tầm-thường. Nay xét ra văn-học họa-học của Thái-Tây, phần nhiều lại trọng lối tả thực hơn là lối phá-bút. Quốc-văn ta sau này tất chịu ảnh-hưởng văn Tây nhiều, lối tả-thực rồi tất mỗi ngày một thịnh-hành. Như bài văn ông PHẠM DUY-TỐN sau này cũng khá gọi là một bài tả-thực tuyệt khéo : đối hai cái cảnh trái ngược nhau, như bày hai bức tranh trước mặt người ta, mà tự-khắc này ra một cái cảm-giác, một cái tư-tưởng tự người đọc biết, không cần phải diễn-giải ra, là cái cảm-giác tức-giần, cái tư-tưởng thoáng-mạ kể « chêm-chện » này không biết thương lũ « lấm-láp » kia. Văn tả-thực mà được như vậy cũng đã khéo thay. Bản-báo đăng bài này mà có lời khen ông PHẠM DUY-TỐN đã có công với quốc-văn.

PH. Q.

Gần một giờ đêm. Trời mưa tầm-tã. Nước sông Nhị-Hà lên to quá ; khúc đê làng ***, thuộc phủ ***, xem chừng núng thế lắm : hai ba đoạn đã thâm lậu rồi, không khéo thì vỡ mất.

Dân-phu kê hàng trăm nghìn con người, từ chiều đến giờ, hết sức giữ-gìn ; kẻ thì thuê, người thì cuốc, kẻ đội đất, kẻ vác tre, nào đắp, nào cừ, bịt-bõm dưới bùn lầy, ngập quá khỏi chân, người nào người ấy, lứt-thướt như chuột lột. Tình-cảnh trông thật là thảm.

Tuy trống đánh liên-thanh, ốc thổi vô-hồi, tiếng người xao-xác, gọi nhau sang-hộ, nhưng xem chừng ai-ai cũng đã mệt lử cả rồi. Ấy vậy mà trên trời thì mưa vẫn lấm-tã trút xuống, dưới sông thì nước cứ cuồn-cuộn bốc lên. Than ôi ! Sức người khó lòng địch nổi

với sức trời ! Thế đê không sao cự lại với thế nước ! Lo thay ! Nguy thay ! Khúc đê này hỏng mất !

Ấy, lũ con-dân đang chân lấm tay bùn, trăm lo nghìn sợ, đem thân hồn yếu mà đối sức với mưa to nước lớn, đê bảo-thủ lấy tánh-mạng gia-tài ; thế thời nào quan cha-mẹ ở đâu ?

Thưa rằng : Đang ở trong đình kia, cách đó chừng bốn năm trăm thước. Đình ấy cũng ở trên mặt đê, nhưng cao mà vững-chãi, dẫu nước to thế nữa, cũng không việc gì.

Trong đình, đèn thấp sáng chung ; nha-lệ lính-tráng, kẻ hầu người hạ, đi lại rộn-ràng. Trên sập, mới kẻ ở gian giữa, có một mình Quan phụ-mẫu, uy-nghi chêm-chện ngồi. Tay trái dựa gối xếp, chân phải ruỗi thẳng ra, đê

cho một tên người nhà qui ở dưới đất mà gãi. Một tên linh-lệ đứng bên, cầm cái quạt lông, chốc-chốc sẽ phẩy. Tên nữa đứng khoanh tay, chực hầu điều đóm. Bên cạnh ngài, mé tay trái, bát yến hấp đường phèn, để trong khay khảm, khói bay nghi-ngút; tráp đồi-mồi chữ nhật để mở, trong ngăn bạc đầy những trầu vàng, cau đậu, rễ tía, hai bên nào ống thuốc bạc, nào đồng hồ vàng, nào dao chuôi ngà, nào ống vôi chạm, ngoáy tai, vi thuốc, quân bút, tăm bông, trông mà thích mắt. Chung-quanh sập, bắc bốn ghế mây, bắt đầu từ phía hữu Quan, thì có thầy Đê, rồi lần-lượt đến thầy Đới-nhất, thầy Thông nhị; sau hết giáp phía tay tả ngài, thì đến Chánh-tổng sớ-tại, cùng ngồi hầu bài.

Ngoài kia, tuy mưa gió ầm-ầm, đàn phũ rối-rít; nhưng trong này xem chừng linh-mịch nghiêm-trang lắm: trừ Quan phụ-mẫu ra, mọi người không ai dám to tiếng. (So với cái cảnh trăm họ đang vất-vả lấm-láp, gọi gió tầm mưa, như đoàn sâu lũ kiến ở trên đê, thời ở trong Đình rất là nhân-nhã, đưng-bệ, nguy-nga: nào quan ngồi trên, nào nha ngồi dưới; người nhà, linh-lệ khoanh tay sập hàng, nghi-vệ tôn-nghiêm, như thần như thánh, Thỉnh-thoảng nghe tiếng Quan phụ-mẫu gọi: « Điều, mây! », tiếng tên linh thừa: « Dạ »; tiếng thầy Đê hỏi: « Bẩm, bốt? », tiếng Quan-Lớn truyền: « Ừ. » Kẻ này: « Bát-Xách! . . . Ân. », người kia: « Thất Văn! . . . Phổng », lúc mau, lúc khoan, ung-dung êm-ái; khi cười, khi nói, vui-vẻ dịu-dàng. Thật là tôn-kính, xứng-dáng với một vị Phúc-tinh . . .

Ấy đó, Quan phụ-mẫu cùng với nha-lại, đương vui cuộc tổ-tôm ở trong Đình ấy. Ngài mà còn dở ván bài, hoặc chưa hết hội, thì đầu trời long đất lở, đê vỡ dân trôi, ngài cũng thấy kẹ.

Ồi! Trăm hai mươi lá bài đen đỏ, có cái ma-lực gì mà giun-giúi cho Quan mé được như thế?... Này, này, đê vỡ mặc đê, nước sông dầu nguy, không bằng nước bài cao thấp. Đứng trên đê, mà dốc kẻ cầm cừ, người đổ đất, lấm nổi lấm-than; sao bằng ngồi trong đình, đã sẵn kẻ bốc nọc, người chia bài, nhiều đường thú-vị!

Than ôi! Cứ như cách Quan ngồi ung-dung như vậy, mà hai bên tả-hữu, nha lại nghiêm-trang, linh hầu rậm-rạp, thì đồ ai dám bảo rằng: gần đó có sự nguy-hiểm to, sắp sinh ra một cảnh nghìn sầu muôn thảm, trừ những kẻ lòng lang dạ thú, còn ai nghĩ đến, mà chẳng động tâm, thương-xót đồng-bào huyết-mạch! . . .

Mặc! dân, chẳng dân, thời chờ! Con bài ngon, há nữ bỏ hoài ru! Quan-lớn ngài ăn, ngài đánh; người hầu kẻ hạ, kẻ vàng. Sướng bao nhiêu, thích bao nhiêu! Lúc quan hạ bài ù, ai-ai là người chẳng ngại khen tấm-tác! Một nước bài cao, bằng mấy mươi đê lở, ruộng ngập! Vậy mà không hiểu, thời thật là phàm!

Quan-lớn ù thông. Người dẫn cánh, kẻ cuối tay, tranh nhau phỏ bài đê Quan-lớn rõ, rằng: « Minh vào được, nhưng không dám cố ăn kim! »; rằng: « Minh có đôi, mà không dám phổng qua mặt! » Hề! chi mà Quan chẳng ù luôn! Quan ù, ấy là hạnh-phúc! . . .

Khi đó, ván bài Quan đã chờ rồi. Ngài xơi bát yến vừa xong, ngồi khệnh vuốt râu, rung đùi, mắt đang mãi trông đĩa nọc, bỗng nghe ngoài xa, tiếng kêu vang trời dậy đất. Mọi người đều giật nảy mình, duy Quan vẫn điềm-nhiên, chỉ lăm-le chực người ta bốc trúng quân mình chờ mà hạ. Vì ngài sắp ù to.

Có người khế nói:

— Bẩm, đê có khi đê vỡ!

Ngài cau mặt, gắt rằng:

— Mặc kệ!

Rồi ngài xếp bài lại, quay gối dựa sang bên tay phải, nghiêng mình, bảo thầy Đề-lại :

— Có ăn không thì bốc chứ !

Thầy Đề vội vàng :

— Dạ, bẩm, bốc.

Vừa lúc đó, thì tiếng người kêu rầm-rĩ, càng nghe càng lớn. Lại có tiếng ào-ào như thác chảy xiết ; rồi lại có tiếng gà, chó, trâu, bò, kêu vang từ phía.

Bấy giờ ai nấy ở trong đình, đều nôn-nao sợ hãi. Thốt-nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm-láp, quần áo ướt đẫm, tất-tả chạy xông vào, thò không ra lời :

— Bẩm... Quan-lớn,... dê vỡ mất rồi !

Quan-lớn đỏ mặt, tía tai, quay ra, quát rằng :

— Dê vỡ rồi !... Dê vỡ rồi, thời ông cách cõ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày ! Có biết không ?... Lính đâu ? Sao bay dám để cho nó chạy xông-xộc vào đây như vậy ? Không còn có phép-tắc gì nữa, à ?

— Dạ, bẩm . . .

— Đuổi cõ nó ra !

Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy Đề :

— Thầy bốc quán gì thế ?

— Dạ, bẩm, con chưa bốc.

— Thì bốc đi, chứ !

Thầy Đề tay run cầm-cắp, thò vào đĩa nọc, rút một con bài, lật ngửa, xưng rằng :

— Chi-chi !

Quan-lớn vỗ tay xuống sập, kêu to :

-- Đây rồi !... Thế chứ lại !

Rồi ngài vội-vàng xòe bài, miệng vừa cười, vừa nói :

— Ủ ! Thông tôm, chi-chi này !... .

Điếu, mày !... .

Ấy, trong khi Quan-lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lênh-láng, soáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết ; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh-dênh mặt nước, chiếc bóng bơ-vơ, tình-cảnh thảm sầu, kể sao cho xiết !

Làm ngày tháng Juillet 1918

PHẠM DUY-TỐN

Tur-tướng đẹp, lời văn hay

Hymne à l'Aurore

Suivant les pas des Aurores passées, tu es l'aînée des Aurores futures. Viens ranimer ce qui est vivant, Aurore, viens vivifier ce qui est mort.

Depuis combien de temps, l'Aurore vient-elle nous visiter ?... Ils sont morts les humains qui voyaient l'éclat de l'antique aurore ; nous aurons leur sort, nous qui voyons celle d'aujourd'hui ; ils mourront aussi ceux qui verront les aurores futures...

(Rig-Yedo, trad-LANGLAIS)

Ca ngợi vừng-dông

Ơi hỡi ! vừng đông ! người nối gót những vừng đông đã qua, người mở đường cho vừng đông sắp tới. Hãy đến mà linh-thức kẻ sống, hãy đến mà phục-hồi kẻ chết.

Ôi ! vừng đông đến thăm ta từ bao lâu ? Những người trần được trông cái ánh sáng vừng đông thừa trước đã chết cả rồi, ta đây dương trông cái ánh sáng vừng đông ngày nay rồi cũng chết như người ; mà những người đến sau ta trông cái vừng đông sau này rồi cũng chết như ta vậy...

NAM - ÂM THI THOẠI

Trước tôi đã chép câu thơ ngự-chế của đức DỤC-TÔN⁽¹⁾, nay mới được y cả bài; đầu bài là « KHỐC BĂNG-PHI ». Kinh-lục ra sau này :

Ở thị BĂNG ơ! đã mất rồi!
 Ở tình, ở nghĩa, ở duyên ôi!
 Mưa hè nắng chái oanh ăn nói,
 Sớm ngô trưa sân liễu đứng ngồi.
 Đập cổ-kính ra, tìm lấy bóng,
 Xếp tàn-y lại, để dành hơi.
 Mỗi tình muốn dứt càng thêm bận,
 Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

* *

Cụ PHAN THANH-GIẢN đồ tiến-sĩ, làm quan đến nhứt-phẩm, là một vị đại-thần có tài có đức mà cũng là nhà văn-học có tiếng thứ nhứt trong Nam-kỳ ngày xưa. Thi văn bằng chữ Hán của ngài đã in thành tập gọi là « tập Lương-khê ». Nay tôi có được một bài « Giũ vợ nhà đi làm quan » của ngài, xin lục ra đây, để ai nấy cùng giữ lấy làm một vật báu :

Từ thừa vương xe mỗi chỉ hồng,
 Lòng này ghi tạc, có non sông!
 Đàng mây, cười tở ham dong-ruổi,
 Trưởng liễu, thương ai chịu lạnh-lùng.
 Ôn nước, nợ trai-danh nổi bận,
 Cha già, nhà khó cậy nhau cùng!
 Mấy lời dặn bảo cơn lâm-biệt,
 Rằng nhớ, rằng quên, lòng hỡi lòng!

Lời là lời nói với vợ, cái cảm-tình đối với vợ phải nặng, cố-nhiên; mà cái cảm-tình đối với nước, với nhà, với cha và với mình cũng lại càng thêm nặng nữa! Cái giọng thơ ấy, đời bây giờ cũng khó mà tìm thấy được! Than thay!

* *

Ông Ông-ÍCH-KHIÊM người Quảng-nam; về đời Tự-đức, tăng mấy phen ra dẹp giặc ở Bắc-kỳ, cái tướng-tài cùng cái uy-vọng của ngài, không mấy người là không biết, nhưng cái nghề thơ của ngài thì dễ thường ít ai biết đến. Nguyên trước ngài đã làm Tham-tán đại-thần coi quân-vụ các tỉnh Bắc-kỳ, thì bấy giờ ông TÔN-THẤT THUYẾT quan còn nhỏ hơn ngài; sau ngài về bộ, bị cách, lại trở ra làm huy-hạ ông THUYẾT. Mà ông KHIÊM người vẫn quá ngạo, nên ông THUYẾT giận, kiếm cớ mà xiềng lại và hạ ngục tại Lạng-son. Ngài ở trong ngục, có ba bài thơ, hay lắm, mà cũng vẫn là ngạo. Nhưng tiếc vì tôi nghe câu được câu mất, một bài được sáu câu :

Uả uả nhơn sao đến nỗi này?
 Ở! đây danh-lợi buộc mình đây!
 Bên vai rồn-rảng dưng đeo ngọc,
 Dưới bụng xanh-xoang tợ thắt đai.
 Cái tháp Trần-phồn ngồi bện dít,
 Khúc đòn Dũ-lý khảy theo tai.

Một bài được hai câu 1-2 :
 Ba bốn dinh kia đã trải rồi,
 Còn dinh này nữa, khắp thời thôi.

Một bài được một câu :
 Giã mấy ở lại, để ông ra.

Bài thứ nhất câu 5-6 cần phải chú thích: Nguyên ông KHIÊM ra lần này là ra mà lấy công chuộc tội, phải chịu ở dưới quyền phép ông THUYẾT. Nhưng lúc ngài mới đến thì ông THUYẾT đãi nhau như anh em, cho ngồi chung một chiếu, chưa được bao lâu, thì khóa cò lại mà bỏ vào ngục, cho nên nói thế. Câu trong bài thứ ba là khi đã ra ngục, lời từ-giã kẻ ngục-tốt.

(1) Xem Nam-phong số 8.

Sau khi đức DỤC-TÔN thăng-hà, trong triều rối loạn, ông KHIÊM bấy giờ cũng là một tay cừ trong đám rối loạn ấy. Nhưng mà vì cái tài của ngài làm cho ông TƯỜNG ông THUYẾT phải kỹ, mới xiềng một lần nữa mà dầy vào Bình-thuận. Đi dọc đàng, ngài có bài thơ rằng :

Minh ốc mang rêu rửa sạch ai ?
 Quen thói rong cây nhát khi hoài !
 Mèo quào phen đất chỉ khờn sức,
 Sứa nhảy qua đàng mới gọi tài !
 (1)
 Trường qua chưa khỏi đùng khinh khái (2)
 Chim sầy lông ra, đề đó coi !

Nghe nói vì bài thơ ấy mà cụ ÔNG ÍCH-KHIÊM là một người có thao-lược, có khi-khái, có văn-chương, phải chết đói trong ngục tỉnh Bình-thuận ! — Lúc ngài đỡ cử-nhân rồi, mới ra làm huấn-đạo ở Thanh-hóa. Có gián câu-đối ở trường huấn rằng :

Nhà đột đói ba gian, một thầy, một cô,
 một chó cái.
 Học trò năm bảy đứa, nửa người, nửa
 ngợm, nửa lười-ươi,

Có cái tài đề-bình khiên-tướng, đánh bắc dẹp đông mà bảo đi gõ đầu trẻ, thì còn ai gõ được mà chẳng hóa ra bực mình !

Có người ở Nam-kỳ gửi thư cho tôi, nói : « Câu thơ của ông TÔN THƯỢNG (3) :

*Ngảnh lại lâu xanh thương những trẻ.
 chữ trẻ chớ không phải chữ kẻ ».* Thưa phải, chữ trẻ thì hay hơn. Ông lại có gởi cho tôi một bài cũng đề ấy mà bớt đi một chữ là « đi đi tu », của ông HOÀNG MÃN-ĐẠT Tuần-phủ Hà-tiên, người đồng-thời với ông TÔN. Tôi xin tạ lòng ông mà chép ra đây để ai nấy biết cái nền văn-chương của Nam-kỳ ta đời trước, Thơ rằng :

Lâu xanh thành-thót tiếng chuông truyền,
 Tỉnh giấc cao-đường lúc ngửa nghiêng.
 Mượn chiếc thuyền (4) tình qua biển ái,
 Đưa con sóng sắc đến rùng thuyền.
 Trông gương tri-tuệ lau lòng tục,
 Lăn chuỗi bồ-đề kết trái duyên.
 Mát-mẻ cửa không trăng gió sẵn,
 Dầu chưa nên phật, cũng nên tiên.

..

Hôm nọ, ngồi nói chuyện gẫu với mấy cụ tú già. Một cụ đọc câu thơ của anh cùng-sĩ kia tả cái bộ tướng nhà nho bị đói bị lạnh, câu rằng :

Một môi đặng hít, đờn môi gảy.
 Ba chén cay đưa, trống bụng reo.

Đã lạnh, đã đói mà còn đờn, còn trống, thật là cái thói nhà nho ta ! Tôi bèn nói : ông đồ này cũng gàn quá ! lạnh, hút thuốc đủ ấm thì thôi, lại còn uống rượu nữa cho rỗng bụng, chớ có phải đói đâu. Nếu đã chịu đói, thì tiền đâu mà uống rượu ?

CHƯƠNG-DÀN

(1) Bài này cũng lại mất hai câu nữa, cùng mấy bài trên kia, ông nào biết thì gởi cho.

(2) Khái là cạp.

(3) Xem Nam-phong số 8.

(4) Nam-kỳ gọi thuyền là thuyền.

BÌNH-PHẨM THƠ VĂN CÙNG

SÁCH MỚI

Quyển *Mỗi-sầu-Trung* (*văn-văn*) của HOÀNG THẮNG

I

Mới nhìn ba chữ *Mỗi-sầu-Trung* đã tưởng soạn-giả nhằm *ch* sang *tr*, mà quyền sách này tất khiến kẻ đọc đến làm-li giọt lệ, lai-lang mạch sần, cái sần này tất là một cái sần nhà triết-học theo cái chủ-nghĩa « yếm-thế » mà than-thở nỗi đời, bồn-chồn cái đau-dớn của loài người ta nỗi nỗi chim chim trong hể khở. Ai ngờ một quyển sách của một cậu học-trò mới *non hai mươi tuổi*, cũng có cái khâu-tài, cái khiếu thông, mà không có tư-tưởng, lại chừa biết làm văn, chỉ văn đâu nói đấy, bạ cái gì cũng ngâm, vớ cái gì cũng vịnh, xuất 50 trang giấy chừng được một vài câu lỗi là có ý-vị mà thôi, ôi ! giấy trắng mực đen « hồn chữ » có khi đến phải khóc thực.

Phong-dao đâu lại có :

Chồng em chồng giở chồng gár.

Hơn ai vì nổi Annam là chồng.

Chồng em chồng bướng chồng ngông.

Hơn ai vì nổi là chồng Annam.

Ai xui em có má hồng,

Đề người quân-tử chưa trông đã thêm.

Hề trông thời mới tòm-tem,

Vì bằng mó đến nhọ nhem còn gì.

Ấy câu nào cũng đại-đề vô-nghĩa-lý,
vô-tư-tưởng đến như thế cả !

Thơ mà đến thơ « cựa gười », thơ « gheo phố Hàng gà » ; mà « gửi cho bạn » đến rằng :

Hai đầu, một bụng, tám tay chân.

Cùng là

Đã trót mang thân cựa với đời,
Minh còn chẳng sợ sợ chi ai ?

Anh em đâu đó khi ta thác,
Xin cứ chôn ta đừng dữa trời.

Vậy thời biết chôn vào chỗ nào được ? Mà cựa sao nổi được đời ? Ai có bắt mình phải sợ mà không sợ ? Bốn câu ấy thật chẳng ăn đâu vào đâu cả !

Thơ yếm-hậu thời đặt phần nhiều bài vô lối, còn thơ từ-tuyệt được bài « hoa sen giấy » bài « chồi », thơ bát-cú được bài « chơi diều » bài « lạc đêm » bài « gửi thăm bạn » bài « dĩ già đem thu » hơi thông ; thế mà thôi ! Còn văn xuôi thời không được lấy một nửa câu, bài tựa tán ba chữ « mỗi sầu trung » là cái sần vào quăng nửa đời nửa đoạn, lại ngô-nghê lắm ! Rồi bài « mỗi sầu trung » cùng bài « chôn tài » lại vô-nghĩa mà không rõ ý muốn nói cái gì ? !

Than ôi ! « xuất-bản tự-do » đã hay rằng thế ; tập-tên muốn bước chân vào văn-xã, sao không học nghề làm văn trước đi ? Nếu quốc-văn ta mà từ nay trở đi chỉ sinh-xuất ra được những tay văn-tài như người soạn « Mỗi sầu Trung » này thời đáng buồn thay cho cái hậu-vận văn ta.

Đây là nhiệt-thành mà nói, xin soạn-giả đừng vội giận, lại xem một bài lai-cảo cho bản-chí đăng theo dưới đây, rồi chịu khó mang sách đi hỏi các người thân-thích biết quốc-văn nhờ người ta dạy bảo cho, chắc đã có khiến thế thời sau này sẽ nên một tay làm văn giỏi được, tôi mong cho soạn-giả lắm. Xin cố đi « có công mài sắt có ngày nên kim » đừng thấy người chê mà vội nản.

NGUYỄN MẠNH-BÌNH

II

Báo *Nam-phong* nay mở rộng đường ngôn-luận cho quốc-dân, tôi đây cũng là một kẻ quốc-dân, sách có chữ « thất-phu hữu-trách » vậy kỹ trước tôi vì nhiệt-thành với quốc-văn mà đáp thơ thầy Ng. H. V. kỳ này muốn nhân đó mà bàn cách làm văn. Nhè đầu lại gặp ngay quyển « Mỗi sầu trung » của thầy HOÀNG-THĂNG xuất-bản, cái tức mình lại càng giống khi xem cái thơ của thầy Ng. H. V. Nam-kỳ ! Bởi vậy lại phải bớt công việc mình ra mà thảo một bài lai-cáo gửi vào ngọn gió Nam yêu quý của quốc-dân.

Ồ ! Văn « mỗi sầu trung » với văn Ng. H. V. cùng nhau một lớp một hội, một bên thời rất lỏng-bông, một bên thời rất thò-bí, một bên riêng mặt đám « khâu dăm », một bên riêng cằm dăm « chệt khách ». Cái văn Ng. H. V. gàn thế nào, nát thế nào, đã bàn qua, và đã được người bàn rõ-ràng đủ lẽ rồi nay dám xin bình-phẩm văn « Mỗi sầu trung » và bàn qua qua về cách viết văn một chút vậy.

Văn thơ có dấu bài thật là « voi chọi bò bị », không thời thành « chó chạy ruộng khoai », không phải kể : chỉ như đặt phong-dao dù *phủ* (nói thực), dù *tị* (ví xách cái nọ ra cái kia), dù *hưng* (nhân đối cảnh này mà nhớ đến truyện khác), thời đều cốt cho tỏ giải được chân-tinh, có thể chỉnh-dốn được phong-hóa. Bởi vậy kinh *Thi* (là một quyển phong-dao xưa của nước Tàu) đức Khổng phu-tử phải san.

Nay cứ đếm chữ thành câu, đủ câu thành bài, nhiều bài thành sách, sách sách-quê sao gọi được là « Mỗi sầu trung » (chung) ? Suốt quyển toàn như chim không đất mà sầu !

Xa nghe rừ rít (1) còi tàu,
Nhớ ai Hà-nội nửa sầu nửa lo.

Lo vì việc chữa xuôi cho,
Sầu vì chữa được truyen-trò cùng nhau.

Thi không đổ mà sầu !

Ái xui con mèo bắt chuột,
Ái xui thầy khóa đi thi.
Thế-gian lắm sự cũng kỳ,
Bỏ chồng bỏ vợ cũng vì khoa-danh.

Ghen vợ chồng người mà sầu !

Khen ai mới khỏe thức đêm,
Mắt không cay mắt lòng êm tức lòng.
Tưởng rằng có một mình không,
Hóa ra lại có anh chồng kẻ bên.

Hám tiền của đời mà sầu !

Ông Tiên ông Tiên (2) ông Tiên,
Ba ông cũng có thể-quyền hơn anh.
Dù anh lên đám mây xanh,
Ba ông cũng kéo cõ anh lôi về.

Ồ ! có bởi những sự đó mà sầu chẳng nữa, thời nên gượng sầu làm vui..

« Mỗi sầu trung » (Chung) ba chữ hay ! Giải-thử văn cũng suýt-soát rừ-rừ vậy thời nói chi ! Song tiếc cho ! Ba chữ ấy theo nghĩa người làm sách thời lại là « Cái sầu lẫn ở khúc dĩa đời, ở khoảng xuân xanh » thời chữ *trung* lại vô-nghĩa rất vậy !

Vô-nghĩa hay thế nào, tôi không phải ở phải tiêu-mạ đổi công chỉ-trích mà làm chi ? Chỉ vì nổi hiện-thân này đối với vận-hội văn-chương quốc-âm nhà đã không được cái công viết lăm bài, nhiều lỗi, lại không có sùỵ ra một quyển sách nào, công kia việc nọ từng-bạn bên mình không được theo riêng nghề bút mực, có nhiệt-thành với quốc-văn há lại chẳng nhân đó mà bàn cách viết văn, thời chẳng hóa ra không nhiệt-thành, quên nghĩa-vụ lăm ru ? Cái nhiệt-thành giục phải nói, cái nghĩa-vụ ép phải nói :

Phẩm viết văn nên dần từng thế, sửa từng câu, cân từng chữ, cái đó ai cũng biết, cốt nhất lại là văn có tư-tưởng ý-kiến mới được. Nhất là phong

(1) Còi tàu không bao giờ rừ-rít.

(2) Ông gì là ông Tiên ? Trong quyển này tr, ch, x, s cũng không được phân-minh (Nùng).

dao, như đã nói ở trên, cốt để tả nhân-tình, chính phong-hóa, càng phải có tư-tưởng hay, ý-kiến đặc-biệt lắm. Song phải theo cái phương-diện chung mà làm hoặc thể *hưng*, thể *phủ* thể *tị* mặc lòng.

Nay tôi kể mấy câu khá nhất trong «Mối sầu Trung» mà bản cách làm văn :

Lạy trời thời gió lung-tung,
Đề cho thực-nữ anh-hùng gặp nhau.
Lạy trời thời quả địa-cầu,
Đề cho ta được bạn-bầu với trăng.

Bốn câu ấy không biết dàn thế ! « thời gió lung-tung » thế nào mà đề « gặp nhau » được ? « Thời quả địa-cầu thế nào cho với trăng bạn bầu » được ? Và « bạn bầu với trăng » là *huyền-tướng*, « anh-hùng thực-nữ gặp nhau » là *chân-ý*. Nên dàn cho cái huyền-tướng đi trước mà dứt lại cái chân-ý chặn sau.

Chiều chiều lượn mát dưới trăng,
Trông lên chỉ thấy chị Hằng ở trong.

Câu ấy không sửa câu, nên thành ra « cuối » cả. Ai trông thấy « chị Hằng ở trong cung trăng » bao giờ !

Trời đông ai thời lạnh-lùng.

Ai thời được trời ? trời thời được chi ? Sao không đặt là

Gió đông ai thời lạnh-lùng.

Thế nhưng mà *gió đông* thời về xuân cũng chẳng lấy gì làm *lạnh-lùng* cho lắm (1)

Trông non mà lại nhớ nhờ non sông.

Chữ *sông* vào cuối không đắt ! Sao không lấy mẫu mà đặt rằng :

Trông non mà lại nhớ nhờ thế non.

Ồi ! văn-chương là một việc thốn-tâm thiên-cổ, có phải dễ đâu ? Xem mấy câu đó đủ biết soạn-giả không biết dàn thế, nên những đoạn lộn-sộn đây

trong trang giấy ; không biết sửa câu, nên những câu rơm-rác đầy trong quyển văn ; chẳng biết cân chữ, nên lắm đoạn hồ-đồ ! Người làm văn phải có biết *dàn thế*, *sửa câu*, *cân chữ* thời mới đủ truyền-bá được một bài văn, điều hay đủ cho người học, điều dở đủ cho người chữa ; rồi mượn truyện này mà tả ý-kiến kia, đem cảnh này mà tả truyền ra tư-tưởng khác, tha-hỗ nói tình, xong mượn tình mà biểu ra một cái thế-giới ngoài cõi tình, hay đề tình mà luyện trong cõi tình thời phải cho chung-tình, chính-tình, chân-tình, chứ có đâu cái lối tang-gian như là

Em là con gái hái dâu,
Thấy anh mũ trắng trên cầu giông chơi.
Ước gì anh biết đến tôi,
Cùng nhau ta rủ nhau ngồi trong dâu.

Ồi ! rất là khả-ố cho đứa con gái nào lại lẳng quá thế vậy.

Cứ bảo văn văn đề nói tình nói cảnh, (là nhằm), gặp cái gì nói cái ấy, trông vật gì làm văn ấy, thấy người nào hát người ấy :

Văn-mình khắp cả hoàn-cầu,
Ông sư cũng hú cái đầu năm xu.

Cố làm ra điệu tự-nhiên, làm ra có tài ứng-khâu mà đến :

Cái áo khách trắng,
Cái quần lính thôm,
Ai xui con cóc nghiêng răng, (2)
Trời cho tí nữa hóa ông hăm (3)

Thế thời máy nào in cho kịp sách, kho sách nào chứa cho hết sách, đất đâu mà cắm nhà cho các bực văn-nhân ! Văn thế thời vô-cùng-lận được, tôi đây không có tài giỏi cũng có thể kéo luôn :

Cải bia sách vàng !!

Cải chữ đề đồ !!

Ai xui người nào làm sách đồ !!

Trời cho tí nữa hóa ông hồ !!

Hữu-Tò PHẠM XUÂN-NÙNG.

(1) Gió Bắc và gió Thu thời mới lạnh-lùng, thời gió lung-tung cũng vô-nghĩa.

(2) Giở lên 3 câu phong-đạo ở trong Mối-sầu-Trung.

(3) Câu này ở bài Từ-khúc điệu song-khai đề ảnh vợ chồng cậu X... của soạn-giả.

Sách NGỌN ĐÈN KHUYA của ông MÀN-CHÂU NGUYỄN-MẠNH-BÔNG

In tại nhà in Ngô-Tử-Hạ, mới xuất-bản tháng Janvier này giá mỗi quyển 0 \$25

Dưới ngọn đèn xanh, một mình canh khuya, băng-khuàng, băng-khuàng, nghĩ hết truyện mình lại đến truyện đời, tưởng hết việc này lại đến việc khác. Người ta phần nhiều ai cũng như vậy. Nhất là những khách đa-sầu đa-cảm (1), hoặc nhân cái lúc ấy mà đem cái u-tình (2) phát ra nhờ văn, hoặc ngâm lại câu văn mà nhớ lại sự cảm phát ngày trước. Câu văn thêm cái cảm-tình, cảm-tình lại thêm câu văn. vậy thời « ngọn đèn canh khuya » chính là lúc sinh cái sầu cảm, mà cũng được tả cái sầu cảm.

Thế nhưng mà : văn-vơ trông bóng một mình, để ai thấu cái u-tình cho ai ? !

Vậy nên đã nhờ cảnh « đèn khuya » mà gây nên cái tình văn-chương, thời lại phải đem văn-chương mà công-bổ ra, làm một cái kỷ-niệm « những lúc đèn khuya » cho mọi người cùng biết.

Quyển Ngọn đèn-khuya này xuất-bản, có lẽ là vì thế chăng ?

MÀN-CHÂU NGUYỄN-quân vốn là một người thư si (3), tình-si, chứa sẵn cái lòng đa-sầu đa-cảm : « Ngọn đèn xanh ngát, thư-phòng một ai » (4) kẻ đã lắm lúc « lòng chẳng dốt mà bưng, ruột chẳng nung mà nóng » (5), ấy cũng là vì cái văn-chương mà buộc mỗi sầu cảm ! Vậy những khi hạ-bút (6), những lúc ngâm-ngã, thuần là tình ý chứa-chan, sâu-bi đáo-dắt cả. . . . Nhưng hẳn cũng tự-nghĩ :

Cái thân mình đã « mắc vào vòng đảo-chủ » âu cũng phải « theo thời mà giả nợ đi cho xong ». Nên trong khi án sách ngọn đèn : sâu riêng một mình vui riêng một mình vui là vui với văn chương thời lại phải tìm bạn văn-chương cùng vui. . . . Quá nửa cái cảm-tình chia ra cùng bạn văn-chương, cũng là vì thế. — Non một nửa cái tình riêng thời thuần những giọng nhớ thương, những tình ai oán, đem nhờ đồng-tâm làm câu kỷ-niệm ; đối với cái tình người bạn văn-chương tuy có khác, nhưng rút lại cũng vì cái cảm-tình mà ra. « Cánh hồng bay bổng, chim yến lạc đàn, nhớ ai không cánh bay tìm được, trông tr một gánh. . . (7) Hồi-trưởng (8) đèn bao nhiêu tin nhận thư hồng ngày trước, lại băng-khuàng thêm nhớ đến miền Sông Bo (9) ! . . . Ấy thời chiếc bóng canh tàn sáu cũng là phải ; mà chỗ đó cũng là thêm vị cho câu văn « đèn khuya », vì văn có tình thời thường dễ cảm. Ôi ! kẻ nghe văn còn cảm, thời cái người chung mỗi cảm-tình ấy tắc lòng làm sao ?

Thời cái chân-tình (10) của người làm văn chỉ nên bàn qua cái văn người làm nên bàn kỹ.

Tôi may được NGUYỄN-quân quá, yêu, cho xem tập văn này, nhưng tự-lượng học-thức còn hẹp đâu dám vội dự, phân bình luận. Vậy chỉ xin lấy tình người bạn thân yêu mà trích bản vài câu.

(1) Đa-sầu đa-cảm 多愁多感 = Sầu nhiều cảm lắm, ý nói hay buồn hay cảm, lắm khi sầu, thấy cảnh ngộ tình kia hay sinh cảm sinh sầu.

(2) U-tình 幽情, cái tình riêng của mình, một mình mình biết, một mình mình hay.

(3) Thư-si, 書癡 = là kẻ ham mài sách vở, chính là ngây về sách.

(4-5) Trích ở bài « Ghi lời chị Nguyệt » đăng báo Nam-phong kỳ 14 trong bài này chỗ nào, có dấu « » thời là trích ở văn ông BÔNG.

(6) Hạ-bút 下筆 = Đặt bút xuống viết, làm văn.

(7) Càng ở bài « Ghi lời chị Nguyệt » cả

(8) Hồi-trưởng 回想, Tưởng giở lại, nghĩ về trước.

(9) Sông Bo là tục-danh của Sông Bô thuộc về tỉnh Thái-bình (chỗ mà hiện bây giờ nhà bình-phẩm này đang ở)

(10) Chân-tình 真情 = Cái tình thực-thà không phải là cái tình giả-giối.

Đại-khai MÀU-CHÂU NGUYỄN-quán có tài lưu-hoạt, phàm hạ bút là viết ngay, không chịu tí-mỉ nắn-nót cho nhời văn tiêm-sảo, vậy cứ nói cho công-bằng thời văn-văn này cũng chưa dám quá khen, nhưng đáng khen vì làm câu êm-ái mà tả được cái chân-tinh, làm câu dẻo-dắt mà khiến người cảm động. Phàm lời vận-văn nếu đã gõ-gấm từng chữ thời thường dám bớt phần tự-nhiên, mà không tả hết được cái chân-tinh vậy.

*Đã chán phong-trần với tuyết sương,
Đóng qua rồi lại bóng xuân-quang.*

*Ai về nhân-nhũ người tri-kỹ,
Chờ gió Nam sang sẽ đã vàng.*

Ấy là những câu tự-nhiên mà dễ nghe.

*Trăm mối tơ vương mấy đoạn sầu,
Ngọn đèn lưu-hất chốn thư-lâu.
Xem thơ Lục Phóng-Ông (1) mà then,
Cảm cảnh giờ thu lại nhớ nhau.*

Thời là những câu nào-nùng mà dễ cảm. Những « câu hát vật » thời rất êm tai, như :

*Gió thu sơ-sắc hồ sen,
Kể về Hà-nội người lên tỉnh Bờ.
Sống Bờ nước chảy lơ-dờ,
Đôi ta thương nhớ bao giờ cho người,
Câu văn tình ấy, thế mới là chính-tinh.*

*Em ôm bó mạ xuống đồng,
Miệng ca tay cấy mà lòng nhớ ai.
Ngẩng lên em lại trông giờ,
Bóng chiều đã xế mà người chưa sang.
Thời cũng ra nhời phong-dao (2) lăm.
Các bài sấm cũng êm mà mới cả.*

Bài « nhời-oanh » thời văn vui mà ý rất cao.

Song đó là xin trích bàn qua, còn các lối thơ ca, các từ-khúc mới, thời còn nhiều Xin nhường các ngài xem sách binh-phẩm.

Nói rút lại thời NGUYỄN-quán là một tay làm báo, nguyên là chuyên nghề văn xuôi, lối vận văn phần nhiều chỉ chuông về tự-nhiên mà tả cho được hết cái tinh-tử. Đương buổi quốc-văn còn mở rộng, chắc rằng : NGUYỄN-quán đã chịu khó lưu-tâm thời ít nữa hẳn cũng có buổi hoàn-toàn.

Tôi nhân lượng biết cái lòng NGUYỄN-quán, « Ngọn đèn khuya » đây mới là ghi cái cảm-tinh về trước ; non nước còn dài, cái xuân còn trẻ, còn lúc canh khuya tựa án, kêu ngọn đèn cao, thời lửa lòng còn bốc, mà duyên văn ran-rứu sau này còn lâu

Tôi cũng được lạm-dự vào làng văn, cũng từng đã được nhiều phen cùng với NGUYỄN-quán « đèn khuya chung bóng » chung cái tình văn, chung mối sầu-cảm, vậy xem tập văn này cũng phải chia cái cảm-tinh cùng ai....

*Đêm khuya gió lọt mái ngoài,
Ngọn đèn xanh ngắt canh dài buồn.
Xem văn riêng nghĩ một mình, (tên.)
Khiến người trăm mối tơ tình vẫn-
[vơ (3)].*

Nhân lại sực nghĩ mấy câu đó của tôi ; Dưới đèn khuya cầm bút viết bài dự bàn vào quyển « Ngọn đèn khuya » của NGUYỄN-quán.

Cử-nhan TRỊNH-ĐÌNH-RU Thái-bình

(1) Lục Phóng-Ông 陸放翁 = Là một nhà thi-nhân Tàu, làm thơ không hề than cá tuổi mình già, cái phận mình thấp, như các lối của những nhà thi-sĩ khác ở Tàu. Mà thơ lại có cái tinh-thần thượng-võ.

(2) Phong-dao 風謠 = Câu hát của dân-sự xứ nào tả cái thói hay thói giờ của xứ ấy, tự-nhiên không có nói bông-lông mà theo cái thú của người xứ ấy, cái tình của người xứ ấy, như hững bài thơ Quốc-phong 國風, trong kinh Thi 詩 là một tập gộp các câu hát của 15 nước ở Trung-quốc ngày xưa, và những câu hát của ta.

(3) Bốn câu này đã đăng trong Nữ-giới-chung bấy giờ đổi làm báo « Đèn-nhà-nam » (Rv).

VĂN - UYÊN

THƠ CA CŨ

HÁT NÓI

Nhớ chinh-phu

Trước lầu thú-phụ mira hoàng-diệp, đầu ngựa hành-nhân gió tịch-dương. Khách thiếu-niên vô-võ đôi phương, trượng gấm sẽ chạnh lòng nơi ải tuyết. *Vọng Trường-an phiến nguyệt, tắc châm viễn-tái chi hàn-y* (1) *Kiến phế-mạch thủy-dương, tắc động thú-lâu chi hà-tướng* (2); ngày lần lửa thoi đưa bóng thoáng, khúc tương-tư ai đặt nên lời. Vầng trăng ai xê làm đôi?

Cáo quan về nhà

Tiết-Phùng hưu ca lão khứ già (3), *Đào-Tiêm dĩ phú qui lai hề* (4). Chỉ vân sơn nhận lấy đường về, đừng theo đuổi phong-trần chi mãi mãi. Trời đất nê-nang người khí-khải, nước non bênh vị mặt tái-tinh. Đạo-Trích lợi Bá-Di danh (5), Thú-lĩnh Đông-lăng (6) ai phải chăng? Thử nhắc đồng cân xem nhẹ nặng, chén bảy giờ còn e tiếng mai sau. Dầu người đá cũng gặt đầu.

Hợp thiếu lý đa

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiểu (7), khách giang-hồ thường hợp thiếu lý đa (8). Nay bắc nam xum-hợp một nhà, gần đủ cả thẳng-cảnh, lương-thời, thưởng-tâm, lạc-sự. *Hào trúc ai ti dư túy hĩ*, (9) *thê phong lãnh nguyệt dạ như hà* (10), thú nguyệt-hoa là nợ sẵn với cầm-thư, cuộc thi-tửu dễ riêng người phong-nhã. *Quán bất kiến hoa lạc hoa khai xuân khứ già*, (11) hãy chơi cho lăn-lóc đá kéo hoài. Kia kia hải-giác thiên-nhai (12).

Cuộc công-danh

Cuộc công-danh không không có có, có rằng không, không có cũng ừ. Nào ai hay trời đất những bao giờ, mà đã chẳng non sông là mấy tuổi. *Hồn hồn nhất đại khối, diều diều như nghĩ quần* (13); lợi lòng ra ai cũng có quân thân, mang lấy nợ lẽ lẫn khôn không trả. Cuộc kim-cổ bày thời lại xóa, cái râu mây nào biết đại hay khôn, trăm năm cũng một tiếng đồn.

ĐÔNG-CHÂU sao-lục

(1) Trông thấy bóng mặt trăng ở Trường-an, thời nện vải để may quần áo rét đưa ra ngoài cửa ải. — (2) Trông thấy cây dương-liều rủ ở bên đường, thời động lòng nhớ chồng đi lính đóng ở ngoài thú lâu. — (3) Tiết-Phùng làm bài hát kể tình cảnh mình đã già. — (4) Đào-Tiêm khi cáo quan về, làm bài phú *Qui khứ lai từ*. — (5) Đạo-Trích là tên đấng ăn trộm, chỉ ham lấy lợi; Bá-Di là người đi ăn, không thêm ra làm quan với nhà Châu. — (6) Thú là núi Thú-dương, chỗ ông Bá-Di ở ăn. Đông-lăng là tên đất là nơi Đào-Trích ở. — (7-8) Trong đời ít gặp người thường được tươi cười, vì khi xum hợp thì ít khi biệt ly thì nhiều. — (9) Lúc tiếng trúc rên rì, tiếng tơ ai oán ta đã say lâm rồi. — (10) Gió lạnh trăng xuống đêm nay ra làm sao. — (11) Chẳng không xem hoa nở rồi lại rụng thì là mùa xuân đã qua rồi. — (12) Kia xem như người ở góc bể, người ở chân trời, ly biệt nhau xa biết chừng nào. — (13) Trời đất li như một khối lớn, người ta nhỏ như một đàn kiến.

Cảnh già

Giật mình nay đã gần năm mươi,
 Lân-thần nào hay tuổi tác rồi.
 Mái tuyết phát-phơ già dễ tới,
 Đàng mây khất-khoái bước khôn lui.
 Lá thân tan tác thương bề bạn.
 Nành gấm đua chen thẹn trẻ trai.
 Vườn cũ lần về thăm cụm cúc,
 Vài thăng cháu trẻ lượm hoa rơi.

Vô tình tiễn biệt

Sách có chữ *vô tình tiễn biệt*. Khách
 với mình xưa quen biết chi nhau.
 Quê quán đâu nhà cửa đâu? Chân
 vì nổi nước lã ao bèo thêm đênh-
 đoảng. Dưới nguyệt chén quỳnh khi
 thắp thưởng. Tôi hát chơi mà khách
 cũng nghe chơi. Thăm-thiết chi mà
 giọt ngọc tuôn rơi. Mai đã ngược

xuôi người một xứ. Có nhận nam phi,
 vẫn bắc khứ, Hành-nhân Tây vắng
 thủy Đông lưu. Khách về đã có bạn
 khâm trừ. Vui-vẻ đêm thu cùng mở
 tiệc. Đây cũng ôm cầm theo liễu-
 mạch. Thử cầm ca, còn lắm khách
 vui chơi. Kia kia cá nước chim trời!

Linh-Giang

Bước tới Linh-giang bóng đã chiều,
 Linh-giang phong-cảnh biết bao nhiêu.
 Miếu nghề lúp-xúp nhà quanh núi,
 Hàng quán lao-xao chợ dưới đèo.
 Ngoài biển lẳng tai con sóng vỗ,
 Trong mây dập-dương tiếng chuông reo.
 Ở đồng! ta hỏi sự đâu vắng,
 Rằng mới chơi đâu đã mấy chiều.

Quan Thượng Võ-KHOA

THƠ CA LAI-CÀO

Dịch Đường-thi

	I			
	草	桃	東	春
	色	花	風	日
春	青	歷	不	偏
思	青	亂	爲	能
	柳	李	吹	惹
	色	花	愁	恨
	黃	香	去	長

Tứ Xuân

Ngàn dâu sắc cỏ xanh vàng.
 Bông hoa man-mác đưa hương dậm
 [trường.
 Gió đông chẳng thổi niềm thương,
 Ngày xuân dâng-dâng như nường
 [trên ai.

	II			
	雪	楚	今	明
	晴	水	日	朝
送	花	吳	送	相
李	散	山	君	憶
侍	北	道	須	路
郎	風	路	盡	漫
赴	寒	難	醉	漫
常				
州				

Đưa Lý Thị-lang đi Thường-châu

Chiều mây ngọn gió pha-phối,
 Sông Ngô núi Sở mây hồi chia tay.
 Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
 Đường bi lãn ghĩ nỗi sau này mà kinh.

百 菴 峯 邊 逢 立 春	胡	閑	不
	蘆	中	見
	峯	河	只
	邊	上	是
	逢	淚	空
	立	沾	相
	春	巾	憶

Gửi thăm nhà

Ngày xuân chiếc bóng quan-thành,
Trên sông sa giọt lệ tình thương ai.
Buồng trong riêng những ngậm-ngùi,
Sa-trường khuất nẻo xót người tương-
[tr.

十 五 夜 望 月	中	冷	今	不
	廷	露	夜	知
	地	無	月	秋
	白	聲	明	思
	樹	濕	人	在
	棲	桂	盡	誰
	鶉	花	望	家

Đêm rằm trông trăng

Trời hôm chim gọi đầu hè,
Hỡi sương canh vắng dầm-dìa hoa.
Đêm thâu chung bóng trăng là,
Mà riêng thu-tử mặn mà trăng hơ
Cao-bằng Ngọc - KIỀM.

Thú vui làm ruộng

(Lỗi thơ thất-ngôn cổ-pho)

Nhớ xưa học sách có chữ rằng:
« Nông-giả thiên-hạ chi đại nhân ».

Lại rằng « dân dĩ thực vi thiện ».
Đọc hai câu ấy không biết chán.
Bây giờ học hành đã giỗ-giang,
Mà việc công thương mình cũng nản.
Mình muốn quay về việc nông tang,
Tay làm hàm nhai chẳng ai oán.
Độ năm ba mẫu ruộng ngoài đồng.
Lại năm ba mẫu vườn trên cạn.
Ruộng thì cấy lúa lấy gạo ăn,
Vườn thì trồng cây lấy lợi bán.
Các thứ hoa mẫu ngô, đậu, khoai,
Các cây ăn quả hồng, thị, nhãn.
Trâu chăn bò giắt năm bảy con,
Cào, cuốc, cây, bừa ấy là ban.
Thầy tớ làm ăn một thú vui,
Vợ con khó nhọc không ta-thần.
Thức khuya dậy sớm cũng chẳng nề,
Tay làm chân bần cũng chẳng quản.
Nước cấy lửa cõ không ngã lòng.
Nón lá áo toai chẳng ngao-ngán.
Khán trời gió thuận lại mưa hòa,
Không phải thủy tai không hạn-hán⁽¹⁾.
Ngoài ruộng thì lúa chín đỏ hoe,
Trong vườn thì cây quả nhan-nhân.
Lại thêm trồng được mười mẫu dâu,
Dâu tốt chăn tằm để lấy kén.
Đã có tơ rồi ta dệt hàng,
Vải the hàng tấm kẻ tưng kiện.
Đồ mặc đồ ăn đã đủ rồi,
Đoạn mùa nhàn hạ ta ăn chơi.
Cả mè rau rút mà phong-vận,
Cơm trắng rượu nồng một thú vui.
Ló-hoặc ngon mùi thanh-dạm đó,
Cao-lương cũng chỉ thế mà thôi.
Câu thơ Thất-nguyệt⁽²⁾ dưới bích thóc,
Chén trà đồng-âm mùi hồng-mai.
Bên đồng lúa rơm cơn gió mát,
Ngoài vườn hoa quả bóng trăng soi.
Khẩn trời năm năm được phong-lẫm,
Chức Vua muôn tuổi trường-trị ngôi.
Lương thuế bao giờ cũng nộp đủ,
Chăm nghề đá-sắt để sinh nuôi.

Kỳ-hoa-tử ĐẶNG BÁ-DY

(1) Hạn-hán = Năng mất mùa.

(2) Thất nguyệt thơ Thất ngữ những công chuyện làm ruộng.

Địa-cầu tổng-ca

Tròn vành-vạnh quanh theo mặt nhật,
Trái Địa cầu là chất Hoàng-tinh.

Ngày đêm một giao lặt mình,
Một năm vừa giáp một vành Thái-dương.
Đất năm giải chia Hàn, Ôn, Nhiệt,
Cùng bốn phương Nam, Bắc, Tây, Đông.

Năm bề lớn rộng mệnh-mông,
Nước ba dải một vốn không dời dời.

Năm châu lớn chia đôi thế-giới :
Á, Âu, Phi, một cõi đất liền.

Mi-châu nam, bắc năm riêng,
Úc-châu kia góp những miền cù-lao.

Người khắp ở châu nào cũng có,
Bốn màu da đen, đỏ, trắng, vàng.

Đỏ đen dân trí tâm-thường.

Âu châu da trắng nên trang anh hùng.
Da vàng ta ở Á-dông.

Độc-học Hà Tĩnh Tôn-Thất PHÁN

Mừng ông Bạch-Thái-Bưởi

Buôn bán như ông nhất nước nhà,
Tiếng tăm lừng-lẫy khắp gần xa.
Cờ vàng gió phất miền Nam-hải,
Hiệu Bạch sơn in cõi Bắc-hà.
Âu học ba con vừa tiếp báo (1),
Kim tiền một sắc đã ban ra.
Công ti thịnh-vượng trăm năm mãi,
Quyền-lợi ta cầm lấy của ta

Đông-giang PHẠM ĐÌNH-TRẠC

Chết cho nước

(Dịch thơ Tày)

- Cha đi đâu đấy cha ơi ?
- Cha đi lấy súng, ra nơi chiến-trường.
- Không, cha xưa lúc tráng-cường,
Cha đã nhập-ngũ, nay đờng đờng nào !
Cuộc này là cuộc binh-đạo,
Ba con xin quyết xem sao phen này !
- Thêm cha là bốn càng hay !
- Thằng em tử trận vừa rồi,
Bội-tình gần ngực, cha ôi, xem này.

Xin cha hãy cứ về ngay.

Kéo dêm rét mướt kéo ngày xông-pha.

Tinh cốt-nhục, nghĩa quốc-gia,

Hai con xin quyết đi ra phục-thù !

— Thêm cha vào nữa là ba !

— Cha ơi, số phận rủi kỳ,

Tử sinh, sinh tử ai thì ven hai !

Vừa rồi lại thác một người,

May còn một mộng là tôi nổi dồng.

Chữ rằng hồ thi tang-bồng,

Minh con xin quyết trả xong thù này.

— Thêm cha vào nữa là hai !

— Ba con nay bỏ chiến-trường,

Không sãng không vãn tuyết sương lạnh-

Nổi này ai biết cho không ? [lòng.

Vì chưng quốc-biên phải cùng hi-sinh.

Tôi là tinh nguyện cựu-binh,

Một mình xin quyết đình-ninh báo-thù !

Sao cho trọn nghĩa thờ vua !

Giáo học trường Pháp-Việt NGUYỄN THẾ-BÁT

Khuyên các đứng nam nữ

Người sang trọng cõi doanh hoàn,

Giữ-gìn phận-sự cho toàn mới hay.

Trai thì năm giữ thảo ngay.

Ơn sâu phải tỉnh ngái dầy phải lo.

Đường quyền lợi rất cam go,

Chung nhau bồi đắp chớ cho ai dành.

Việc cơ xảo phải đua tranh,

Nghề nông, công, cò, tập-tành cho xong.

Gái thì cầm giữ đức tông,

Thờ cha kính mẹ khuyên chồng răn con.

Gần, xa ra sức chịu đòn.

Tề gia thì trợ vuông tròn trước sau.

Tảo, mộ là việc đứng đầu,

Thức k, dậy sớm lo âu mọi bề.

Còn những việc trăng huê.

Trai mê, đức, gái mê hư mình.

Nhớ, lạnh, ánh-huân đình-ninh,

Ghi truy, ong sách Thi-kinh để đời.

Trên, ở, trong bọc mấy người,

Ngân thu, gia để tiếng cười nhuốc-nha.

Chỉ b, mình phải lo xa,

Tránh đi, khỏi, mới là người ngoan.

Lời khuyên dỗ rất châu-toàn,
 Khuyên ai có chí phải toan trau lòng.
 Một mai tiết rạng danh trong,
 Trai xong đạo cả, gái xong lễ thường,
 Tiếng khen bay khắp bốn phương,

Việt-Nam phong-hóa có nhường ai đâu.
 Từ đây tấn-bộ dục mau,
 Văn-minh là chỗ đua nhau vẫy-vùng.

MADemoiselle SON-ĐAI
 (VĨnh-long)

VĂN XUÔI

Văn khóc cha

Ngày 24, tháng 10, năm Mậu-ngo, niên-hiệu Khải-Định thứ 3, con hồ-côi Lãng, phục trước linh-sàng phụ-thân khóc rằng :

Trời ơi ! Đất ơi ! Sao đất cùng trời chẳng xét soi ? Tôi có tội gì hồi đất-trời ? Núi Chay mây ám, sông Nhuệ nước trôi, ruộng dâu bãi bẽ, vật đời sao đời, nóng nổi này gây dựng bởi vì ai ? Khốn nạn thay cho tôi ! Ngửa cổ kêu trời, kêu không nên tiếng, cúi đầu khóc đất, khóc chẳng ra hơi, nức nức nở nở, xụt xụt xùi xùi, máu theo nước mắt, hai hàng tuôn rơi, tờ chia khúc ruột, chín đoạn tơ-bời. Sầu này dằng-dặc biết thừa nào người ?

Khốn-nạn cha ôi ! Con nghĩ như cha, thật là vất-vả suốt một đời ! Nhớ cha thừa xưa, vốn là con nhà tôn-áo, dòng-dõi thư-hương. Vì động-đục em, phải xuất-thân ra gánh gồng chông-làng, thừa mười tám tuổi, quỳ gối búp nghiên mà theo việc nhàn nhàn, quên nhà vì nước, hết sức dưng-bưng, do binh-đỉnh mà ngũ-chương, thư-lại, on vua cũng chút giấy văn, Cao-bằng, khi Lạng-sơn, Thái-nguyên, khi Tuyên-quang, chú tình Nghệ, khi đóng đồn Vàng, khi cầm tay khi tái-lương, khi bán tơ, gòn bút mà tình-gỗ bình lương, khi gài tai mà dong-duổi lên, thời treo đeo lặn xuôi, lúc

dầm sương, hai mươi năm lẻ, trải bao nhiêu độ lao-nhương !

Thế mà việc quan lao-lực, vẫn còn bức về sự học, tuy khi gối trống tựa yên, chẳng trễ tay kinh miệng đọc, chỉ dấu chẳng thành, vui không biết nhọc.

Kịp khi con lên tám-tuổi, cha đã ba mươi. Con còn thơ dại, đang độ ham chơi, cha rằng : « Đẻ con không dạy, lỗi ấy vì ai ? Cốt cho đi học, mới được nên người, ta đã thất học, lẽ để con lười ! » Đầu xuân năm ấy, dước thầy về nuôi, chiều thầy hết đạo, năm bảy năm trời. Con tuy ngu dốt, lòng cũng không nguôi. Có khi việc quan thư-thả, tạm được nghỉ-ngơi, thời cũng ngọn đèn cuốn sách, mở đọc làm vui, ngâm nga đóng-dù, khiến cho đua theo, mà khuya sớm mài dùi. Hiếu học như cha, con tưởng chẳng có mấy người !

Tuổi con mười hai, miệng chưa sạch hơi, khi ấy cha mừng trên có hai cụ toàn đời, cha lấy làm một sự gia-đình rất vui, liền vì con mà kiếm chốn tìm nơi, khiến cho gia-thất sớm hài, để cho hai cụ hi-hả tươi cười. Con tưởng như cha vì con lo toan hết sức, vì con xếp đặt hẳn-hoi, thật là công-lênh bằng bề bằng trời !

Con mười bảy tuổi, chẳng may mẹ con lại sớm qua đời, cha thời gà sống nuôi con, chông đất gánh, con thời gà con nết mẹ, thừa bé hồ-côi, sự nhà sự

nước, việc trong việc ngoài, đồ rồn vào một mình cha gánh nặng đôi vai, phần thời lo trong gia-đạo, phần thời chạy việc quan sai, còn lấy ai mà đỡ đầu khuya sớm, còn có ai giùm-giúp hôm mai?

Thế mà đang con sóng cả, tay lái tay bơi, trải bao biển-cổ, cầm vững không dới. Một đường thời việc lớn việc nhỏ, hết sức trông coi, một đường thời con trai con gái, hết lòng chăm nuôi. Mong cho trai học nên tài, gái thành thân người, để trông cậy về buổi tương-lai, chút thỏa chí nguyện một đời.

Sau vài năm, cha nhân nổi nhà bách-trách, nặng gánh một thân, chim bay mỗi cánh, ngựa chạy chồn chân, và trên có mẹ già tựa cửa, dưới dân con trẻ chờ ăn, vậy mà nguội lòng hồ-thỉ, nóng dạ tử-phân, gỡ dâm danh lợi, vui thú thiên-luân.

Khi bấy giờ con đã ngoài hai mươi tuổi, đang sức đua ganh, nghĩ đến cù-lao chín chữ, biết mấy công-trình. Rắp mong đến công mười năm dăng-hỏa, gọi là một chút công-danh, để cho cha được thỏa lòng hi-vọng, mà con được bảo dức sinh-thành. Con không ngờ, trí con thiên, tài con hèn, phận con bạc, vận con đen, văn-chương xấu số, gặp-gỡ vô-duyên, ki-cục trong vòng khoa-cử, cả thầy ngót hai mươi niên, mười mong chẳng đậu, chín hẹn không nên; khiến cho cha mất trông mắt cậy, thêm lo thêm phiền, thành ra vận nhà ngày càng xa sút, lắm nỗi truân-truyền, thiệt là tội con kè có muốn nghìn!

Khốn nạn! Cha ôi! không biết tội tình con nặng thế nào, mà trời đất ghét-ghen? Thuyền đã chạm, lại gặp cơn gió ngược, nhà đã đổ, lại gặp đó mưa liền. Thương thay ^{Thái} trên ai, già nhà nghèo, đã là thất-đạo l.điền,

năm ba mươi sáu tuổi, lại vừa bị ách trung-niên: gia-tình như vậy, thân con ngồi đứng sao yên.

Cha ôi! người ta bảo rằng: Trẻ cậy cha, già cậy con, như con nào có phải là thân gỗ đá? nào há phải là giống côn trùng? Lẽ nào mà chịu bó gối ngồi trông? Huống là cha già con dại, lắm sự khốn-cùng, mà các em con, thời trai còn ít tuổi, gái về nhà chồng. Con nghĩ mình con thờ già nuôi trẻ, ngồi nhà lúng túng không xong. Vậy phải từ cha mà dẫn thân xuất-ngoại, chạy bác chạy đồng, lúc buồn hàng gánh, lúc mệt đào sông, đầu dâm tiếc hơi tiếc sức, đầu dâm chơi dài chơi đông; cũng toan chen vào chỗ chật, sỏ vào đám đông, mà tranh một đấu, mà cướp một đồng, gọi là rau cháo tiền công, để cho được thỏa tấm lòng.

Lại không giờ! lòng người muốn vậy, trời cả không cùng, mắt xanh li gặp, trâu trắng xuống đồng, nay đây mai đó, dất khách bênh-bồng, chân không bén rễ, tay chẳng mảy lông, đồng quà chẳng có, tấm bánh thời không, làm cho cha già đổ mắt trông mong; khốn-nạn thân con thiệt là c-cực long-dong!

Nhưng con vẫn ngồi! cha còn trường cửu, con một vài xuân, họa là trời kia mưa, đất nọ xoay vần, cho con được rửa sạch tâm, trả nợ trần, vai đeo liếc tay dùm thừ ăn, tự ngoài nghìn về hiến trước sân, mà xum vầy d. 風, mà quanh-quần bên chân, một n. 寒 vào dức, tắc cổ đèn ăn, thời d. 寒, gọi mưa tầm gió, nay Sở mai, lòng con cũng chẳng ăn năn!

Con không giờ! hóa-nhi quả độc, nữ phụ người, giữa ngày hai mươi tháng n. 寒, con vừa được tin tới nơi, gấp nặng, tay chân con hồng rưng rưng, n vội-vàng hốt-hoảng chạy

về, chưa kịp than-thở đôi-hỏi, mà ngày hai mươi hai, cha đã vội đi châu Phật châu Trời!

Hỡi cha ơi! hỡi Trời ơi! Trời sao nhỏ hẹp hòi? Cha tôi xuân này, mới tới tuần bảy mươi, trời có hiểm gì một tuổi, để cho cha con tôi sẽ được xum họp, vui rộn một hồi, mà nữ lòng chia rẽ làm đôi!

Đã hay rằng! đạo trời sinh sinh hóa hóa, sống gọi thác về, chẳng ai qua khỏi, trong vòng hóa-cơ. Cha đã tới cõi, còn có ngôi chi? Nhưng con trách duyên tử phận, chẳng được ra gì, chẳng biết lấy gì báo hiếu, chẳng biết lấy gì đền nghi, mà cha đã vội, cha bỏ cha đi, thiệt là trăm năm bức-tức, muốn kiếp thăm-bi!

Khốn-nạn cha ơi, cha sinh ra chúng con, từ khi hòn máu cho chí bây giờ, tuổi ngọt năm mươi, biết bao công trình khó nhọc, biết bao ân đức tài bồi, mà con thời nghèo hèn khốn-khó, bốn-lầu lói-thôi, chưa có lúc nào lòng con được hả, chưa có lúc nào bụng cha được vui! Lúc sống con đã chẳng có gì quà bánh dưỡng nuôi, lúc bệnh lại không được thang thuốc trông coi, lúc chết cũng không lấy gì mà tang táng hẳn-hoại. Con nghĩ thân con là trăm tội nghìn tội, muốn đền tội trời, mà để xấu để hổ, đã như ai đời!

Thôi! thôi! thôi! Cha ơi! Cha ơi! Cha con cách nhau mấy dặm đường đôi nơi! Con đâu có ngẩng cổ dầy, bỏ bè lợn tươi, đặt đũa thờ dóm cúng, nào biết cha con xum họp vậy vui, tìm đâu có thấy người? Thiệt là chua xót! Thiệt là đau-dớn lòng tôi! Trời ơi! Con nghĩ đến lời « thời chẳng cho ăn, lúc chết để ruồi », mà con thấy n

mực chảy, bút hạ châu rơi. Hồn cha có thiêng, hoặc ở dưới đất, hoặc ở trên trời, dám xin xét soi!

NGUYỄN PHAN-LÃNG.

Nói về sách « Mỗi sâu trung »

Quốc-văn nước ta bây giờ, còn đang thuộc về thời-kỳ ấu-trĩ, như măng mới đang nhú mầm, như hoa mới đang kết nụ, như chim non mới đang bập-bè học gáy, như trẻ nít mới đang lững-thững học đi. Phàm những người có chí ở quốc-văn, ai ai mà chẳng muốn mong cho sớm đến ngày thành búi thành cây; ai ai mà chẳng muốn mong cho chóng tới khi phát hương phát nhị; ai ai mà chẳng muốn mong cho đua hơi đua tiếng, để mau đến độ đồng-thành; ai ai mà chẳng muốn mong cho cứng gổ cứng gân, để nhanh đến kỳ tấn-bộ? Đó là cái hi-vọng chung của quốc-dân ta, chính đang nghềng cở, kiếng chân, ghé mắt trông ngóng về bọn thiếu-niên tân-tiến ngày nay.

Từ khi quốc-văn xuất-hiện đến bây giờ, trước-thuật nghe cũng đã nhiều, in bản kê cũng đã lắm, dân kêu sao thời, vàng-vung như ve, ngọc nhả châu phun, vãi vung như châu, ta thường có ý lấy làm mừng cho tiền-dở quốc-văn, mà lại có ý lấy làm sợ cho hậu-vận quốc-văn! Nhưng ta vốn là con nhà cựu-học, tuy chưa lấy gì làm già, mà kẻ cũng đã là già, tai đã nghềng-ngãng vậy, mắt đã tờ-mờ vậy, về đường quốc-văn, phần làm đã không có tài, phần xem lại càng biếng-nhác, vậy nên trước mắt đâu có châu rơi ngọc rụng, cũng chẳng biện ra rằng ngọt hắt hay, cũng chẳng nghe hiểu là đàn là hát, tuy cũng có lúc sách bày trước mắt, người đọc bên tai, nhưng người đọc hay, thời cũng chẳng hay, mà người chế là

dở, thời cũng gặt đầu là dở, chớ chưa từng có một lời nào là một lời bi-lý, mà cũng chưa từng có một câu nào là câu tán-dương chi cả. Vì là văn-chương mà được vào trong bực phẩm-bình cũng đủ khó, mà cái mực thước đề phẩm-bình văn-chương lại càng khó lắm. Ta tưởng văn-chương tức là một cái vật, mà bình-phẩm tức là một cái cân, cân vàng cân đá cũng là cân, cân bóng cân bấc cũng là cân, cân tất phải tùy vật qui tiện khinh trọng làm thăng-bằng, chớ hà-tằng có bụng gì thiên-tư, mà tự làm ra nhẹ nặng? Tuy vậy, nhưng ta chưa phải là cân, đầu dám nói đến sự cân mà mó tay vào cái cân thăng bằng, đề nhắc xem nhẹ nặng!

Ta vốn là một người đa-sầu đa-cảm, thường hay thích nghe giọng sầu, ưa xem văn sầu, yêu nói lời sầu, vui là cảnh sầu, mà dịp này lại nhân gặp một cái sầu trung-thiên, châu nhũ như tuôn, ruột đau như cắt, ngồi không buồn chựa, nằm những thở dài, muốn giải sầu mà sầu không dứt, muốn nuốt sầu mà sầu không xuôi, nghĩ chẳng ra lời, bút không buồn mó, đang khi bức-tức giận-giộc, đầu-dĩ một mình, không biết than-thở cùng ai? Bỗng có một vị cầm một cuốn sách lại bên cạnh, đọc mấy câu rằng: *Mối sầu trung, mối rối lung-tung, mối rối lung-tung gỡ giúp cùng, vân vân...*

Ta đang cơn sầu, chợt nghe thấy câu văn sầu, lòng nào cầm được, mà không cảm? liền vùng dậy hỏi: thơ gì? của ai? Vấy rằng: thơ « Mối-sầu-trung » của một vị thiếu-niên, tên là Hoàng-Thăng, mới in hán. Đón lấy xem, vừa trông qua cái nhan sách, chưa kịp xem suốt, giờ ngay xuống cuối sách, thấy có mấy câu đề hậu, đặt này mình! Sợ thay cho thầy Hoàng-Thăng! mà lại lo thay cho cả những bậc thiếu-niên tuân-tù như thầy Hoàng Thăng!

Ồ! sầu, là một cái khi thu vậy. Khi thu tiêu-diêu túc-sái, tất có trái qua trong tuần xuân-sinh hạ-trường, rồi mới kết nên, chưa có khi nào đang mùa sinh-trường, mà lại có cái khi tiêu-diêu túc-sái bao giờ. Thế thời sầu không phải là cái cảnh của những bậc thiếu-niên, mà những bậc thiếu-niên cũng chưa nên vội sầu.

Thầy Hoàng-Thăng tuổi ngót hai mươi, đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, đang sức đua ganh, vì cũng như măng đang độ non, cây đang độ lớn vậy. Dầu có « lung-bung » chẳng nữa, ta tưởng cũng chưa « doi co » là bao nhiêu, mà đâu có « doi co với đời », ta tưởng cũng chưa « doi co » mấy nổi! Thế mà chưa chi đã vội « rối », chưa chi đã vội « sầu », chưa chi đã vội « kêu trời », chẳng biết thầy vì ai mà sầu, vì ai mà rối, vì ai mà kêu đó ru? Vì mình đó ru? hay là vì đời đó ru? Bảo rằng vì mình, thời đang buổi thanh-niên đã có sự gì đáng sầu, mà đã rước lấy sầu? bảo rằng vì đời, thời đang buổi bây giờ, không thấy có ai là sầu, can gì mà phải chia sầu? Thế thời mối sầu của thầy, không biết bởi đâu sinh ra, mà thầy sầu quanh, sầu quanh, sầu vẫn, sầu vơ, đến nỗi rối rối lung-tung như vậy? Lại thấy hường thầy lại muốn quăng cái bong-bong ấy ra, bán cho thiếp kẻo kẻo cho thiên-hạ cũng lại gườm gườm gỡ quần, gỡ vớ gỡ vơ, thêm lung-tung như thầy hay sao? Ta sợ thầy hạ hết thầy đều như thầy, mà mình vào cả trong cái lưới sầu, lung-tung trong thành sầu, thời thế-giới có lạnh lạnh ra thế-giới sao được?

Đà ^{Thầy} rằng, ở đời cũng có cái sầu, nhưng ^{mi} có từng đoạn, sầu có từng khúc, ⁿⁱ có từng lúc, sầu có từng cơn, cũng ^{ca} cái cây, sầu cảnh này lại sinh ^{Thầy} khác, cây mía sầu dần nọ ^{Thầy} kia, đoạn này xấu mà đoạn ^{Thầy} ^{Thầy}

kia tốt cũng nên, khúc nọ héo mà khúc khác tươi chưa biết, hà-lãng có mối-manh nào? Chẳng qua chỉ tại người chấp nối, cho nó lòi-thời dắc-rối ra đó mà thôi! Cái sấu của thầy, chẳng biết nó là cái sấu ngoại-cảm, hay là cái sấu nội-thương? Ta dám chắc rằng nó còn là cái sấu ngoại-cảm, chớ chưa phải là cái sấu nội-thương, mà dấu cho có phải là sấu nội-thương chẳng nữa, thời cũng còn là cái sấu trẻ, chớ chưa phải là cái sấu già, chắc còn có thể dễ chữa được lắm! Ta xem lời tựa của thầy có nói rằng: « trẻ nên biết sấu mà bốc thuốc sẵn cho sấu, nhớ phải chữa ngay. » Thế thời phương thuốc chữa sấu, tất thầy cũng đã sẵn có và ta cũng sẵn lòng chúc-vọng cho thầy, sớm tìm phương thuốc mà chữa, kéo mà hoài mất một đoạn xuân xanh!

Nay chữa sấu chẳng gì bằng văn-chương; vậy cò-nhân có cái gì uất tức trong bụng, bức bối khôn khuây, tất phải ngâm vịnh thành ra câu thơ, cảm hoài viết nên câu phú, để tả cái cảnh sấu, giải cái tình sấu, phá cái khối sấu, cho hả cái lòng u-uất. Thầy chừng hẳn cũng có ý thế, vậy cũng muốn đem văn-chương văn thế, để tả sấu, giải sấu, phá sấu đó chăng?

Xem những thể văn của thầy, nói đáng nói cay, kể thời cũ tung lăm mối thật! Nh... nói tóm lại, thời chỉ trong n... đã đủ hiểu ý-kiến của thầy, sỡ dĩ muốn « đôi-co » không phải là không d... khác bất-tất nói, mà cũng xiết, hằng nói một câu, đây cũng chẳng có tiền, c... nghiên với đời, ai ơi lấy lấy ra cũng được đủ cười... Tự-hồ ý thầy chính lấy «... tự-phụ, mà lại lấy « bút ng... cười, kể ra thời cũng đ... Không những thầy lấy l...

mà tôi cũng lấy làm buồn cười, không những tôi lấy làm buồn cười. tức chi ai ai cũng phải lấy làm buồn cười, như thế thời muốn thăm nghìn sấu, cũng đã đủ một trận cười như không, còn gì là sấu, mà còn sấu đâu mà giải?

Thôi thôi! thầy ơi! Sấu làm chi? đeo sấu làm chi? trò đời chẳng qua cũng như một đám phượng tuồng vậy. Dấu mà kể giọng Nam-thương, hát khúc Nam-ai, cho có gào-gặt thăm-thiết đến như thế nào cũng chỉ pha trò một câu khôi-hài, là mất hết cả.

Nay thầy đã muốn đem văn thơ làm một cái vật khôi-hài, để tiêu-khiển cùng những kẻ giai-nhân tài-tử, trong ánh thiếu-niên, chí-thù như thầy, tu-tướng như thầy, kẻ cũng hiểm có thực! Tôi yêu vì cái tuổi thiếu-niên, mến vì cái văn thiếu-niên, hằng nên vui lòng gắng sức, hết cái nhiệm-vụ thiếu-niên, chớ nên bức-tức với trời, mà kêu ca mãi trời, cũng chớ nên vội oán hận với đời, mà « đôi-co » mãi đời, không những rằng không có ích gì đến ai, và lại dễ khiến cho những bức tài-tử giai-nhân cảm-mạo vì những câu văn, sinh ra phiền lòng não dạ; thế thời mỗi sấu gỡ biết bao giờ cho xong? mà câu cười cái bút cái nghiên, để đời biết đến bao giờ cho hết?

ĐÀM-XUYÊN

Hai buổi chơi Hội-chợ

I

Hôm chủ-nhật 15 Décembre tôi vừa xuống đến cửa nhà Đẩu-xảo Canh-nông thời gặp ngay cái bi-kịch quan Toàn-quyền SARBAUT bị người Tây tên là Desvignes bắn một phát súng; bèn trở lại nhà, rồi xuống nhà Thương Đồn-Thủy hỏi thăm tin, cho biết cái ngôi phúc-linh xứ Đông-dương ta không...

Mấy hôm bị công việc phận-sự mình bó buộc không rỗi thời giờ mà qua thăm cảnh Hội, cho thỏa được bụng nhiệt-thành mong-mỏi biết cuộc thương-nghiệp, nông-nghiệp, công-nghiệp và kỹ-sảo nước mình. Ấy cũng bởi thế cho nên đến chiều hôm thứ năm 19 Décembre tôi mới cùng một đứa em bé đi xe lại xuống xem Hội.

Bước chân ở nhà đi, tôi nghĩ rằng: trước là nhờ quan Toàn-quyền SARRAUT nhiệt-thành muốn mở-mang đường tiến-bộ về thực-nghiệp cho cõi Đông-dương ta, mới dựng cái Hội-chợ này; thế mà rủi cho ngài hôm bớ chẵn ra làm lễ khánh-thành rất trọng-thể ấy, đương đi với các quan thủ-hiến các sở, vừa vào qua cổng-sắt, đến trước gian hàng thứ tư thứ năm thời bỗng có một người Tây đứng núp sau đám đông người mà phăm đến thân-thể ngài bằng một cách rất khá-ố! Thế thời có lẽ Hội-chợ cũng giảm sự vui-vẻ hẳn? Hay là Hội-chợ cũng chẳng được đông-đào hoàn-toàn? Vì truyện *Kiều* nước ta có câu:

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!*

Vậy có lẽ phong-cảnh Hội-Chợ cũng có chia buồn với cái vết thương của quan chúa-tể nhân-tử, đại-lượng, nhiệt-thành với quốc-dân ta chăng? Tôi lại phảng-phất đến hôm chủ-nhật ấy, tôi mới đến ngoài cửa trông thấy cờ bay phấp-phới, nhà mới lợp gianh cùng ngói cái đỏ cái vàng san-sát, người đi lại chen nhau. Tôi cùng đứa em bé bước lên xe, đi chừa-chan những tư-tưởng...

Xe đến đầu phố Phủ-doãn thời đã đổi sang tư-tưởng khác, nghĩ hình như là quan Toàn-quyền vô-dạng ngài sắp lại mạnh, thời giăng-sơn có vẻ vui mừng, cho nên trời quang mây tạnh, chiều hôm ấy xe hơi, xe ngựa, xe

hàng chạy như guồng quay tở, trông vui mắt lắm; lại người nhà quê, kẻ chợ người thanh-lịch, kẻ lam-lũ, bông con bể cái, giắt mẹ hầu cha, đánh bẻ đánh bạn, có áo xanh, cậu áo tím, thầy áo đoạn, bà áo hoa, ông quan đeo mền-day choàng ngực, cậu bếp mặc binh-phục chỉnh-tề, thực chẳng khác một cái rạp hát khéo của hóa-công bày ra, mà người đi xem này quên hẳn mình là một kẻ da-sâu da-bệnh, nhường theo cảnh-trợng mà hăng-hái, có cái khải lãng-ván, trông như là nước Nam ta đã thành một nước rất văn-minh trong thế-giới, dân-gian vui-vẻ thái-bình, chạy số vào cái võ-dài cực-lạc mà nước Pháp đã đứi-dặt bọn ta lên.

Xe gần đến Hội-chợ thời vừa gặp một bọn trẻ chừng ba bốn mươi có nữ-học-sinh ở trường Hàng-vôi vào xem hội đi ra, hẳn là các cô lưu-học-sinh lớp Sư-phạm và lớp Sơ-dãng tiểu-học; xếp hàng đi thùy-mị mà nghiêm-trang, mà có vẻ thông-tuệ mẫn-nhuệ lạ thường! Các cô-giáo đi kèm hai bên, coi cũng thứ-tự, tối bắt xe đi từ-từ lại mà ngắm cái quang-cảnh bọn quần-thoa tương-lai làm vợ làm mẹ những bọn hậu-tiến nước Nam ta vậy; thong-ghe những tiếng cười câu nói, ghe thấy có mới-mẻ. Xe đi xuống ^{thông} lối nữ-quản ấy đi lên, rồi mà khi ^{đến} lát lại, trong tư-tưởng tôi lại gợi ^{hỏi} cô lên nhường ngọn nước tre ^{đang} chảy xuống. Tôi nghĩ lại cái ^{đời} đàn-bà nước ta xưa, và các bà ^{đang} còn theo tục cũ bây giờ, ^{đều} học-vấn tri-thức có kém, song le xét ^{đến} cái «tứ-dức» «tam-tòng» được khi ^{đang} của xã-hội ta huân-đào cho, cũng ^{đều} hay nên giỏi. Người đàn-bà con gái, ^{đều} người giúp-đỡ trong gia-tộc, còn ^{đều} hiếu-vụ đối với nước đối với xã-hội ^{đều} hết thầy theo ý người đàn-ông, «^{đều} n tề gia hậu tri-Quốc» «^{đều} đạo ^{đều} li quân-tử từ vợ chồng ^{đều} tư-tưởng ^{đều} ai là»

mà ra». Như vậy thực là phải lắm. Nhưng ở đời phong-bội mở mang theo ý phần đông người cấp tiến muốn mang hết thầy công việc đời lại trách đến cả bọn nữ-lưu, «thời-buổi nào kỹ-cương ấy», ta cũng lại mong vào cái đám chất hồ vóc liễu kia nữa. Ôi! nếu mà cái đạo xưa nết cũ giữ vẹn được, lại có cái tư-tưởng mới, tài năng mới thời qui-giá đến đâu. Chắc hẳn trong bọn các cô di-dã, hoặc cô-giáo còn trẻ, học-trò còn non, các cô đã được sinh trong xã-hội qui-bản này, các cô đã được soi cái gương tốt của tiên-nhân để lại, các cô hiểu những lời dạy dỗ của tổ-tiên trong những quyển «Nữ-tắc», quyển «Nguyễn-Trãi gia-huấn» v. v., các cô đều biết rằng những cái điều ấy, cái gương ấy, cái thói nết ấy là chân-trọng, là chính-đáng; các cô lượm-lặt lấy các cái tư-tưởng mới, học-tập lấy các cách sinh-lý mới, kỹ-nghệ mới, các cô đừng làm hai chữ «văn-minh», hai chữ «tự-do» mà các cô sai-lạc con đường cao-thượng, thời nước Tô Hồng-Lạc bốn nghìn năm này thực là mong-mỏi vào các cô vô-hạn vậy!

Đến cửa Hội-chợ, tôi dắt đứa bé em theo, cô Đồng-minh chen vào nhứt phát cái vẻ thẳng-trắn, trông như cái cây mai mà nhường thấy trong có cái gì đĩnh-dã quốc của người Pháp, cái áo quần, cái chũm công-lý, chũm học-đạo, chũm phủ-cường, chũm đại-hóa cho các giống hèn yếu của nước Đông-minh, đến cái ngọn cờ của nước Đại-Nam ta, mà nhứt cái tinh giao-thiệp của vua Thế-đệ ở Ba-da-Lộc, cầm cái công-đệ Cao-Hoàng, tưởng đến cái cờ kia, thì hơi hời dân Nam-Việt ta ở đây trong ấy là cái hình-ảnh tổ-tiên, cái quốc-hồn của ta, nay nh

Đại-Pháp đã được chen bóng với các hồn kia, về-vang thay! đáng để ý vào đó vậy thay!

Vừa vào hai giầy hàng trước cửa thời gặp ngay hiệu *Hương-kỳ* cho người bán các ảnh những người Nùng, người Mán, người Mèo, người Thổ, người Nhắng các hạng người ở thượng-du về, coi trong các cái ảnh ấy thực là rõ được các giống người chen nhau rải-rác ở các khe núi chân đồi trong giang-sơn gấm vóc nhà ta, chỉ vì núi non ngăn-trở, ít giao-thông mà chậm đường tiến-thủ; cho nên còn dẫu-ngu, hủ-lận, thô-bỉ hơn ta, e rằng sau này bị cái lệ đào-thải của thiên-diễn mà cũng đến mòn-mọi hết thôi! Tôi có mua một ít ảnh làm kỷ-niệm.

Hai giầy ấy ở ngoài này, thuận là của các hội của những người Tây, bán các đồ chẽ ở bên này, và khai-khẩn ra ở bên này, cùng buôn bán ở bên này, tôi xin thú thực rằng trong lòng tôi đã chứa sẵn cái bụng phục cái văn-minh về kỹ-nghệ, về cơ-khí, về thương-nghiệp, về công-nghiệp của người Pháp rồi, cho nên tôi chỉ xem qua những than mỏ, đồ tơ sợi, đồ sứ và các đồ khác nữa v. v. đi một lượt rồi tôi đến xem nơi khác, kẻo bấy giờ bóng chiều đã xế, thời giờ nó làm cho tôi phải sơ-lược, mà không nhớ được hết. Song nói tóm lại thời cái gì cũng tốt, cái gì cũng đẹp mà phần nhiều là nhân cái vật-liệu hay là thổ-sản của nước ta mà chẽ ra, làm tinh-sảo ra, thế mới biết cũng là của mà vào tay người Pháp thời cái giá-trị nó lên biết thế nào! Ta nên soi gương mà học đòi lấy người Pháp! Trong cái giầy hàng ấy cũng diềm có hàng của người Nhật-bản, bán đồ sơn, đồ vẽ, đồ đúc kèn và kẹo bánh. Đồ Nhật khéo thời có khéo, song tự tôi coi thấy đơn bạc mà không có ý kiên-cố, chỉ dùng để mà chơi thời được, chẽ Tây nhiều lắm.

Tôi giảo bước đi sang phía tay trái nom cái bãi cỏ, sau giầy hàng bên tả có cái ao con, làm cái nhà thủy-tọa bằng lá nổi ở giữa, và một cái diều-dài lợp bằng giang đàng góc kia, coi cũng có cái thi-vị một chút. Đường đó có cái hàng bán rượu bày bán ghê san-sát, tôi trông thấy một người bạn tôi cũng làm nghề đồn-diễn cho nên đương ngồi chạm cốc với các ông Tây đồn-diễn, coi thực là thú-vị, rõ-ràng bình-đẳng, chẳng còn có chút ghê-lạnh gì nhau rằng kẻ Pháp người Nam. Tôi đi qua đây để đến xem chiếc tàu « Perle » nhỏ, cốt sắt mà ngoài thời bằng xi-măng (ciment) trên đèn điện sáng choang ; các ông Tây, bà Đầm và các cô, các cậu con Tây treo lên treo xuống chơi tự-do lắm. Người Nam ta ít người lên được, vì cái tàu ấy nhỏ, người chủ tàu không muốn cho lên đông quá.

Qua chiếc tàu ấy thời tôi liếc một lượt đến các đồ của người Nam ta mới chế ra, học-trò các trường kỹ-nghệ làm, rồi tôi qua hai giầy các hàng Annam, xem qua một lượt, sang ngay chỗ con gà mái bốn chân, người ta dốt vào trong cái chuồng vuông bằng gỗ, hai chân trước đứng đi như thường còn hai chân sau co lên, có người bảo tôi rằng : « ông xem đó mà xem, họ khâu hai cái chân ấy vào thịt con gà này, cho nên hai chân ấy khó đi không có sinh-khí nữa ». Tôi xem có thấy hai chân quặp lên không cựa-cậy được mà khó-khian lắm, không biết rằng có thực thể không ? Có người lại bảo : « đó là hai trứng để làm một ».

Xem qua rồi tôi sang chỗ bày các thứ rau, các thứ hoa, các thứ cây cảnh, rồi xem đến các giống ta nuôi trong nhà là chó, chuột bạch, gà gô, gà sống, gà mái, gà thiên, ngỗng, ngan, vịt, chim bồ câu v. v. Ở các giống chim chơi như khướu, yến, họa-mi v. v., thời nhiều con cũng lớn lạ. Thấy trên ai. Nhưng khác

hay vịt, ngỗng hay ngan những con to hơn các con thường ấy tôi theo gia-nghiêm tôi đi làm quan thừa bề đã được từng trông thấy nhiều khi, lại thường khi được ăn thịt các giống ấy nữa. Nhưng thịt nó không ngon bằng thịt các con thường, vì nó béo quá, xương nó cứng quá, da nó dày quá, chỉ là để chơi làm cảnh và dùng làm cỗ thờ-thần là đẹp mà thôi, vì nuôi lâu năm mới được to như thế, mà cũng có giống có thể to được thời nuôi mới nên to hơn các con khác.

Rồi sang đến nơi các thứ dê, dê đực, dê cái, dê sỏm, dê con, dê nhỡ, con béo, con gầy be be trong các khoang các cũi, cùng với đàn-cừu lông tốt mà trắng, lông mượt mà sẫm. Coi xinh thay cái cách xếp đặt các khoang. Gần đây có cái khoang những ô dê lợn : lợn nái, lợn sề, lợn con, lợn đực, con to lớn hip cả mắt, con bé nhỏ mình thật lẳn, lẳn con vừa dài vừa cao, vừa béo, khi tôi học ở Sơn-tây cũng đã được xem những làng về vùng Nam-an, Cốc-thôn, Thịnh-thôn, Cam-giá, làm con lợn khác thường như thế, người ta gọi là ông « Ý » để mở thịt thờ thần, cũng như các con gà tôi nói truyền trên kia, người ta cũng gọi là ông « Ý ». Ôi ! nghĩ đến cái lòng nghẹn ngào kinh trời thờ thần chân-trọng biết là sao. Thế mới biết dân mình là con cháu trời đất ơn nghĩa, sùng-bái người hay tôn-trọng các bậc anh-hùng liệt-triết, dẫu đời xa người khuất vẫn còn đeo nặng tâm lòng yêu nước ở trong, đến đồ cúng tế cũng phải cầu thần mà nâng-niu qui-trọng nhân nghĩ đến mà nói vài lời. — Tôi xong đó tôi qua đến những cái nhà nuôi trâu, nhà chứa bò, nhà chứa ngựa, kiểu nhà gạch phẳng ở trên ngựa đứng, khéo mà vừa-vặn, lại riêng một nhà nuôi ngựa cô để phát cho các giống. Có một con bò dài mà to được giải nhất, còn nhiều

con bé hơn con bò ấy mà to hơn các con bò ta thường gặp nữa. Trâu ngựa thời cũng nhiều con béo tốt lắm. Hết các chỗ ấy, tôi đi ra đến chỗ sở Thú-y cất người đến để trông nom vào các con trâu, con bò, con dê, con lợn đem đến Hội-chợ, gặp người anh em, cùng học bảy giờ đã đỗ Thú-y, đứng nói truyện, đã ba bốn năm trôi nay, mỗi người một nghề, mỗi kẻ một nghề, nhân ngày Hội-chợ mới được cùng nhau hồi sự bình-yên, vui lòng thay !

Trời đã gần tối, người vẫn còn đông, thằng bé em giục về, tôi phải vội qua giã các đồ sản-vật và kỹ-nghệ của xứ Nam-kỳ, Cao-man, Văn-nam và tỉnh Hà-đông là tỉnh nhà tôi. Rồi ra lối bên hữu liếc qua các nhà Mán, gặp một toán nhạc-bình Lang-sa đương thanh cao hòa nhạc nghe thú sao ! Đền điện bật lên khắp các nơi, người về năm-nạp, xe chày âm-âm, hai anh em tôi phải trở về nhà, thằng bé con xem ý thích lắm, mà riêng tôi ngồi mâm cơm ăn thuật truyện cho người nhà, nghĩ đến cái vui Hội-chợ mới lại nhiều lắm vậy. Thế nhưng mới xem qua một buổi thời chưa xiết được, cho nên tạm đề tu-tướng đi sang sự khác, mà lòng thời quyết đến sáng hôm thứ sáu là đi xem cho thật tỏ-tướng.

II

Sáng hôm sau, tiếp tục bạn thân, khuyên nên đi xem hội-chợ cho kỹ về làm một bài kỹ-từ đăng vào tạp-chí Nam-phong, cũng tôi đã sẵn có, nay lại được cao-mưu này nữa, ta lại đi cho đến nơi nào.

Trời mưa phùn, đường bùn lầy, treo lên xe nước bám tạt vào mặt, đến khi đến cánh gà áo tôi chẳng trờ đường, nhưng tiếng xe đi rầm rầm cũng đồng người bạt như mình. Đến Hội-chợ n

vằng hơn hôm qua. Mà giầy hàng ngoài có một vài nơi đóng cửa. Tôi đi đến khoảng thứ 6 gặp ngay một người anh em thân, cùng nhau xem đồ lơ của nhà máy sợi Nam-di-h làm rất công-phu, dệt ra các thứ lụa, nhiều theo lối tây mà những con tơ của ta đem làm ra từng cuộn treo rất là ngoạn-mục, khi bước chân ở đó ra nghe tiếng kèn ở các khu nhà Mán, Mèo, Thổ, thổi lên lại xen có tiếng thanh-la tiếng trống bèn rủ nhau đi từng lều một mà xem.

Thoạt tiên vào cái lều Thổ và Nhắng ở Lào - kay về, ngồi ở cái lều ấy mà trông ra là gần cửa bên hữu tôi còn nhớ chiều hôm qua, ở chỗ ấy rào nửa chung quanh, có một ông Tây ngồi ở cửa để thu tiền, những người lớn trẻ con ai vào xem thời phải trả hai xu, trong ấy bày các đồ chơi, mấy thằng bò-din bằng gỗ đeo mặt nạ, ăn mặc như vua Uy-liêm và các tướng Đức trông hung-ác lắm, song liếc thay không hồn ! Lại có cây đu ước chừng năm sáu cái đu giầy đu treo cái thuyền sơn xanh, cứ hai cậu bé hay cô bé trèo vào ngồi trong thuyền ấy cầm cái giầy dún lên cũng bồng lắm. Mới hay cách sinh-nhai của con người ta ở đời văn-minh này sinh ra lắm lối lắm vậy. Nhưng hôm ấy trời mưa nên chỗ ấy không có gì cả. Hai người chúng tôi vào chơi cái lều ấy, ông Lý bọn Nhắng và Thổ-đen ấy đã bạc đầu râu, ăn mặc y như chú Chiệc, ngồi ở giữa, còn các cô các cậu Nhắng kẻ ngồi, người nằm, anh ngủ ngáy o o, cảnh-tượng rất là tự-nhiên. Chúng tôi ngồi nói truyện một lúc, ông Lý dẫn-giải cho hay mọi thứ người, gọi các cô con gái ra, có hai cô ăn mặc áo mới ba như là các cô đầu Hàng-giấy, mới nhìn đã tưởng chị em trong xóm Bình-khang sớm bên hơi đồng mà từ chốn phồn-hoa bạn cùng chân xim bóng đá, mãi mới dám cầm lấy cái diều cày hút phép hai cô, thời lời oanh

thưa lại ngọng-nghịu mới dám chắc là chị em đường ngược thật! Ai ngờ người Nhắng, người Thổ-đen mà bề ngoài như thể làng khuê-tú dưới Đồng-bằng, chỉ vì ngây-ngò một chút mà thôi! Cho hay văn-minh cái quần cái áo thời dễ, chữ văn-minh cả người thời khó lắm thay!

Các lều ở trong cái khu ấy nhà-nước lấy kiểu đúng như ở trên đường ngược, các dân ấy cư-xử nhà cửa thế nào nhà-nước làm như thế, những hạng người ấy nhà-nước phát cho mỗi ngày mỗi người 0\$40, trẻ con 0\$20, còn các ông Lý và các quan Châu thời khác, tôi hỏi thấy họ nói thế. Họ ăn ở thô-lược quá chừng. Ông Lý ấy ở Lào-kay có mền-đay danh-dự (Médaille d'honneur) nói với chúng tôi rằng: Có chân nghị-viên ở Tư-vấn nghị-hội Bắc-kỳ.

Chúng tôi lại sang một lều Thổ-đen và Mán khản đỏ, thấy Lý ấy trẻ tuổi, ăn mặc khách, tay cầm ba-toong, biết tiếng tây, vợ cũng ăn mặc như dân-bà Tàu, ra dáng lâu-linh lắm. Có hai cái mền-đay bên võ, thấy Lý ấy coi bộ nguyên là người Tàu sang lộn vào dân Thổ mà làm dân anh, cho nên ăn ở sạch-sẽ hơn, tôi vào thời nhâm lúc sai người đi vẫy nước *Créstyl*. Vẫy xong, thấy ngồi sai đàn em thổi kèn, đánh trống, nổi thanh-la lên; kèn thời chỉ *tó-te tí-te*, còn các cái kia đình cả tai, nhưc cả óc. Ôi! Minh lấy làm không hay, họ chắc thù lắm vậy! Cho hay cái tâm-lý con người ta, thế mới biết rằng cái sự yêu ghét, sự vui buồn của mỗi hạng người một khác nhau.

Qua sang những lều Mán-Tiền Chợ-Rã, các người Mán Cao-lan, Mán quần trắng, Mán Mèo, Mán Xá, Mán sơn-dâu, Mán Thanh-bản, Lồ-lồ v.v... bọn thời ở Sơn-la về, bọn thời ở Bắc-kạn xuống, bọn thời ở Tuyên-quang ^{ở Sơn-la về} cái lều người Thổ dân ^{trên ai}

đỏ và biển chữ đề, có bốn chữ: *Hồ-việt-nhất-gia* 胡越一家 và mấy câu đối nôm bằng tiếng Thổ, tôi hỏi thời ông thầy đồ Thổ nói rằng: ý nói Hội-chợ vui mà thích rằng được Nhà-nước cho về đề cùng người Kinh (Thổ gọi người Đồng-bằng ta là người Kinh) cùng họp. Thông lắm! Ôi! cho hay cái cảm-tình đồng-chúng đồng-tộc không phải là người ngu-dần lại chẳng biết chi. Cái sức thiêng-liêng nó khiến người trong một nước tự-nhiên thương sót nhớ-nhung nhau.

Trời mưa nặng hột, tôi và người anh em tôi quanh-co khắp các lều đến ba giờ đồng-hồ rồi mới bước chân ra ngoài khu đất ấy. Khi tới ngồi nói chuyện hay đến thăm các nhà Mán thời tôi nhớ ngay lại khi còn 15, 16 tuổi theo gia-nghiêm đi làm quan; khi châu Văn-lãng, lúc phố Đại-từ, nào chơi Chợ-chu, nào qua sông Hoa-ngạc, treo đèn lặn suối, lên thác xuống ghềnh đã nhiều phen cùng bọn lính Thổ lính Mường chui lau lách sậy, đánh cạm cây cạm cáo, bắn gà cỏ gà gò, đánh nhựa chim lười chim, khi đốt bụi nửa đề phòng cọp, khi phát lối giành kéo bện chân, đến bây giờ gặp-gỡ người đã quen, bồi-hồi nghĩ trước, thắm-thoản mấy chốc nữa ^{nhưng} lúc đầu đã diềm sương mới, mưa ^{đưa} hoai-bão của mình chưa ^{đưa} ba. Ông xanh còn định xoay ^{ngư} đến đâu?

Từ ngày mưa, tôi ra ngay chỗ kỹ-nghệ ^ở Hà-Đông tôi làm, tôi nhận kỹ cả 風 ^{khám} ngũ kim và sà-cừ của ông V ^{Định}, mới chế tạo được 4 năm 寒 ^{có} được thưởng chương-mỹ-bộ ^{thứ} ba; những các thứ gấm tự chế ^{mới} dệt thực kỹ và khéo của ông ^{Đỗ} Văn-Ái và ông Nguyễn Xuân-đỗ ^{đồ} chạm gỗ các thứ khay, đĩa tủ ^{trọng} v. của hai ông Nguyễn ^{Đức} Hưng và Nguyễn Đức-Đầu; và các (bouton) bằng sứng

của ông Đỗ Văn-Xương ; các thứ đồ thiếc ; khay hộp, chén chạm hoa rìa bóng khéo lắm của ông Lê Văn-Cảnh, Các đồ đồi-mồi của ông Đào Tể-Ất ; các đồ đan bằng mây và bằng tre của ông Nguyễn Văn-Liệu và các hàng chè của Hiệu Phúc-xương ở phố Cầu-Đơ, chè hạt, chè mạn đóng bao rất kỹ mà trang sức bề ngoài cũng nhã. Xem ra các nghề có khéo, có tốt cả, chắc tiến-bộ còn nhiều, xin các nhà kỹ-nghệ tinh ta gắng lên cho. Một mai càng ngày càng tốt càng khéo càng thêm ra lắm thứ đồ cần dùng cho ngày thường của mọi người họa có khi chán-choi với thiên-hạ được, thời nước ta được nhờ ở các ngòi về đường ấy nhiều lắm. Tôi lấy làm mong ở các ngài vô-hạn.

Giấy ấy có các sản-vật ở Văn-nam các chú đem về, và các đồ tơ lụa Cao-man chớ sang, rồi đến đồ Trung-kỳ và Nam-kỳ ; xem ra Bắc-kỳ ta về đường công-nghệ kỹ-sảo có tiến hơn các xứ trong cõi Đông-dương. Xem xong tôi nhìn lại cái khu đất ở sau nhà Đẩu-sào canh-nông ấy, hồi tưởng khi 17, 18, nghĩ rằng nước mình là nước chuyên nghề làm ruộng, nhà mình sâu ruộng thời và ruộng canh-nông mà học nghề làm ruộng. Ấy chỗ này là trường canh-nông. Ở đây, ta đến kỹ phải hành cùng anh em đào cây, khi rổ cỏ, lúc bắt sâu, kẻ trộn phân, luống, kẻ ương hột giống, ruộng, những lúc mót đất cùng nhau ngâm trời đất mà truyện xa truy anh kia ở Bắc, trường học Hội-chợ, những luống ta giống, những luống ta bón, đã thành ra các Anh em đồng-học khi ấy

cũng đã quên nhau cả rồi thời phải. Ôi ! Cái gia-đạo ở buổi giao-thời ! Ai ngờ ta học một đường ra làm một nẻo, thế mới biết trời già thực vẫn hóa-nhi, hay bắt con người ta trái cái bụng muốn của mình. Mà anh em chắc cũng nhiều người dễ nghề khác đời, chỉ vì chẳng hay đi lại với nhau mà hóa chẳng biết nhau sao đó thôi ! Song nực cười ta, học thực-nghiệp mà làm việc văn-chương, hai cái trái hẳn nhau. Cái cảm-tình của tôi khi ấy thực không còn bút giấy nào mà tả được, thôi để đó hãy nói sự đi xem.

Trời vẫn mưa phùn, tôi sang hai giấy hàng của các hiệu người Annam ta bán ; Các đồ cũng thường hàng ngày vẫn bán ở các hiệu trong thành-phố Hà-nội và các tỉnh, như đồ thêu và đồ dăng-tên (dentelles) cùng những cái phi-lê (filets) của Hiệu Nam-chung phố Hàng-quạt, giấy tây và đồ da của Hiệu Chính-hiến phố Phúc-kiến, các thứ chè của Hiệu Ich-phong, phố Hàng-nón ; đồ thêu của hiệu Phạm Văn-Khoan phố Hàng-trống, và hiệu Đỗ Thúc-Kỳ ở Bắc-ninh, chiếu cói của hội Nam-phong Trần-Văn-Hiền Thái-bình, đồ tơ lụa dệt theo các hàng tây của hiệu Khánh-vân ở làng Ngọc-hà tỉnh Hà-dông tôi, chế được các thứ cũng chẳng kém gì của sở máy tơ máy sợi Tây ; nước mắm trắng của hiệu Quảng-cát ở đường Armand Rousseau, cùng với nước mắm hiệu Liên-thành trong Chợ-lớn Nam-kỳ, hai bên tương-dương nhau ; các hòm bằng các thứ gỗ của hiệu Tường-long phố Hàng-bát cũ, và hiệu Đức-lợi Hàng-hòm ; các đồ khảm của hiệu Hòa-kỳ Hàng-khay, và hiệu Lương Văn-Huê Hàng-dồng ; các đồ đồng của hiệu Vinh-thái Hàng-bát ; hiệu Nguyễn Văn-Thư Hàng-dồng, hiệu Phùng Văn-Xuân, và hiệu Hàng-bát ; khăn và mũ của hiệu Hai-chính Cầu-gỗ ; cùng

các hàng vật khác v. v. Xem ra thời cửa hàng nào cũng xinh-xắn, các đồ chế ra cũng tinh-sảo cả, chắc rằng sau này tiến-bộ lên còn nhiều cái lạ cái khéo nữa. Vậy dám mong các nhà công thương nước ta trong khu ấy hết lòng mỗi ngày một chế ra kiểu mới đồ mới, tìm cách mà làm những cái thiết-dụng cho người ta để dành lấy mỗi lợi-quyền cùng ngoại-quốc, nước ta thực trông mong ở các ngài nhiều lắm.

Tôi đứng lâu nhất ở chỗ mà đề cái máy con đã gạo, cái máy ấy người chế đã khéo, song chỉ chơi được thôi. Mà có làm lớn lên cũng khó dùng được, vì nếu muốn lợi-dụng được nó phải chế thêm thế nào nữa mới được. Ấy là ý riêng tôi tưởng thế, tôi không sành nghề làm máy, cũng không dám bàn hộ người chế máy điều gì. Xem xong đấy, chúng tôi kéo lại chỗ các đồ của trường kỹ-nghệ Bắc-kỳ mới chế lắm đồ tốt mà đẹp lắm, cũng lắm đồ tiện-dụng hằng ngày cho người ta như chổi, bàn-chải, chiếu dứa giải dất, ghế, bàn bẳng thừng kết thành và bằng mây bằng gỗ giầy bằng mây đi tối v.v. Coi đó đủ biết nhờ ơn nhà nước Bảo-hộ dạy dỗ cho, mà học-trò trường ấy cũng gắng sức tiến lên con đường tinh-sảo, chắc càng ngày càng làm nghề khéo mãi lên vậy.

Trời deo hạt mưa xuống rất mau, tôi cùng người anh em bạn đi dạo bước ra về, tạt qua một lều Mèo-den nữa, đề cùng nhau hút thuốc lão, thấy có cái bàn thờ nhỏ, có hai câu đối hai bên cửa khám thờ rằng :

*Mang tiếng mèo đen nhưng dạ đỏ.
Đã từng trên núi lại đồng bằng.*

Hỏi ra mới biết của một ông đồ người Mèo-den làm, nghe cũng có ý vị thay! Trong cái lều ấy bước ra, từ-giã người bạn thân rồi mỗi người một ngã, tôi trở về nhà. Chỉ tiếc rằng mình xuống gặp cái khu nhà chứa các đồ Nam-kỳ và Trung-kỳ đóng cửa! Hôm trước nhìn qua chưa được kỹ lắm.

Tôi lên xe về, cái cảm-giác của tôi nó nồng-nàn vô-hạn, mỗi một chỗ tôi xem là một lòng mừng, lòng mong, lòng ao-trước. Về vấn-đề thực-nghiệp nước ta còn kém cỏi quá, ngày nay mới được ít nhiều tranh-cạnh với đời trong đám thị-trường, còn phải mong mỗi trước-ao cho được thêm lên thôi mới hòng cái cuộc kinh-tế nước mình phát-dạt được. Trong cái Hội-chợ Hà-nội này, quan Toàn-quyền SARRAUT mở ra cũng là để cho đường công-thương nước mình nhờ đó mà tăng-tiến lên, ngài họp hết các hạng người trong xứ ta lại cho quen thuộc nhau, giao-thiệp với nhau, để dễ đường mậu-dịch sau này. Cái ích-lợi Hội-chợ ai ai cũng đã rõ. Nay tôi là người thăm cảnh gọi có vài lời tả-cảnh tả-tình để giải cùng bạn đồng-đạo. Ước rằng mỗi năm rồi lại một lần chép bài kỹ-thuật chơi Hội-chợ này một khác đi. Cái đó là ở sự tiến bộ của nhà thực-nghiệp vậy. Viết đã là hết, xin nhắc lại rằng: quan Toàn-quyền SARRAUT hiện nay bệnh-đi gần bình phục rồi. Quốc-dân n

Hanoi, le 10 Décembre 1918

NGUYỄN MẠNH-BÔNG

Cháu trên ai.

ác bi lần

LỜI CÔNG-LUẬN VỀ CÁI THƠ THẦY NG.-H.-V.

Bản-báo lại mới tiếp được cái thơ sau này ở Huế gửi ra, xin cũng y nguyên-văn mà đăng cho rộng lời công-luận

Thơ « cực chẳng đã » hỏi Nam-Phong

Cực chẳng đã nghĩa là thôi không muốn nói; nhưng nói chẳng lẽ thôi; vậy phải có mấy lời, xin ngỏ lại *Nam-phong* thử.

1° *Nói cho sáng thế-lệ.* — Thế-lệ nước mình, xưa nay đều dùng chữ Hán cả; bịch đánh Nguyên đời Trần, cáo bình Ngô đời Lê, buổi chữ Hán thịnh mà quân Tàu, phải thua, vẫn đã có nghiệm. Đến lúc Thánh-triều mới mở nước, phong ông Bách-đa-Lộc, trước là Bi-nhu Quận-công (悲柔郡公), mà văn tế cũng dùng chữ Hán; phong chúa tàu Long, chúa tàu Phụng là Quận-Chấn, Quận-Thắng (阮文震, 阮文勝), mà đặt tên cũng dùng chữ nho; giao-thiệp với qui-quốc còn làm vậy, huống là trong nước. Đức Hoàng-đế trên nổi nghiệp xưa, ngoài đôn lân-nghị, nhơn hiếu rạng nghe bốn bề, ân tín rộng khắp muốn phượng; nên Chiếu-Dụ giữ lệ thường, chính là khuyến khích nhơn-tâm phong-tục đó. Mới rồi Đức-đế lại mở một binh, mà đầu đơn như chớp, tôn quyền quyen trái, mà phun bệ, nhơn dân lòng dân ngày nay, cứ da, nhơn dân ngày xưa, nên thế-lệ bấy giờ, phải theo thừa trước.

Thơ nó nói muốn thoro trong nước, thời cứ lẽ chung, bác, theo chuyện phải mà bản; s, dám nói ngược, nói ngang. không, kinh-nhường, nói vô-phép! Nếu bảo rằng, y giờ dư luận tự-do, ai muốn nói r, thời nói; nhưng nói những câu nga, trái, chẳng là hư-hại nhơn-tâm lắm h, ao? Nhơn-tâm hư mà có lẽ văn-mil, g, nhơn-tâm. Nếu bảo rằng nó là người, nói, nhơn-tâm.

chi cũng chẳng làm chi, thời thơ nó gửi đăng báo, vấy ra cả Trung-kỳ Bắc kỳ, sao nó dám nói đến quá lời, coi trời như lá má? Nó đã không kính-nhường với trong nước, còn biết kính-nhường với bề ngoài nữa đâu? Luật bất-kính đã rõ-ràng, tưởng nên xin tòa án Nam-kỳ nghĩ-xử.

2° *Nói cho tỏ lòng dân.* — Lòng dân nước mình, xưa nay lấy cương-thường làm trọng, gã Ngô vô-lễ, sao hậu ngự biết vác gạch mà quăng? Chú Chiệc làm xằng, sao chị Đào biết bô thùng mà nện? Bởi vì, tác cỏ ngọn rau, ơn vua lộc nước, bụng tôn thân ai cũng như ai, chẳng những Trung-kỳ Bắc-kỳ mà thôi, chớ cả Nam-kỳ nữa cũng thế. Xem như Tam-hùng nghĩa-khi, Lục-tinh trung-thành, tiếng-tâm còn rực-rỡ sử xanh, ai mà chẳng tai nghe mắt thấy. Mãi cho đến bây giờ, những người ra làm việc, cũng nhiều kẻ ăn ngay nói thiệt, giữ nết gìn lời, chẳng phải mền đức Triều-đình dạy nuôi, nhờ ơn Bảo-hộ diu-dắt, mà được như thế hay sao? Há có một ai mà ăn nói như cái thơ nó hử? Nếu nó không biết chữ; thời nó chỉ nói lấy mình nó, sao nó dám vu cho cả Nam-kỳ? sao nó lại vu đến cả những bậc Cao-đẳng nữa? vu mà đến nỗi ra rủa, tưởng Nam kỳ là một xứ lòng trung khí nghĩa, cũng nên nghĩ phạt cho nghiêm.

3° *Nói cho thấu gốc tiếng.* — Nước mình hơn mấy ngàn năm nay, ăn ở cùng nhau, sống chết, cùng nhau, dầu những lúc chưa yên, như buổi Lạc nổi Hùng

truyền, sao biết phân giống Rồng giống Tiên ? sao biết gởi xin gươm xin ngựa ? Dấu những người chưa học chữ Hán, như những hạng đàn-bà con trẻ ; sao người này nói, người kia hiểu ? Sao xứ này nói xứ nọ nghe ? Tự thừa lọt lòng cha ra lòng mẹ, để người mà tiếng cũng dễ theo ; về sau ăn thời vóc, học thời hay, giữ tiếng mà hồn cũng phải giữ. Thơ nó nói : thương tiếng mẹ-dễ, chỉ biết có mẹ, sao chẳng biết có cha ? Đặt tiếng « sao đất », chỉ biết có đất, sao chẳng biết có trời ? Bao ông Trương Vinh-Ký dựng hồn cho tiếng mình, thời buổi ông Trương Vinh-Ký chưa sinh, hồn tiếng mình bởi đâu mà dựng ?

Ờ ! Ờ ! Nếu cột-dồng ai dựng, lạch quynh sắt ai đào, cát lấp sóng vui, hồn Mã-Viên Cao-Biên sao vắng vắng ? Tháp Đồ-bàn còn kia, thành Ấng-cổ còn nọ, sương che rêu phủ, hồn Chiêm-thành Chơn-lạp biết đâu đâu ? Buổi ông Lý-Thường-Kiệt đánh Tàu, hồn ai ngâm bên

thuyền sông Nguyệt ? Lúc ông Trần-Hưng-Đạo giết Chặc, hồn ai vừa chơn ngựa trước lãng thế chớ ? Đều chẳng cần bác từng câu từng đoạn làm chi thêm phiền ; chỉ một đoạn nó nói đến Bè-Trên, mà qui-báo có chằm đi hai khúc, chua vào mấy hàng ; thời không nói không được. Hỡi ơi ! chằm, chằm chằm ; chằm bao nhiêu lại tìm gan bấy nhiêu. Hỡi ơi ! chua, chua, chua ; chua chừng nào lại đau lòng chừng nấy. Nó nói đau lòng sùng sùng nỏ, đau lòng gỗ gỗ kêu, chớ nào nó có đau chỉ đâu ? Chỉ làm cho người ta thêm đau đớn ! thêm dằn-giụi ! nổi tức-tối ! nổi buồn-rầu ! Vậy phải mượn ngòi bút Xuân-thu ra tay phủ-việt.

Nam-phong ôi ! Nam-phong ôi ! đã đáng thơ nó, xin đáng thơ tôi ! kéo thôi không muốn nói, nhưng nói chẳng lẽ thôi : một muốn cho sáng thế lộ, hai muốn cho tỏ lòng dân, ba muốn cho thấu gốc tiếng mình, nên « cực chẳng đã » mà phải nói.

Nam-son NGUYỄN NHU-SÔNG

Lại đọc thấy trong Lục-tinh-tân-văn ở Sài-gòn một bài của ông CHU LĂNG-VÂN cũng bàn về cái thơ thầy Ng.-h.-V., xin trích ra và đăng sau này.

Từ từ lời nói

Tôi coi trong Nam-Phong số 16, cái thơ ngô của ông Ng.-h.-V. người Nam-kỳ, bài-bác cái lối của ông Phạm-Quỳnh nói nhiều chữ nhọ quá, là thơ ấy mới coi ở đầu thời phải bật cười, sau xem xuống gần hết cái thơ, thời mới rõ ràng ông Ng.-h.-V. có tư-tưởng rộng, có tri-thức cao, song chỉ tiếc ông nói khí giải lối-thói quá, và trong lòng ông hơi nóng-nảy, thương nói giống, thương tiếng nói của mẹ quá cho nên ông hăm-hăm cầm bút viết cũng chẳng nghĩ chi đến tiếng thô-tục, tiếng nôm-na và cũng không xét lại cái thơ ông viết có còn sót chữ Chặc vào không. Mới mở đầu là thơ của ông đã thấy nhiều chữ Hán rồi.

Tôi tưởng ông Ng.-h.-V. hãy xét lại cái thơ ông viết đó thời ông hiểu cái chữ Hán nó đã in vào óc con người ta mấy ngàn năm nay, có như thế đã thành ra hẳn tiếng ta rồi, và đàn-bà con nít và những người học chữ Tàu bao giờ, cũng hiểu nên quen miệng và cũng không cần hỏi han-đổi làm gì, để vậy cũng là điều ra.

Có một người bạn của ông Chủ-bút Nam-Phong khi nhiều chữ Tàu thiệt, bọn Tân-thời ta, có lúc coi cũng tức mình ; là ông coi phải ngừng lại mà nghĩ hoặc phải coi tự-vựng, song tức thời tức thì cũng phải ném xuống mà đọc đi lại chút để sau tiếng của

minh dặng thêm nhiều ra, ông cứ khăng-khăng rằng không phải mượn tiếng ngoài thời không được, sao như tiếng Đại-Pháp là một thứ tiếng rất rộng hơn cả toàn-cầu mà còn mượn tiếng Latinh, Hy-lạp; dịch một quyển Cách-trị, Hóa-học, như những chữ: *Oxygène* chữ Tân là *dưỡng-khi*, *azote* là *đạm-khi*, *sulfate de potasse* là *Hôi-lưu-dưỡng*, *carbonate de potasse* là *Hôi-thần-dưỡng*, vậy mà ông nói dịch nguyên tiếng Annam thời dịch sao được.

Còn những tên tỉnh, tên xứ như là Washington, Sài-gòn mà dịch theo tiếng Tàu là Hoa-Thịnh-Đốn, Tây-Cống thời cũng khó nghe thiệt.

Vậy cứ như ý ngu của tôi, nên dùng tiếng Langsa mà dịch theo ra tiếng ta thời hơn, còn những tiếng nào, mình đã dùng quen chữ Tàu rồi cứ để nguyên cũng không hại gì.

Nước ta đương lúc thời-đại đổi cũ thay mới phân-vân, cách ăn bận, cách ăn nói, cách viết thơ từ cũng còn hộp độn quá, ngồi lẫn-thẫn một mình nghĩ lại hồ người một mình; đã như có một người ngoại-quốc thấy cách mình nhỏ-những như vậy cũng phải tức

Không cái gì khó coi bằng: đội mũ Tây, chơn mang giày tây, bận cái áo Annam giải lạt

Còn khi viết thơ, trên *cher ami*, ở giữa nói bằng ngữ, dám pha thêm một vài *toi, vous*, rồi sau hết *Bien ôc* khó coi nữa.

Nếu cứ xét mãi như vậy thiếu gì chuyện, song tôi đề sửa lại lần lần mới được dân mà bắt sửa ngay, tôi e

vi xưa kia mình đã bị anh dúi là anh Tàu dặc mình vô trong xó tối đã bao nhiêu năm rồi. bây giờ mình mới được nhờ ơn Đại-Pháp cầm cái đuốc giới sáng dặc ta ra khỏi chỗ tối tăm mà đưa ta đến chỗ văn-minh.

Nhờ cái đuốc sáng giới của *hảo-hộ* đó, ta mới biết, mới ngó lại chỗ cũ là chốn Địa-ngục.

Nhân dịp được cái ánh sáng của quan thầy mà các ngài muốn hớp tớp đi cho mau tới nơi, tôi sợ có khi vấp, vậy không gì bằng lần lần bước tới, đi bước nào chắc bước ấy còn hơn.

Một quyển *Télémaque* là một quyển khó dịch ra tiếng Annam thay mà cái tài ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng khá khen, đã công-phu, khổ-tâm mà tìm tôi, moi móc tiếng Annam mà dịch nổi. chớ có phải là người biếng mà mượn chữ Tàu đâu. Xét cho kỹ thời ông Ng.-h.-V. chớ có nên trách ông Quỳnh vội.

Vậy thời ông Quỳnh nên lấy lẽ công bằng, lấy các lời ich chung, mà nghe một chút xiểu người đồng bang Nam-kỳ mà đặt thêm làm gì những tiếng chữ Tàu mà ta có thể nói tiếng Annam được như là tiếng *Bác-lâm-hội*, mà tiếng ta có tiếng là *hội Đẩu-xảo*; tiếng *Báo-phục*, ta có tiếng là *báo-thù*, *trả thù*, rồi thời có phải ai ai cũng hiểu không?

Tôi là người ở giữa, tôi viết bài này không có ý bài bác ông nào cả, cứ lẽ công bằng, cứ lẽ tự nhiên mà nói, còn những câu dư-luận cao xa, xin nhường các bậc cao minh xét nghĩ,

CHU LÃNG-VÂN

(Lục-tỉnh Tân-vân, 28 Novembre 1918)

TIỂU-THUYẾT MỚI

Bản-báo mới tiếp được bài tiểu-thuyết sau này của một sinh-viên trường Cao-đẳng-sư-phạm (Ecole supérieure de Pédagogie). Cách đặt-đề, lời tả-thuật cũng đã khéo và hết được như lối tiểu-thuyết mới ngày nay. Bản-báo rất vui lòng đăng ra đây để khuyến-kích các bạn trong học-giới nên ra công tập-luyện cái lối văn mới ấy, sau này tất giúp cho quốc-văn được nhiều.

Đại-khải bài này dùng lối tả-chân, hoặc tả cảnh, hoặc tả tình, hoặc tả cái cách ăn nói đứng ngồi của người trong truyện, đều vụ lấy cho hết như thực, hết như là việc có hiển-nhiên. Tuy nhiều chỗ còn hơi rậm bứt một chút, như những đoạn mấy người than khóc với nhau quá, nhưng đại-đề cách dẫn bài đã khéo lắm, kể thuật có tình có lý, tình nào hợp cảnh ấy, và có cái ngụ-ý cao xa.

Ý truyện là muốn tả cái cảnh khổ dân dân em bị kẻ dân anh trong làng áp-ức, nhà nước sức lấy người tình-nguyên mà bọn đó thường đi cưỡng bắt người ta, để những người yếu về. những nhà con một thì gọi đến, lắm khi làm tan-hoang cả cửa nhà người ta. Tình-cảnh đó quan trên thường không biết đến. — Tác-giả nói việc trong truyện này là chính tác-giả đã được mục-kích.

PH. Q.

Cái oan càng nghiệt mỗi tình càng to

Ở đầu làng kia có một nhà nho nhỏ, mái tranh tả tơi, cửa phen thủng nát; trước cửa có giàn mướp đã tàn, đằng sau vài cây chuối lơ phơ, mấy tàu lá rách; chung quanh những ao cùng ruộng yên lặng như tờ. Trông thật là nơi ủ-ê, lạnh-lẻo, buồn tanh; khách qua đường thường không ai nhìn đến; mà có nhìn đến cũng bảo là cái lều tranh của người cấy thuê cấy mướn gì đây; trông cảnh nghèo hèn mắt thường ai chẳng đoán ra người trong cảnh cùng nghèo hèn.

Một hôm trời gần tối, trông mặt người đã nhò. Có một người đàn ông, ở nẻo sớm trong đi về. Trông chạc mới độ hai mươi lăm hai mươi sáu tuổi; người tầm thước nhưng mảnh rẻ; mặt mũi nhả-nhặt, mà ăn mặc ra lối nông-phu. Trông nét mặt hăm hăm như tức bực, hai chân bước thật nhanh như vội việc gì. Bước vào đến ngõ đã thấy có bóng người đứng đợi, hình như vợ ẵm con đang đứng trên ai.

« — Sao đây anh? — Hồng... »

Liên lúc ấy lại có tiếng bà cụ trong nhà hỏi ra: « — Sao con? Con có phải đi không? Không việc gì chứ? ... » Bà cụ lật-đật bước ra vừa đi vừa hỏi; anh ta trông thấy liền đỡ tay mẹ dắt vào và bảo vợ ngồi đèn.

« — Mẹ ngồi xuống đây. » Bà cụ không dám việc không lành, chân tay run run ngồi trên đống rơm rết, vội vàng ngồi xuống gần con. Bà cụ cầm lấy tay con, mà hỏi rồn: « — Sao đây? con phải đi à? .. Con phải đi ư? » Người vợ vừa ẵm con vừa đi thì anh ta vội vàng lên châm đèn rồi đứng ngoài cửa sổ, trông thấy gió thổi, mặt thì xanh nhợt như người ốm. Anh ta trông mẹ trông vợ trông con, lòng càng thêm đau đớn; như oan-ức, như thảm, như đau từng đoạn, như ngắt từng khúc, muốn nói mà không ra tiếng, muốn khóc mà không ra hơi. Cứ trông nét mặt anh ta nhợt như chết đuối, nước mắt trên mắt anh ta muốn tuôn ra, thì cũng đủ lòng đau đớn thế nào, cái con anh ta cầm là đường nào. Anh ta vừa

khóc vừa nói : « — Mẹ ơi, làng đã cử phải con rồi, quan phủ đã chăm rồi, con kêu mãi không được, mà đến mai con đã phải đi rồi. Thôi mẹ ơi, rồi đây mẹ không thấy mặt con, con không được nhìn mẹ nữa ... » Anh ta nói đến đây, ửng lên mà không nói được. Bà mẹ run lật đặt gọi con : « Con ơi ! ... Con ơi ! ... — Này mẹ ơi ! ông Trời hại mẹ con ta cho đến nỗi nào ! Cha con mất đi tự bấy, được mỗi mình con ; nhà thì nghèo, con thì dại, họ hàng chú bác không ai nhìn nhận. Bơi đất nhạt cỏ, mẹ đã từng bữa cháo bữa rau mà nuôi cho con nên được thế này. Nhà nghèo khổ, con phải xếp cái nghiêng cái cháp của cha con để lại mà mang cái cấy cái cuốc ra đồng, cây cấy cho người để kiếm bát gạo về đỡ mẹ nuôi vợ nuôi con. Cam phận cơ-hàn con đã mừng trong nhà yên ổn. Lúc sớm khuya, mẹ mẹ, con con, bà bà, cháu cháu, vợ vợ, chồng chồng, mong đem chữ hiếu-thuận hòa-hợp làm vui, dầu lưng rau đĩa muối cũng là ngon là ngọt. Mặc miệng đời hay dở khen chê, tương trời đã dành riêng cho chữ an-bản. Ai ngờ vận cùng chưa hết, cơ cực còn đến nơi này, khiến cho con lìa mẹ, chồng lìa vợ, cha lìa con. Ôi ông Trời ơi ! mẹ già, vợ dại, con thơ, từ đây biết trong cậy vào ai. Ông Lý ơi, ông Lý ơi, nông noi nay ông đã thỏa cả rồi, ông ăn ở thế con trời đất nào ! »

Anh ta nói bấy nhiêu điều, nước mắt tuôn như mưa ; giận ừ ừ, không sao nói được, kêu lên : « Ôi Trời đất ơi ! ai làm thế này ! » Rồi bà cụ rú ra mà khóc phọc xuống giường. Tiếng kêu ấy, tưởng sẽ được mây tưng lên đến tận trời. Ai ở gần nghe thấy hỏi ai làm thành chuyện như thế ?

Anh ta thấy mẹ nhọc, khuy, nghĩ ; rồi ôm lấy con, tròn nước mắt chứa chan, mà « Minh ơi, tôi trông vợ chồng năm duyên kiếp, nghèo cứ

khô cũng có nhau, ai ngờ lầy nhau chưa được ba năm, được một chút con vừa mới biết ngồi, ăn ở với nhau đã được bao lâu mà đã phải lìa nhau ! Rồi đây tôi lénh đênh mặt bề, thui thủi quê người. Nào biết khỏi phong ba vùi dập, chắc nào qua hòn đạn mũi tên : mai tôi đi ấy là ngày tôi chết. Thôi mình ơi ! duyên phận nhờ nhàng, tôi đành phụ bạc với mình, thân tôi nào quản dáy bề chân trời, tôi còn chút mẹ già cậy mình thờ phụng : mình nuôi lấy con, giòng giõi tôi còn có dấy. Minh ơi, chữ tông phu tông tử mình có ngại nào, Lòng tiết-hiếu Hoàng Thiên nào phụ, mai này trời hẳn đền công. Thôi mình ơi, kiếp này đã nhờ, kiếp sau xin thế chẳng đời nhau ! »

Vợ nghe chồng nói, tưởng như ruột đứt ra từng đoạn, ngồi rú xuống đất, nắm lấy tay chồng mà khóc, khóc nước nở mà không biết nói làm sao. Bà mẹ thấy vậy cũng ôm lấy con mà khóc. Ôi cảnh mới thảm sao ! Một mẹ, một chồng, một vợ, một con, bốn khúc ruột một lưỡi dao bằm cứa ; thồn thức như mưa ngâu sùi sụt, rên rĩ như rỏ khóc mùa đông, rơi rời như cánh hoa tàn, ủ rũ như cây phải lửa. Này cùng lúc đêm khuya, người trong lầu son, trên nệm gấm, có ai tương đến cảnh sâu-bi kia trong giữa cánh đồng mù mịt ; có ai nghe thấy mẹ con kia vợ chồng kia trong cái lều tranh lạnh lẽo, đang than than khóc khóc nỗi cơ-hàn, tình ly-biệt ấy không ?

Sáng hôm sau, trời chừa rặng đông, phu tuần đã đến kèm thúc đi rồi ; thoi vôi vàng quan tiền mảnh áo, bát gạo năm cơm, vợ bòn nhật bỏ vào khăn gói cho chồng ; rồi chồng sách gói, mẹ trống gậy, vợ ôm con, kẻ trước người sau theo ông lý chầy lình ra tỉnh. Giọt lệ rã đàng, trông nhau mà khóc, tưởng chi đến đường dài mới mệt, thiết gì đến hộp nước miếng cơm. Khốn nạn kia ai đưa ai đi đâu mà một người đi, năm bảy người

họ sau, người giục đi như

đầu leo đèo. Chỗ gọi con

chỗ khóc chồng ; hấp tấp như chạy lụt. kêu ca như bị bắt. Khách bộ-hành ai là chẳng nhìn trông, ai là không ái ngại. Lên đến tỉnh, người càng đông, cái thăm-sầu lại càng thêm ngao-ngán. Mỗi người một vẻ đau, mỗi người một vẻ khổ, chẳng ai giống ai mà ai cũng như ai. Tưởng cái sầu chung mấy nghìn con người kia nhôn-nhao, ngơ-ngác, đã xông lên đến cứu-trùng mà ông Trời cay-nghiệt dễ cũng phải rỏ nước mắt ra mà khóc.

Lúc tuyên linh xong rồi, quan cho dò; từng người hỏi muốn đề tiền hồng lại cho ai thì gọi vào đề quan biên phát. Cửa trại lính lúc bấy giờ người đông như kiến, chen chen dầy dầy, khóc khóc kêu kêu, trông rõ thật là tội-nghiệp.

Người vợ kia đang âm còn đứng với mẹ mắt đỏ hoe, mặt xanh ngắt, chột nghe thấy gọi tên mình, chao con cho mẹ mà chen vào. Vào tới nơi, thấy chồng đang đứng. Ông quan ba cầm cọc bạc

dù mười tám đồng đưa vào tay cho người vợ. Chị ta tức giận, ném nắm bạc xuống đất loảng-soảng tứ-tung, rồi hai tay ôm chặt lấy chồng, kêu trời kêu đất mà bảo ông quan ba rằng : « Bạc ông tôi trả ông, chồng tôi ông trả tôi ! Chồng tôi còn mẹ già con gái ông nữ bắt đi ư ? » Ông quan ba vốn hiểu tiếng ta, khuyên giải không được, và cũng thương tình, bèn sai người nhặt lấy bạc mà thả người lính ấy về và xin tư cách lý-trưởng làng ấy sao được ép uổng con em ..

Khen thay thực cũng nên danh : cái oan càng nghiệt mỗi tình càng to.

Mẹ con thể mới là mẹ con, vợ chồng thể mới là vợ chồng. Giàu mà chi, quyền mà chi ! Kề phi-luân sao không hồ ?

HỒNG-GIỆM

Học - sinh Trường Cao - đẳng Sư - phạm

Hai bà Trưng

(Điệu Tổ-trung-tình 訴衷情)

Phấn son tô vẽ nước non ta,
Muôn thừa tiếng hai bà.
Cửu nạn nước trả thù riêng,
Quét sạch lũ gian-tà.

Đuổi Tô-Định,
Đánh Phục-ba,
Thế mới là.
Anh-thư thao-lược,
Giọng tướng nói liền,
Một chị em nhà.

SONG-KIM

Bà Triệu-Âu

(Điệu « Bồ-tát-man » 菩薩蠻)

ng
ng mới sơn cùng mà phấn,
không hay chữ công-phần.
ng
ng
hi cũng bông-lang.

là dân Giao-chi,
để quân Ngô thế,
風 vũ gánh non sông,
tổ giếng anh-hùng.

寒

Thư

AI-HOA

Kỳ này nhiều bài quá, bài du-kỹ Nam-kỹ x... để kỳ sau sẽ đăng nốt.

Thái trên ai.

THỜI ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ - GIỚI

Bản báo định từ nay dùng lối nhật-kỳ để chép các việc lớn trong thế-giới ở mục Thời-đàm này. Vậy mỗi tháng cứ theo thứ-tự ngày mà lược-dịch ra đây các điện-tin quan-trọng, để tập thành như một bộ « Thế-giới-dại-sự-kỳ », giúp cho các nhà khảo-cứu sau này. Những bài nghị-luận thì đăng ở các phần trên. — Kỳ này bắt đầu tự trung-tuần tháng 11 đến 20 tháng 12 năm 1918.

18 tháng 11. — Điện Paris: Vua nước Anh GEORGE V và hai ông Hoàng-tử lời Paris. Vua tới thăm nước Pháp là lấy cái tư cách làm lữ-giáo của các quân-đội nước Anh, nên không có quan Nội-các Anh nào đi hộ-giá, và nước Pháp đón tiếp cũng lấy thuận lẽ nhà binh. Vua và hai hoàng-tử sẽ đi thăm các hàng trận.

— Quan Thống-tướng FOCH liền quân vào thành Strasbourg (ở châu Alsace).

— Vua Đức ký tờ thoái-vị (acte d'abdication) ở Ameranger, xin bỏ ngôi vua nước Phổ (Prusse) về nước Đức (Allemagne).

30 tháng 11. — Điện Washington: Bộ sứ MI sang dự hội nghị-hòa ở Paris sẽ có các quan như sau này: Quan Giám-quốc WILSON làm chủ, quan ngoại-tướng LANSING, quan đại-tá HOUSE, quan WHITE và quan tướng BRISS.

1 tháng 12. — Điện Paris: Quan tổng-lý Nội-các Pháp CLÉMENTEAU, quan ngoại-tướng Pháp FOCH, hai quan thương-thuyết ANTONDO và SONNINO tới Londres để thi hành quyết trước với Chánh-phủ Anh và việc hòa-hòa.

4 tháng 12. — Điện Washington: Máy động-cơ (moteur) mới cái mạnh mẽ nhất, hai trăm mã-lực (chevaux), và đi mau đến một trăm hai mươi cây-lô-mét.

5 tháng 12. — Điện Lyon: Quốc-trái thứ tư của nước Pháp được cấp 27 ngàn triệu 2 van 5 nghìn quan tiền tại 7 milliards

25 mille francs), hơn cả các kỳ trước, như năm 1915 được 15 ngàn triệu, năm 1916 được 12 ngàn triệu, năm 1917 được 14 ngàn triệu.

— Điện Paris: Vua ALBERT nước Bỉ (Belgique), Hoàng-hậu ELISABETH và Hoàng thái-tử LÉOPOLD tới Paris.

7 tháng 12. — Điện Strasbourg: Quốc-hộ (Assemblée nationale) của hai châu Alsace-Lorraine tuyên-ngôn rằng hai châu ấy có quyền được đòi sáp-nhập về nước Pháp, quyền ấy là quyền quyết-định, không ai nghị-luận vào được.

8 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc POINCARÉ cùng với quan Nghị-trưởng Thượng nghị-viện DUBOST, Nghị-trưởng Hạ nghị-viện DESCHANEL và quan Tổng-lý Nội-các CLÉMENTEAU, tới thành Metz là thủ-phủ châu Lorraine. Ba quan thống-chế (maréchaux) FOCH, JOFFRE, PÉTAIN nước Pháp, quan đại-tướng DOUGLAS HAIG nước Anh, quan đại-tướng PERSHING nước Mỹ ra nghênh-tiếp. Quan Thống-chế FOCH dâng lời mừng. Quan POINCARÉ đáp lại cảm ơn và nói rằng cứ xem như cách nhân-dân đón tiếp quân Pháp thì hẳn rằng lòng dân hai châu Alsace-Lorraine sẽ luôn-ai Mẫu-quốc. — Nhân tướng PÉTAIN mới được thăng chức thống-chế, ngay nơi duyệt-binh quan POINCARÉ làm lễ trao cái trượng thống-chế (bâton de maréchal) cho ngài.

— Điện Lyon: Quan Giám-quốc THOMAS MASARYK của dân Tchéco-Slovaquestới Paris. — Xet dân Tchéco-Slovaques là một dân hơn 10 triệu người thuộc quyền nước Áo tự năm 1620, ngày nay nhân việc chiến-tranh mới thoát-li được quyền áp-chế của Áo và tuyên độc-lập, dựng thành một nước

(1) Chức Thống-chế (maréchal) là chức cao nhất trong nhà binh Pháp, được cầm cái huy-kiểu riêng gọi là cái « trượng thống-chế » (bâton de maréchal). Chức ấy ở nước Pháp từ năm 1870 không ban cho ai cả. Ngày nay mới có ba quan đại-tướng JOFFRE, FOCH và PÉTAIN được đặc-cách thăng chức này.

dân-chủ, Đồng-minh đã từng công-nhận. Quan THOMAS MASARYK nguyên dạy triết-học ở trường Đại-học Prague, là thủ-đô nước Tcheco-Slovaques, tự năm 1915 đã được dân bầu làm chủ Quốc-dân-ngữ-hội (*conseil national*), nay hiện đương ở Washington lại được tin hội cử làm giám-quốc, bèn tự Mỹ qua Anh, rồi qua Pháp, đề thương-thuyết mọi việc, rồi về nước lập chánh-phủ mới. Từ đầu cũng được tiếp đón long-trọng lắm, vì các nước đều có lòng yêu mến một dân đã phải chịu khổ-áp-chế trong ba trăm năm, lời nay mới được tự-do và độc-lập.

9 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc POINCARÉ tới Strasbourg, là thủ-phủ châu Alsace. Các tướng Đồng-minh và cả nhân-dân nghênh-tiếp long-trọng lắm.

10 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc POINCARÉ tới thăm Colmar và Mulhouse là hai tỉnh lớn ở châu Alsace.

14 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc WILSON tới Paris-Dân Paris nghênh-tiếp một cách cực long-trọng. Tới vào 10 giờ, Quan Giám-quốc POINCARÉ, quan Tổng-lý CLEMENCEAU ra đón, mời về trọ ở dinh của Vương-tước MURAT khi xưa. Bữa trưa xoi cơm ở điện Elysée (là dinh quan Giám-quốc Pháp), có 2 trăm các quan dự tiệc. Quan Giám-quốc Pháp đọc lời mừng và cảm ơn cả quần dân nước Mỹ đã hết sức giúp nước Pháp và giúp Đồng-minh. Quan Giám-quốc Mỹ trả lời nói rằng ngày nay đã chiến thắng cần phải nghị hòa thế nào cho sau này không nước nào dám phạm-ác như nước Đức nữa. — Tòa Hội-đồng thành phố Paris nghị tặng quan

Giám-quốc WILSON cái chức « công-dân thành Paris » (*citoyen de Paris*). — Trường Đại-học Paris tặng ngài chức « danh-dự-tiến-sĩ » (*docteur honoris causa*) về văn-khoa và luật-khoa.

— Điện Paris: Hội-đồng đình-chiến quan Thống-chế FOCH làm chủ đã ký tờ ước lãn hạn đình-chiến đến ngày 17 tháng giêng năm 1919 (hạn trước tự ngày 11 tháng 11 đến ngày 14 tháng 12 là hết). Hết hạn sau đó nếu các chánh-phủ Đồng-minh có thuận thì lại tăng cho đến ngày bắt đầu nghị-hòa xong. — Ước đình-chiến có phụ thêm một cái ước về tài-chánh nói rằng nước Đức muốn dùng tiền bạc, giấy bạc hay là « giá-phiếu » (*valeurs*), hoặc ở trong nước hoặc ra ngoài nước phải có Đồng-minh thuận-nhận mới được.

15 tháng 12. — Điện Paris: Quan Giám-quốc nước Bồ-đào (Portugal) SIDONIS PAES bị thích-khách bắn súng lục chết ở kinh-đô Lisbonne. Quan Hải-quân tổng-trưởng CANTO CASTRO được bầu lên thay.

17 tháng 12. — Quan Thống-chế JOFFRE được nghênh-tiếp vào chân hội Hàn-lâm (*Académie française*). Trong bài diễn-thuyết ngài cảm ơn hội và nói rằng hội đã bầu ngài là có ý lấy ngài là đại-biểu cả nhà quân Pháp mà muốn tỏ lòng yêu mến cả nhà quân Pháp.

18 tháng 12. — Vua nước Ý VICTOR EM-MANUEL III tới Paris thăm quan Giám-quốc Pháp thêm cái tình thân-mật hai dân Đều rồi ra hàng trận duyệt các quân Ý ở

VIỆC TRONG

Quan Toàn-quyền Sarraut bị thích-khách. — Trong tháng này có xảy ra một việc làm kích-động cả nhân-dân trong suốt cõi, là việc quan Toàn-quyền SARRAUT bị thích-khách bắn súng lục ngày 15 tháng 12 bởi ngài ra chủ lễ khánh-thành hội chợ Hà-nội. Các nhật-báo đã kể tường-đầu cho cái việc đại-ác ấy, và chỉ tên ác-phạm cho thiên-hạ thóa-mạ. Tên đó là một người Tây tên là DESVIGNES, nguyên ở trên biên ở tỉnh Hà-đông, nhân việc quan, tự lấy làm oan-uổng, đem lòng oán-giận Nhà-

nước, đi lần viết giấy viết thư nói bày
bà đến c to trong xứ, rồi mà đến lập-
tâm phạt rất hung-ác đó. Bữa ấy quan
Toàn-quyền cùng với các quan thủ-hiến vừa
bước vào chợ, kèn thổi mừng chưa dứt
tiếng, thì VIGNES đứng bên chạy xô ra
chĩa súng bắn người quan SARRAUT mà
bắn một rồi quăng súng ra, lùi vào
trong đám người để chần-chộn trốn. Việc
đột-nhiên thế, người chung quanh không
ai ngăn cản được. Sau đó quan Toàn-quyền
cũng đi sau quan Toàn-quyền, duy có quan

Nguyên-soái LEBLOIS đi canh ngải, trông thấy tên ác-phạm lúi về chạy ra nắm chặt lấy, rồi bỏ liệch cánh-sát bắt. Trong lúc bấy giờ thì quan Toàn-quyền còn đi được mấy bước, rồi tay dề vào sườn mà ngã dần ra. Các quan chạy xô lại vực ngải lên, gọi xe hơi vào, theo lối ngải truyền đưa về nhà thương Đồn-thủy. Bết thấy mọi người đứng đấy, người Tây người Nam ai nấy đều kinh-hoảng vô cùng, mỗi đầu ai cũng tưởng quan Toàn-quyền bị bắn vào mạng-mỡ và lo không biết có thể cứu được không. Tên ác-phạm thì điệu ngay về sở cảnh-sát gần đấy, hỏi sơ một lượt rồi tống ngục. Quan Toàn-quyền đưa về nhà thương, quan thầy thuốc xét đạn không vào chỗ phạm, tuy tên hung-đồ muốn bắn vào sườn ngải mà may giữa lúc ấy ngải lại quay ra nhìn lủ người Mán đi qua đấy nên chệch vào xương hông mà xiên xuống dưới mông. Lập tức cho gọi quan Docteur LE ROY DES BARRES là bậc danh-y ở Ha-nội đến mổ lấy đạn ra, quá trưa thì có tin thông-báo của phủ Toàn-quyền cho dân-gian biết rằng quan Toàn-quyền chỉ bị thương mà thôi, vết thương không lấy gì làm nặng lắm, qui-thể vẫn được bình-thường. Ai nấy được tin đó vui mừng xiết kể, vì từ buổi sớm nghe ngải bị thich-khách khắp trong dân-gian, cho đến đàn bà con trẻ đều một lòng thương xót, chỉ cầu Trời khẩn Phật cho ngải được thoát nạn. Kể này người lãnh lẽ dân phải chịu nạn? Người kia bàn: « Chẳng qua là cái ban của ngải, nhưng ngải có hồng-phúc, đầu cái chết đến nơi cũng tránh khỏi. Trời Phật nào nỡ phụ người nhân-đức, kể hiền-tử? »

biết lòng dân ái-mộ quan SARHAUT là L'AN ng nào! Cứ t. lực mà nói, ngải thật là có cái lòng ái-mộ đó. Từ xưa đến nay, dân quan Toàn-quyền nào được ch. lực của bằng ngải. Là vì cái chánh ch. của ngải trong mấy năm ở đây, cái đ. của dân-quang-dại của ngải đã ph. đ. dân-gian, đầu đàn bà con trẻ, đ. h. Mường Mán ở thâm-son cùng-c. một vi cái đức-hóa của ngải. Ngải. Một vi phúc-tình cho cả nước Nam. Một vi phúc-tình như vậy lẽ đâu lại b. được nghiệt của đ. hung-đồ mà tr. hay sao? Không, không có lẽ thế. trong dân-gian nói phải: Trời ph. người nhân-tử?

Ấy sự vui mừng trong dân-gi. mà sự vui mừng của những b. từng biết tường c. công-nghĩ

SARHAUT, lại kể sao cho xiết! Trước nghe thấy cái hung-tin ai cũng ngằn người ra, rụng rời như sét đánh bên tai, rồi trong bụng nôn-nao không biết có qua khỏi được không, sau được tin ngải không việc gì, ai nấy mới yên tâm và một lòng chúc-nguyên cho ngải chóng phục-hồi như cũ.

Nay ngải đã gần khỏi hẳn rồi. Tuy ngải có cái hạnh-phúc lạ mấy lần gặp sự nguy-hiêm, — như hồi trước đã đi tòng quân mà bị thương, đầu năm nay bị xe hơi ðe lên người mà bị thương, lại ngày nay bị súng-lục kể ác-phạm mà bị thương lần nữa, — mà lần nào cũng qua khỏi được, nhưng thực là cái hạnh-phúc chung của cả dân An-nam ta không đến nỗi phải mất một tay lương-tử, tự xưa nay chưa từng gặp bao giờ.

Nam-phong-top-chi xin thay cả quốc dân dâng lời kính-chúc cho qui-thể lại được an-khiên như thường, ðe ngải lại ra sức khai-hóa cho dân ta được nhờ. May lắm! may lắm!

Hội-chợ Hà-nội. — Hội-chợ Hà-nội họp từ ngày 15 tháng 12 năm 1918, đến cuối tháng thì tan. Ngày khánh-thành nhân cái việc ác-phạm kể trên kia mà hội lúc mới đầu có kém vui đi nhiều. Nhưng sau được tin quan Toàn-quyền không việc gì thì chợ lại đông đúc vui-vẻ lắm. Bài kỹ-thuật đăng ở phần trên đã tả rõ cái cảnh-tượng Hội-chợ cho những người ở xa không về xem được. Nay xét cái mục-dịch của Hội-chợ là muốn năm năm họp các nhà buôn bán, nhà công-nghệ Tây Nam ðể làm cái dịp trình bày các đồ hàng cho thiên-hạ biết, giúp cho việc mậu-dịch trong xứ được nhiều điều tiện-lợi, và ngăn cái hoan người ngoài đến xâm chiếm thương-quyền của mình. Phạm việc buôn-bán trong một nước muốn cho thịnh-lợi thì người có đồ hàng với kẻ có tiền mua phải được trực-tiếp mà quen biết nhau, cho khỏi những sự mối-lái phiền-phí cho cả hai bên. Người mua muốn cần-dùng thứ hàng gì được biết ở đâu có đồ hàng ấy mà gửi ngay về mua, chắt được cái hàng như ý mình. Người bán cũng được tùy ý người mua mà chế ra cái hàng thích-dụng, chế rồi bán được ngay, không phải qua nhiều tay nhiều người mới tiêu-thụ được. Lại trong nước có cái nghề gì mới mở, cái sản-vật gì lạ, cũng có dịp mà phô bày ra cho thiên-hạ biết. Có nhiều thứ hàng-hóa nguyên của

ng. l. và người Khách buôn lấy rồi lại ch. ng. ăn lâu một gặp hai. Lại có thứ hàng-hóa vốn trong nước có mà mình cứ ði

mua dùng của người ngoài. Bền như những vật của man-ngược hay là những thổ-hóa của các xứ trong cõi Đông-dương này, trước kia không biết mà dùng hoặc cứ phải mua ở người ngoài buôn lại, nay nhờ có Hội-Chợ biết sản-xuất ở đâu mà khi cần đến có thể gửi thẳng về mua được, tiện lợi biệt bao nhiêu. Hội-chợ này thật là ích-lợi nhiều dường. Tuy năm nay mới mở là lần đầu mà đã vui-vẻ đông-dúc như-vậy, chắc mỗi năm sau này lại càng phát-đạt thêm lên, vì càng nhiều người quen biết và thành cái lệ thường hàng năm.

Thánh-dụ bỏ khoa-cử ở Trung-Kỷ. — Hoàng-Thượng mới giáng tờ Du bái khoa-cử ở Trung-kỷ, xin cang-dịch như sau này :

« Ngày 4 tháng 11 năm Khải-dinh thứ 3.

« Bộ học-phụng-Thượng-Dụ rằng :

« Cứ như các lễ viện Cơ-mật hội-nghị ngày 22 tháng chín và tờ phiến của Bộ-Học đứng xin ngày 18 tháng 10 (tức là 24 tháng 11 tây) năm nay, thi học theo cách khoa-cử ngày xưa không thích-dụng với đời bây giờ. Tuy từ trước cũng vì dùng cách khoa-cử ấy mà ta được nhiều người thông-thái làm về-vang cho nước nhà và lịch-sử, nhưng đến đời bây giờ thì khác nào như cây có hoa mà không có trái. Phần nước nhà muốn cho văn-minh tiến hóa, lễ công-rữ-ràng thì phải cải-lương chế-độ trong nước dần-dần. Và lại nên theo lòng nguyện-vọng của dân mà đeo lấy hạt giống cách-trị, khiến cho dân trong nước đều thông chữ quốc-ngữ và chữ Pháp mà trong chương-trình việc học cũng không hề bỏ hẳn chữ Tàu, bởi vì ngày sau dùng người phải lấy hạng người học-thức cho rất phổ-thông vậy ;

« Chuẩn định rằng :

« Khoản thứ 1. — Từ nay bãi hẳn khoa-cử.

« Khoản thứ 2. — Khoa thi Hội sang năm sẽ là khoa cuối cùng.

« Khoản thứ 3. — Phạm cách lựa bỏ quan-lại thuộc về văn-ban và cách học cách thi sẽ định riêng chương-trình.

« Khoản thứ 4. — Viện Cơ-mật và Bộ-học phải chiểu dụ thi-hành.

« Khâm thủ.

« Số 123. — Học-bộ cung-lục »

Trong *Thời-dàm* kỳ trước (số 13 trang 240) bản-báo đã bàn qua về sự cải-thức trên ai thi-cử ở Trung-kỷ. Nay lại có lời Thánh-dụ bãi

khoa-cử thi biết Triều đình đã quyết-chỉ cải-cách vậy. Sự học ở nước Nam ta sẽ bước vào một thời-kỳ mới. Mong rằng sau này việc học việc thi sẽ được tiến-bộ hơn trước.

Nghị-viên há không phải là một chức trọng sao ? — Gần đây nghe nói có

mấy ông nghị-viên ở hội Tư-vấn Bắc-kỳ (*Chambre consultative du Tonkin*) đệ đơn xin quan Toàn-quyền ban phẩm-hâm cho các nghị-viên, nói rằng chức nghị-viên dân-gian không biết trọng và ở nơi hương-thôn không được cái địa-vị xứng-đáng. Coi đó thì biết rằng cái trình-độ dân-minh còn kém thật. Các nước đều lấy nghị-viên là một chức-trọng không gì bằng, mà duy có nước mình là coi thường và khinh rẻ. Sự đó là bởi cái tục hủ-lậu trong dân-gian xưa nay chỉ biết có quan là trọng, không biết người đại-biêu cho mình ở chốn nghị-hội để binh-vực quyền-lợi cho mình và kiểm-soát công-việc của quan-lại còn trọng hơn quan-lại biết bao nhiêu. Nhưng cũng do cả các ông nghị-viên phần nhiều chưa thoát khỏi cái mê-mộng quan-trương, cái mê-mộng ông hàn, ông bá, chưa cho cái chức mình làm trọng, còn mong người ta trọng sao được ? Đã hay rằng dân ngày nay chưa biết nghị-viên là cái vật gì, nhưng cái phận-sự ông Nghị-viên là phải làm thế nào cho dân nó biết mình là người có ích cho nó, là người sẵn có lòng bênh-vực quyền-lợi cho nó, bàn-bạc những việc công-ích cho nó, nói tóm lại là người đại-biêu cho dân đối với chính-phủ, đối với quan-lại, đó là cái trọng-vọng mình, cần gì mà phải mong người ta trọng ?

Đúng vậy, ai với ai. Làm nghị-viên phải là người đại-biêu cho dân, chỉ lấy cái danh-nghĩa làm trọng, thì thật dân là trọng, há tất phải gọi là trọng sao ? Ông bá, ông bát hay ông cửu mới là trọng. Còn mơ-mộng những sự hư-danh thì chưa có cái tư-cách làm người đại-biêu dân được. Cái tư-cách ấy tự mình phải giữ, đừng mong người ta trọng, mà còn phải nghĩ vì mình là người tai mắt của dân, nên phải nghĩ cho dân ; há tất Nhà-nước phải chờ mình mới trọng được cái tư-cách ấy ?

Vậy thì các nghị-viên phải biết tự-trọng mới được, thì cái chức nghị-viên của mình mà đừng hể ai coi rẻ cái địa-vị. Phải biết rằng đời nay làm nghị-viên còn gấp mấy mươi làm quan, vì quan chỉ có cái quyền bàn-bạc việc lợi ích cho dân, chứ quan chẳng qua là cái chân tay sai-khiến mà thôi.

Chẳng xem như trong Nam-Kỳ coi chức « hội đồng » (tức là nghị-viên) rất là danh-giá, nhiều người tranh nhau mà làm. Ngoài ra cũng phải bắt chước mới được, các ông nghị-viên chớ nên tự khinh mình mà để cho dân nó khinh.

Tờ Châu-tri của quan Thống-sứ Bắc-kỳ về các trường tiểu-học. —

Mới rồi quan Thống-sứ Bắc-kỳ có gửi một tờ châu-tri cho các quan Công-sứ đầu tỉnh về việc chia đặt các trường tiểu-học và việc dạy chữ nho trong các trường ấy, báo-báo tức không kịp dịch toàn-văn mà đăng báo. Theo bộ « Học-chánh đồng-qui » mới thì các trường tiểu-học chia ra làm hai hạng : một hạng gọi là « Sơ-đẳng tiểu-học » (*écoles primaires élémentaires*), một hạng gọi là « cụ-thể tiểu học » (*écoles primaires de plein exercice*). Sơ-đẳng tiểu-học là những trường chỉ có hai lớp hay là ba lớp mà thôi, và dạy học phần nhiều bằng chữ quốc-ngữ. Cụ-thể tiểu-học có đủ cả năm lớp, dạy học bằng chữ tây, cho đến thi được bằng tiểu-học-tốt-nghiệp (*certificat d'études primaires*). Trong « Đồng-qui » định rằng mỗi tỉnh ít ra cũng phải có một trường cụ-thể cho con trai và một trường cụ-thể cho con gái ở tỉnh-lỵ, còn các phủ-huyện hoặc các tổng-làng muốn đặt bao nhiêu trường cụ-thể hay là sơ-đẳng cũng được, tự qua tỉnh hỏi ý các nghị-viên hàng tỉnh mà trình lên xin chánh-phủ. Nay quan Thống-sứ sức cho các quan Công-sứ phải chia hội đồng hàng tỉnh để bàn kỹ nên chia những trường nào là cụ-thể, trường nào là sơ-đẳng. L'ART ah xin đặt thêm bao nhiêu, cũng phân biệt các trường sơ-đẳng thì nên biết phân biệt rõ ràng, nào muốn học chữ tây, nơi nào chỉ học quốc-ngữ mà thôi. — Lại về việc dạy chữ, thì nhà-nước vẫn để quyền cho người dân tùy ý muốn cho con học hay không, nhưng việc đó quan Thống-sứ cũng phải hỏi ý các quan Công-sứ phải hỏi ý các

tỉnh và kê ra những trường tiểu-học nào còn xin học chữ nho.

Coi cái cách thức nhà-nước bảo-hộ sắp đặt sự học như vậy thì biết rằng muốn theo ý dân nhiều. Việc đặt trường, việc dạy chữ đều muốn tùy, cái lòng sở nguyện của dân, không cưỡng bắt chút nào. Sức dân có thể lập được bao nhiêu trường học thì cho phép lập, muốn học chữ tây hay chữ quốc ngữ cũng đều được tùy ý các nghị-viên hàng tỉnh, là những người thay mặt dân để bàn bạc việc công-ích. Vậy các ông nghị viên phải bàn bạc cho cẩn-thận, cho sác-dáng để khỏi phụ lòng dân tin cậy.

Thê-lệ về sự muốn nông-phu ở Nam-kỳ. —

Quan Toàn-quyền mới ký một tờ nghị-định ngày 11 tháng 11 năm 1918 đặt thê-lệ về sự muốn nông-phu ở Nam-kỳ. Nam-kỳ hiện còn nhiều đất bỏ không, chưa cấy cấy, Nhà-nước muốn cò-dộng cho các nhà điền-chủ đến mà khai-khẩn lập đồn-diên. Muốn khai-khẩn cho rộng, cần phải có nông-phu cho nhiều. Vậy cách-thức muốn nông-phu phải cho phân-minh nhất-định thì kẻ làm người thuê mới được chắc bằg. Vì Nam-kỳ không đủ người làm, tất phải cần đến người Bắc-kỳ Trung-kỳ là những nơi thường có nhiều người mà không đủ việc, những năm đói kém phải khổ sở lắm. Nay nếu dân Trung-kỳ Bắc-kỳ vào làm nông-phu ở các đồn-diên trong Nam-kỳ thì đã có thê-lệ của Nhà-nước bênh-vực g ù-giả cho, được thập-phần chắc-chắn, không phải lo sợ gì. Khi vào làm thì người chủ đồn-diên phải làm giấy giao-kèo, hai bên cam-doan theo thê-lệ: tiền công, giờ làm, cơm ăn, chỗ ở tiền tàu bè khi đi khi về, thuốc thang khi đau khi ốm, v. v., nhất-nhất trong lệ đã định cả, và người muốn phải chịu hết. Nhà-nước lại có đặt quan thanh-tra, đi tra xét các đồn-diên xem người muốn đãi người làm có được tử-tế không. Như vậy thì người làm được chắc bằg quá, không còn lo ngại gì. Ước gì ngoài Bắc ta nhiều kẻ không có việc mà làm đi vào trong Nam-kỳ mà kiếm công ở các nơi đồn-diên, rồi sinh-cơ lập-nghiệp trong ấy, thật là hay lắm. Xin các quan ta nên cò-dộng sự đó.

TẶNG NAM-PHONG

— Anh làm gì đó? — Đọc Nam-Phong.

— Thằng nhỏ cụ sai đi đâu rồi? — Đi lấy tập Nam-Phong.

— Chị Ba, sao không đi xới côm cho rồi? — Ừ, để xem hết trang Nam-Phong này đã.

Ấy đó! Ta thử xem chỗ nào, người nào là không đọc Nam-Phong. Từ quan quyền cho đến học trò, dân già, ai ai hễ biết Quốc-Ngữ thì đòi tập xanh, tập đỏ để hai chữ Nam-Phong.

Té ra Nam-Phong là một cái gió, thổi không động cây, không rung lá mà tiếng mạnh tựa gió bão, ồm ồm dật giật tứ phang.

Nhờ gió Nam-Phong, mây đen tan tã, sắc trời trở xanh.

Nhờ gió Nam-Phong, quét sạch bụi trần, hình đất láng trơn.

Nhờ gió Nam-Phong, quắc vằn xuất thế, chen chiều hoàn cầu.

Nhờ gió Nam-Phong, vin tay con trẻ, treo thang tiên-bộ.

Nhờ gió Nam-Phong, nhờ gió Nam-Phong,

muôn việc đều khai-hóa. . . .

Thiệt là công nặng nghĩa dày ta đương chịu. Nhưng, tưởng ta tuy không làm dạng như ông Quỳnh, ông Trác chủ bút Nam-Phong mặc lòng, ta há để khoanh tay mà chờ xem cuộc thế hay sao? Người cùng ta cũng là dân nước, người đã mở mang, đem dâng chỉ nẻo cho ta, thì ta nên theo lấy mà đi, phải làm làm sao mà giúp cho người mở thêm cho rộng đường mà dắt tay nhau lên con đường ấy. Muốn như vậy thì ta chỉ biết mua Nam-Phong cho nhiều mà hóng gió ấy thì lán lán chắc hàn gió ấy cũng càng thêm mát mẻ, thì nước ta chắc hàn cũng càng được đèn văn-minh chói rạng.

Anh em mua lấy Nam-Phong.

Huế, le 6 Novembre 1918.

Tuy (Huế)



Ước (số 11) trang 21

trên ai

viết a

đi làm

ngạc